

NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỨC HẠNH PHỤ NỮ



THÁI CHẤN THÂN biên soạn

Dịch giả: Tống Như Cường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	6
ĐẠO LÀM VỢ CỦA NGÀ HOÀNG VÀ NỮ ANH	12
DIỆU CHÂN CẦU THỌ CHO MẸ.....	13
NÀNG DÂU HỌ TRIỆU.....	14
TRỮ PHẠM BỆN CHIẾU.....	15
VƯƠNG THỊ.....	16
MỘC LAN TÔNG QUÂN	17
HẠ VƯƠNG TÀO KHANG	18
TÚ TRINH KHUYÊN MẸ	19
PHÙNG THỊ.....	20
MỚM SỮA CHO MẸ CHỒNG	21
CÚC HOA KHÔNG OÁN.....	22
LƯU NỮ CÀY RUỘNG	23
LÔ THỊ.....	25
CHỊ EM TƯỞNG TRỢ	26
TRỊNH THỊ NUÔI EM CHỒNG.....	27
VƯƠNG THỊ.....	28
NHƯỜNG CON CHO EM	29
THÔI THIẾU ĐỂ	30
NGUY VƯƠNG THỊ.....	31
VỢ ĐÔN GÁNH VÀNG	32
TÚ CÔ CUNG KÍNH.....	33
DƯ TRẦN NHƯỜNG TÀI SẢN	34
TUỆ NỮ NUÔI EM.....	35
ÂU PHÙNG CHIA ĐỀU TÀI SẢN	36
PHẦN CƠ GIỚI THIẾU NGƯỜI HIỀN.....	38
NGUY PHỤ KHUYÊN VUA	39
MẸ PHẠM BÀNG KHÔNG HỐI HẬN	40
LÝ TÚ TRUNG LIỆT	41
NGU TÔN DẠY VỀ LÒNG TRUNG THÀNH	42

THÀNH MỐI CỦA HÀN PHU NHÂN.....	43
TRƯỞNG TÔN CAN GIÁN	44
TỪ HUỆ KHUYÊN VUA	45
ĐỒNG DƯƠNG DẠY CON	47
TRẦN PHÙNG ĐÁNH CON	48
THI THỊ LÀM NGƯỜI HẦU	49
CHỊ LAM BẮT CƯỚP	50
MẪU SƯ ĐỨNG CHỜ NGOÀI CỬA.....	52
NGHĨA MẪU LÀM THEO LỜI HỨA	53
MỘT LỜI HỨA CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ HỌ TRẦN.....	54
VỢ NGƯỜI HỌ TRẦN GIỮ GIẤY.....	55
TIỀN LÂM HỨA TRONG LÒNG	56
PHAN KIM TỪ CHỐI BAN THƯỞNG.....	57
ĐỊNH KHƯƠNG CẢNH GIỚI VỚI SỰ VỤ KHỔNG.....	58
LỜI NÓI THẬN TRỌNG CỦA XƯƠNG BỒ.....	59
ĐẶNG MAN VỖ VỀ DÂN	60
ĐÔNG MAI THỰC HIỆN LỜI HỨA	62
CÔ GÁI HỌ LƯ AN ỦI CHA	63
VƯƠNG TRẦN ÔM CON	64
THÁI NHÂM DẠY CON TỪ KHI MANG THAI.....	66
KHƯƠNG HẬU THÁO TRÂM.....	67
VỢ KHUYẾT MANG CƠM RA ĐỒNG CHO CHỒNG.....	68
CÔ GÁI BƯỞU CỔ HÁI DÂU	69
DƯƠNG LƯU TRÁCH CON	70
GIA QUY CỦA THÂN QUỐC.....	71
Ý TÂN LỄ PHÁP	72
CÔNG THỪA QUỶ TRÁCH EM TRAI.....	73
LỄ KHUÊ TÔN TRỌNG SỰ THỜ CÚNG.....	74
TRỊNH THÔI BAN ĐÊM DỆT VẢI	76
SỞ VIÊN KHÔNG LÀM TRÁI	77
ĐỖ HẬU LỄ PHÁP.....	78
NGƯỜI BẢO MẪU NHÂN NGHĨA HỌ TANG.....	80
BÀ QUẢ PHỤ QUYÊN GÓP TÀI SẢN	81

MẸ TRIỆU BAO ĐỘNG VIÊN CON.....	82
CHƯƠNG LUYỆN BẢO TOÀN CẢ THÀNH	83
NGHĨA CÔ LUI BÌNH.....	84
NGHĨA QUÂN CỦA CÔNG CHÚA BÌNH DƯƠNG	85
TRỊNH LƯ LIỀU MÌNH	87
LỜI THỀ BAO THÔI.....	88
NGÔ TẠ PHẠT ROI CON	89
NGƯỜI VỢ NHÂN NGHĨA HỌ CAO	90
TRẦN LÂM NGHĨA MẪU	91
NGHĨA CHUYÊN KHẨN CẦU.....	92
MẸ TẮC TRÁCH MẮNG CON NHẬN HỐI LỘ	94
ĐẶNG HẬU KIỂM CHẾ BẢN THÂN	95
THUỐC VIÊN CỦA LIỀU HÀN.....	96
ĐÌNH HƯƠNG CHÔN BẠC.....	97
BÀNH TRẦN TỪ HÔN.....	98
TRINH CƠ TỪ HÔN	99
MẸ ÂU DƯƠNG TU DỪNG CÀNH SẬY DẠY CON.....	100
CAO HOÀNG HẬU GIẢM BỐT CHÍNH SÁCH.....	101
DƯƠNG LA PHÂN PHÁT BỔNG LỘC	103
PHAN QUÁCH LÀM THƠ KHUYẾN NHỦ.....	104
LÝ LÂM KHÔNG NHẬN ÁO QUAN.....	105
THÂN TƯỞNG NHƯỜNG CỦA HỒI MÔN	106
NGUYỄN THỊ TRÁCH CHỒNG	108
BAN CHIÊU KHUYẾN NHỦ PHỤ NỮ	109
THÔI LƯ GIÁC HUẤN NGƯỜI LÀM QUAN.....	110
NỘI HUẤN CỦA TỪ HOÀNG HẬU	111
VỢ NGƯỜI PHU XE ĐÒI LY HÔN.....	112
VỢ NHẠC DƯƠNG TỬ KHÉO LÉO KHUYẾN CAN.....	113
THÔI THỊ LÀM CHO BIẾT XẤU HỔ.....	114
LÝ CA CẢM THẤY XẤU HỔ VỚI NGHỀ.....	115
VƯƠNG THỊ XẤU HỔ VỚI SỰ XA HOA	116
HOÀNG THỊ BỎ TRÂM	117
NGUYỄN PHI CHỊU CỤC HÌNH	118

VỢ BÔN KHÍCH LỄ CHỒNG	119
-----------------------------	-----

LỜI MỞ ĐẦU

Người xưa nói rằng: “*Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*” (*Dựng nước quản dân, dạy học làm đầu*). Một đất nước muốn có công dân tốt thì phải có nền giáo dục tốt, mà giáo dục gia đình là nền tảng của tất cả mọi giáo dục, cũng là sự giáo dục sơ khởi nhất. Đặc biệt, giáo dục của người mẹ là tối quan trọng. Thế nhưng, muốn có mẹ hiền thì phải có nàng dâu hiền lành, lương thiện. Nàng dâu hiền lương xuất thân từ người phụ nữ đã tiếp nhận qua giáo dục luân lý. Thế nên, phụ nữ là ngọn nguồn của cả thế giới. Nếu như nước đầu nguồn không bị ô nhiễm thì cả dòng nước sẽ tự nhiên thanh khiết. Vì vậy, người xưa cho rằng cái gốc của thiên hạ là ở quốc gia, cái gốc của quốc gia là ở gia đình, cái gốc của gia đình là ở con người. Mà người phụ nữ là cái gốc sinh ra bậc hiền tài, thế nên phụ nữ có vai trò vô cùng quan trọng. Chốn khuê môn là nơi Thánh Hiền chào đời. Sự giáo dục của người mẹ là cái gốc của thái bình trong thiên hạ.

- Vào thời nhà Chu, đức hạnh của ba bà Tam Thái (*Thái Khương, Thái Nhậm và Thái Tự*) sáng ngời cổ kim, đáng bậc mẫu nghi thiên hạ, là tấm gương cho hàng nữ nhân trong thiên hạ noi theo.
- Mạnh Mẫu ba lần dời nhà đã nuôi dưỡng ra vị Á Thánh của nhà Nho là Mạnh Phu Tử.
- Vào thời Tam Quốc, phu nhân của Gia Cát Lượng dùng tài đức của mình phò tá chồng. Tài năng của bà tuyệt chẳng kém Gia Cát Lượng, thậm chí còn vượt hơn chồng, nhưng bà vẫn một lòng an giữ bốn phận, phò tá trợ giúp phu.
- Đến đời Đường Thái Tông có Trương Tôn Hoàng Hậu đức hạnh vẹn toàn, khéo léo khuyên ngăn can gián, lấy thiên hạ làm trọng, cũng là một người vợ hiền hiếm có khó gặp.

Thời cận đại, bậc Đại Đức trong nhà Phật là Pháp sư Ấn Quang từng nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân nắm hơn quá*

nửa”. Lại nói: “*Dạy con là cái gốc của bình trị thiên hạ, mà dạy con gái còn càng thiết yếu hơn. Thiên hạ sở dĩ thiếu bậc Hiền nhân là vì thế gian thiếu đi hiền mẫu. Có phụ nữ hiền đức thì mới có hiền thê, hiền mẫu. Có hiền thê, hiền mẫu mà chồng và con của họ chẳng phải là bậc Hiền nhân thì đó là điều hiếm lạ thay. Nếu muốn cứu lấy thế đạo, cải chính nhân tâm thì nên nỗ lực vào vai trò ấy*”.

Vào cuối thời Thanh, đầu thời Dân Quốc, nhà giáo dục Nữ Đức, tiên sinh Vương Phụng Nghi nói rằng: “*Phụ nữ là ngọn nguồn của thế giới*”. Học giả nổi tiếng thời cận đại là tiên sinh Cô Hồng Minh trong chương “*Phụ Nữ Trung Quốc*” của sách “*Tinh Thần Người Trung Quốc*” cũng nói rằng: “*Phụ nữ của một dân tộc chính là những đóa hoa thể hiện sự văn minh của dân tộc đó, là những bông hoa thể hiện sự văn minh của đất nước đó*”.

Có thể thấy rằng **đức hạnh** của người phụ nữ có quan hệ vô cùng to lớn đến sự hưng suy của một xã hội.

Nếu như phụ nữ trong xã hội đều là những bậc thiện lương, hiền thực thì xã hội đó nhất định được tường hòa, thái bình. Vì vậy, giáo dục Nữ Đức là suối nguồn của hạnh phúc nhân loại, là sự then chốt của quốc gia an định, là nền tảng của xã hội hài hòa.

Chúng ta đều biết “*Đại Học*”, “*Trung Dung*”, “*Luận Ngữ*” và “*Mạnh Tử*” được gọi là “*Tứ Thư*” của nhà Nho. Tuy nhiên, rất nhiều người không biết rằng người xưa ngoài bộ “*Tứ Thư*” này ra còn có một bộ “*Nữ Tứ Thư*” dành riêng cho phụ nữ học tập. Từ đây có thể thấy người xưa xem trọng giáo dục Nữ Đức đến mức nào, bởi vì họ biết rằng đây là cái gốc để trị quốc, bình thiên hạ.

Bộ “*Nữ Tứ Thư*” được học giả đầu triều Thanh là Vương Tương biên tập chỉnh lý. Vương Tương sống vào thời Khang Hy. Từ nhỏ, ông đã nhận được sự dạy dỗ tốt đẹp của mẹ. Mẹ của ông họ Lưu, là một bậc hiền mẫu, bà trước tác một cuốn sách tên là “*Nữ Phạm Tiệp Lục*”. Vương Tương do được sự dạy dỗ của mẫu thân nên hết sức xem trọng

giáo dục Nữ Đức. Ông đem các sách **“Nữ Giới”, “Nội Huấn”, “Nữ Luận Ngữ” và “Nữ Phạm Tiệp Lục”** chú thích và gộp lại, đặt tên là **“Nữ Tứ Thư”**. Đó là bộ giáo trình mà phụ nữ thời đó cần phải đọc, truyền bá rộng rãi, lưu thông khắp cả nước. Đến thời cận đại, nó vẫn là bộ giáo trình giáo dục đạo đức vô cùng quan trọng.

Bộ sách đầu tiên trong **“Nữ Tứ Thư”** là **“Nữ Giới”**, do Ban Chiêu thời nhà Hán trước tác với mục đích là dạy đạo lý làm người cho phụ nữ. Nội dung của sách bao gồm bảy chương đó là: Ti nhược, phu phụ, kính thuận, phụ hạnh, chuyên tâm, khúc tòng và hòa thúc muội. Ban Chiêu còn là một Sử gia nổi danh. Cha của bà là Ban Bru, huynh trưởng của bà là Ban Cố. Phụ thân của bà tự tay viết cuốn **“Hán Thư”** nhưng bất hạnh qua đời từ sớm nên không thể hoàn thành bộ sách nên huynh trưởng của bà là Ban Cố tiếp tục viết. Sau đó, Ban Cố bị tiểu nhân hãm hại, chết ở trong ngục. Ban Chiêu kế thừa sự nghiệp của cha anh, năm bà bốn mươi tuổi đã hoàn thành xong bộ **“Hán Thư”**. Ban Chiêu được gọi là Tào Đại Gia (chữ **“Đại Gia”** đọc âm là **“Thái Cô”**), nên sách **“Nữ Giới”** còn được gọi là **“Tào Thái Cô Nữ Giới”**.

Năm Ban Chiêu mười bốn tuổi được gả vào nhà họ Tào. Chồng của bà là Tào Thế Thúc. Vì vậy, mọi người gọi bà là Tào Thái Cô. Ban Chiêu là người rất có đức hạnh nên sau đó Hoàng Đế đã mời bà vào trong cung dạy dỗ cho các Phi tần ở hậu cung. Bà trở thành thầy của Hoàng Hậu. Hoàng Đế đương thời là Hán Hòa Đế. Sau khi ông băng hà, do Hoàng Đế nối ngôi tuổi vẫn còn nhỏ nên Đặng Thái Hậu lo việc triều chính. Tào Thái Cô lại là Thầy của Đặng Thái Hậu nên Đặng Thái Hậu đã mời bà tham dự việc triều chính. Ban Chiêu đem tâm lòng tận trung phục vụ triều đình, phò tá chính sự. Mặc dù là người trực tiếp giúp Thái Hậu xử lý việc triều chính, có địa vị rất cao nhưng Ban Chiêu không phải là người phụ nữ mạnh mẽ. Theo ghi chép kể lại thì bà là một phụ nữ có bản tính ôn nhu, tinh tế. Chồng của bà là người hướng ngoại hoạt bát, còn bản thân bà là người ôn nhu, tinh tế. Vợ chồng chung sống với nhau thập phần hạnh phúc.

Bộ sách thứ hai của “*Nữ Tứ Thư*” là “*Nội Huấn*”, do Từ Hoảng Hậu của Vua Minh Thành Tổ vì muốn giáo dục các phụ nữ trong cung mà thu thập và chỉnh lý những lời dạy về phẩm đức phụ nữ của cổ Thánh tiên Hiền mà viết thành sách. Sách chia thành hai mươi chương, nội dung bao gồm: Tiêu chuẩn Nữ Đức, tu dưỡng Nữ Đức, quy phạm Nữ Đức, trách nhiệm giáo dục của người mẹ, v. v. Trong đó, “*Huấn*” nghĩa là giáo huấn, “*Nội*” là từ chuyên chỉ cho phụ nữ (*bởi vì nữ chủ nội: phụ nữ lo việc trong nhà*). Việc chủ nội rất quan trọng, thậm chí còn quan trọng hơn chủ ngoại, thế nên giáo dục Nữ Đức được đặc biệt xem trọng.

Bộ sách thứ ba tên là “*Nữ Luận Ngữ*” do nữ học sĩ Tống Nhược Tân thời nhà Đường trước tác. Nhà họ Tống có năm người con gái, đều là những người phẩm đức vẹn toàn. Sách “*Nữ Luận Ngữ*” do Tống Nhược Tân viết dựa theo thể lệ của sách “*Luận Ngữ*”. Bởi vì sách “*Luận Ngữ*” đa phần đều là lời hỏi và đáp giữa Khổng Tử và các môn đệ của Ngài, cho nên nguyên bản của sách “*Nữ Luận Ngữ*” cũng là dựa trên phương thức thầy trò hỏi đáp mà viết ra. Tống Nhược Chiêu là em gái của Tống Nhược Tân. Bà viết chú thích cho bộ “*Nữ Luận Ngữ*” của chị mình. Nguyên bản của sách “*Nữ Luận Ngữ*” do Tống Nhược Tân viết hiện nay đã thất truyền, hoặc có thể là do sau khi Tống Nhược Chiêu viết xong chú thích thì không cần đến nguyên bản nữa mà dùng ngay bản đã được chú thích. Cuốn mà hiện nay đang được lưu hành chính là cuốn này. Sách lấy bốn chữ làm thành một câu, chia thành mười hai chương, tuy không còn dựa trên thể lệ hỏi-đáp nhưng nội dung về cơ bản vẫn được thống nhất. “*Nữ Luận Ngữ*” còn được gọi là “*Tống Thượng Cung-Nữ Luận Ngữ*”. “*Tống*” là họ của tác giả, “*Thượng Cung*” là chức quan của bà. Đó là chức vị Nữ Quan dạy học cho các Công chúa, hậu Phi, còn cả Công tử và Vương tử ở cung đình.

Bộ sách thứ tư là “*Nữ Phạm Tiệp Lục*” do bà Lưu Thị là thân mẫu của Vương Tương sáng tác vào đầu thời nhà Thanh. Sách chủ yếu xem trọng việc giáo dục đức hạnh và tiết tháo của phụ nữ. “*Nữ Phạm Tiệp*

Lục” được chia thành mười một chương bao gồm: Thống Luận, Hậu Đức, Mẫu Nghi, Hiếu Hạnh, Trinh Liệt, Trung Nghĩa, Từ Ái, Bình Lễ, Trí Huệ, Cần Kiệm và Tài Đức. Sách viết về các sự tích của những trinh phụ, liệt nữ, hiền thê, từ mẫu thời xưa, đồng thời ca ngợi hai bộ sách “*Nữ Giới*” và “*Nội Huấn*”.

Bốn bộ sách trên được gọi là “*Nữ Tứ Thư*”, là giáo trình giáo dục Nữ Đức quan trọng nhất trong lịch sử Trung Quốc do Vương Tương viết phần Tiên Chú (*chú thích*).

Vào thời nhà Minh cũng có một bộ sách tên là “*Nữ Tứ Thư*”. Năm thứ tư đời Minh Thiên Khải (1624), bộ sách này được khắc bản với tên là “*Khuê Các Nữ Tứ Thư Tập Chú*”, là bộ giáo trình giáo dục đạo đức cho phụ nữ. Trong những lần phiên ấn sau thì được giản lược lại thành “*Nữ Tứ Thư*”. Sách được lưu thông rộng rãi, thậm chí còn được lưu truyền ra nước ngoài. Lúc đó, Vương Tương vẫn chưa viết chú thích cho “*Nữ Tứ Thư*” nên đương nhiên bộ này không bao gồm “*Nữ Phạm Tiệp Lục*”. Nhưng nếu xem đến bộ “*Nữ Tứ Thư*” từ Nhật Bản truyền sang thì bộ này bao gồm: “*Nữ Giới*”, “*Nữ Luận Ngữ*”, “*Nội Huấn*” và “*Nữ Hiếu Kinh*” do bà Trịnh Thị, vợ của Hàu Mạc Trần Mạc (họ là Hàu Mạc Trần) viết.

Tóm lại, những bộ sách trên đều kể về các tấm gương về bát đức: **Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ** của các bậc nữ lưu thời xưa, là những bộ sách cho phụ nữ chúng ta thời nay nghiêm túc học tập.



ĐẠO LÀM VỢ CỦA NGÀ HOÀNG VÀ NỮ ANH

Vua Nghiêu có hai người con gái, người con lớn tên Nga Hoàng, người con nhỏ tên Nữ Anh. Nghe lời tiến cử của Tứ Nhạc ở trong triều về Ngụ Thuấn, Vua Nghiêu gả hai con gái của mình cho Thuấn, đến xem phẩm hạnh của Thuấn như thế nào. Phụ thân của Thuấn là người ngu muội, kẻ mầu thì ngang ngược, em Tượng thì ngạo mạn. Chị em Nga Hoàng, Nữ Anh phò trợ Thuấn, trong lúc làm việc đồng áng cũng tận bốn phận làm vợ. Cha của Thuấn là Cỗ Tẩu và em Tượng muốn mưu sát Thuấn, bảo Thuấn đi sửa kho thóc và đào giếng, muốn nhân cơ hội đó giết chết Thuấn. Thuấn kể chuyện đó cho hai người vợ của mình nghe. Hai nàng tuy hiểu rõ âm mưu nham hiểm của Cỗ Tẩu và Tượng nhưng vẫn bảo chồng đi làm. Đến khi Vua Nghiêu đem Vương vị trao cho Thuấn, Nga Hoàng lên ngôi Hoàng Hậu, Nữ Anh trở thành thứ Phi nhưng hai nàng vẫn cung kính phụng sự Cỗ Tẩu như trước đây.

Lời bàn: Hai nàng bất chấp thân phận là con gái của Vua để lấy một người nông dân làm chồng, cha mẹ chồng lại là người ngoan cố, bạo ngược, mỗi ngày đều muốn giết chồng của họ. Tuy hai nàng đều hiểu rõ âm mưu giết hại chồng mình nhưng vẫn khuyên chồng đi làm việc cho cha. Các nàng đều dụng tâm tôn kính nghe theo mệnh lệnh mà làm việc, không có chút trái ngược, nên được mọi người khen ngợi về đức khiêm tốn, cung kính, cẩn trọng, kiệm ước, đức hạnh vẹn toàn. Dù là thân phận con gái của Đế Vương và là Vương Phi của một nước nhưng hai nàng vẫn phụng sự cha chồng cung kính như thuở ban đầu. Hai nàng Phi tử của Vua Thuấn quả thật là tấm gương cho vạn thế noi theo.

DIỆU CHÂN CẦU THỌ CHO MẸ

Thời nhà Nguyên có một người con gái hiếu thảo, nàng họ Cát, tên gọi Diệu Chân. Năm nàng lên chín tuổi nghe thầy tướng số nói thân mẫu nàng chỉ sống đến tuổi năm mươi. Cát Diệu Chân vô cùng buồn bã, khẩn nguyện với thần minh ở trên trời, bản thân tình nguyện trường trai, không kết hôn, đồng thời mỗi ngày đều tụng Quán Âm Kinh để cầu tăng tuổi thọ cho mẹ. Trong nhà, phàm là những thức ăn còn tươi sống đều không mang vào cửa, chỉ dùng thịt muối mà cúng dường cho mẹ. Đồng thời, nàng còn dùng số tiền dành dụm từ công việc may vá của mình mà mua động vật phóng sanh, khuyên nhủ người thân và xóm giềng bớt sát sanh hại vật, không được đim nước bé gái. Khi nhìn thấy trẻ em bắt chim, câu cá, nàng nhất định sẽ khuyên nhủ cha mẹ của các em bảo ban răn dạy các con. Lâu ngày chầy tháng, hàng xống lảng giềng đều bị sự chân thành của nàng cảm hóa, khiến cho biết bao nhiêu tánh mạng của động vật được cứu sống. Sau này, mẫu thân của nàng sống đến tám mươi một tuổi. Đây chính là kết quả của việc giới sát phóng sanh và tấm lòng chí hiếu của Cát Diệu Chân đã khiến trời cao cảm động.

Lã Khôn có lời bình rằng: Cát Diệu Chân chỉ nghĩ đến ân tình của mẹ mà hy sinh hôn sự của đời mình. Đây có thể nói là một việc làm hiếm có. Việc làm này xuất phát từ sự dụng tâm thuần nhất của nàng. Chỉ lấy việc phóng sanh để kéo dài tuổi thọ của mẹ, sau cùng đã đạt được thành công. Bởi vì phẩm đức lớn nhất trong trời đất đó chính là “*sanh*” (*được sống*), nên người có đức hạnh lớn nhất định sẽ được trường thọ. Lòng người an định, vui giữ bốn phận của chính mình thì sức mạnh phát ra có thể siêu vượt tự nhiên. Ai nói vận mạng con người không thể cải đổi được chứ?

NÀNG DÂU HỌ TRIỆU

Thời nhà Nguyên ở vùng Ứng Thành có nàng dâu họ Triệu rất hiếu thuận. Chồng của nàng qua đời từ sớm, gia đình rất nghèo khổ. Nàng phải ra ngoài làm công cho người ta kiếm một ít tiền về nuôi dưỡng mẹ chồng. Mỗi lần có được thức ăn ngon nàng nhất định mang về cho mẹ chồng ăn, còn mình thì ăn cơm gạo thô. Nàng lại nghĩ đến việc mẹ chồng hiện nay tuổi tác đã cao, ngộ nhỡ có điều bất trắc mà gia đình quá nghèo thì lấy đâu ra tiền để mua áo quan? Thế nên, nàng đành đem đứa con thứ hai của mình bán đi, dùng tiền mua về một cỗ áo quan, đặt ở trong nhà. Một ngày nọ, nhà hàng xóm ở phía Nam gặp cơn hỏa hoạn, lúc đó sức gió lại lớn, suýt chút nữa thiêu đốt nhà họ Triệu. Nàng nhanh chóng dìu mẹ chồng ra bên ngoài, nhưng còn cỗ quan tài quá nặng không dời đi nổi, nàng khóc mà nói rằng: “Tôi đã đau lòng bán con của mình mới mua được cỗ quan tài này. Ai có thể cứu giúp tôi mang nó ra đây?”. Nói chưa dứt lời thì gió đột nhiên chuyển hướng, nhà họ Triệu mới được an toàn.

Lời bàn: Nàng dâu họ Triệu hiếu thảo chịu cảnh góa bụa từ khi còn trẻ, gia cảnh lại bần cùng, dựa vào việc may vá để kiếm tiền phụng dưỡng mẹ chồng, bấy nhiêu thôi cũng xứng đáng được người khen ngợi. Chưa kể mỗi lần có được thức ăn ngon nàng nhất định mang về nhà cúng dường mẹ chồng. Thậm chí, nàng còn bán cả con của mình để mua áo quan, phòng ngừa điều bất trắc xảy đến. Khổ tâm này của nàng ai có thể sánh được? Chỉ một câu nói của nàng đã khiến cơn gió đổi hướng, lửa lớn rút lui. Ai bảo Thần Lửa không hiểu sự lý cơ chứ? Chí thành mà không thể khiến người cảm động thì trước giờ chưa có việc đó vậy!

TRỮ PHẠM BỆN CHIẾU

Vào thời nhà Minh, Yên Vương tạo phản. Có một người họ Trữ tên Phúc không đồng thuận với sự tạo phản của Yên Vương, thống thiết bị ai không chịu ăn cơm, tận trung mà chết. Vợ của người đó họ Phạm, rất hiếu thuận với mẹ chồng. Mỗi lần nàng nhớ đến chồng đều một mình âm thầm đi vào hang núi khóc lớn, bởi vì nàng sợ mẹ chồng nghe thấy sẽ đau lòng. Hành vi thủ tiết tận hiếu của nàng khiến mọi người trong làng đều khen ngợi. Gia cảnh của nàng hết sức khó khăn, cuộc sống chật vật lắm mới có thể duy trì. Một ngày nọ, lúc nàng giặt quần áo bên khe suối nhìn thấy bên bờ suối mọc lên đám cỏ bên chiếu, nàng liền nhổ cỏ về bên thành chiếu bán, dùng số tiền bán chiếu đó phụng dưỡng mẹ chồng. Sau khi mẹ chồng qua đời, nàng ở bên cạnh mộ thủ hiếu, sống đến hơn tám mươi tuổi mới qua đời. Sau khi nàng mất thì đám cỏ bên khe suối cũng không tiếp tục mọc lên nữa.

Lời bàn: Chồng mất sớm, gia cảnh mẹ chồng khôn khó, hoàn cảnh bức bách, nỗi khổ của nàng khó nói thành lời. Khóc thương chồng cũng không dám để cho mẹ chồng nghe thấy, nội tâm của nàng càng đau đớn hơn, cảnh ngộ của nàng đáng để thương cảm. Nhổ cỏ bên chiếu nuôi mẹ chồng, mẹ chồng qua đời rồi ở tại lều tranh giữ mộ. Chính vì vậy, nàng có được cỏ để bên chiếu, hưởng tuổi thọ cao. Lẽ nào ông Trời hồi báo sai sao!

VƯƠNG THỊ

Vào thời nhà Minh có gia đình họ Triệu, trong nhà có người con dâu họ Vương. Cha chồng và chồng của nàng đều ra ngoài làm việc. Mẹ chồng ở nhà nghe lời ton hót của em gái chồng mà ngược đãi nàng. Tuy nhiên, Vương Thị hết thấy đều nhận chịu, không một lời oán than. Một lần nọ, có người phụ nữ trong xóm thấy vậy đến khuyên giải mẹ chồng nàng. Bà không những không nghe mà đem lòng sinh nghi cho là do nàng dâu xúi dục đến nên đã đuổi nàng về nhà mẹ đẻ. Trong vùng xảy ra nạn ôn dịch nghiêm trọng, mẹ chồng và em chồng của nàng đều mắc phải bệnh dịch nguy hiểm. Bà con thân thích vì sợ bị lây bệnh nên không dám đến nhà họ Triệu thăm nom. Vương Thị sau khi hay tin mẹ chồng và em chồng bị bệnh liền vội vàng quay trở về. Nàng vào bếp quỳ xuống trước bếp lò, cắt miếng thịt trên đùi nấu làm canh cho người bệnh ăn. Đột nhiên nàng nghe thấy có tiếng quỷ nói: *“Nàng dâu hiếu thuận này trên đầu có vàng sáng đỏ, có chư vị thần minh bảo hộ đấy! Chúng ta mau đi thôi!”*, nói xong thì không nghe thấy tiếng gì nữa. Từ đó bệnh của mẹ chồng cũng dần khỏi.

Lời bàn: Tốc độ truyền nhiễm của ôn dịch rất nhanh, sao có thể tránh khỏi bị lây bệnh? Nàng Vương Thị tuy bị đuổi ra khỏi nhà nhưng trong lòng chỉ nghĩ đến mẹ chồng, không còn thời gian nghĩ đến bệnh tật, khẩn thiết xin cha mẹ ruột cho phép quay trở về chăm sóc mẹ chồng. Chánh khí to lớn của nàng tự nhiên có thể đẩy lui trăm thứ tà khí xâm hại, được chư Thần hộ vệ, chúng quỷ bỏ đi vậy.

MỘC LAN TÔNG QUÂN

Vào thời nhà Tùy, Bắc Ngụy có một nàng con gái đặc biệt tên gọi Mộc Lan, là người thôn Đông Ngụy, Bạc Thành. Niên hiệu Cung Đế, quân Đột Quyết xâm phạm biên cương, triều đình chiêu mộ tráng đinh làm binh sĩ đi đánh trận. Cha của Mộc Lan theo quy định phải xung binh, nhưng tuổi tác đã già, lại còn mắc bệnh, không thể đi được. Em trai của Mộc Lan tuổi còn quá nhỏ, lại rất yếu ớt. Mộc Lan đành cải dạng nam trang thay cha đi tông quân. Nàng ở ngoài bốn ba mươi hai năm, trải qua mười tám lần đánh trận, nhưng mọi người đều không hay biết nàng là gái giả trai. Sau khi thắng trận trở về triều, Cung Đế thấy Mộc Lan có công lao nên phong cho nàng làm Thượng Thư Lang. Mộc Lan xin từ chối, trở về nhà cõng bố quân trang mặc lại y phục như trước đây. Nàng làm một bài thơ về những việc nàng đã trải qua trong trận chiến, bài thơ đó được rất nhiều người đời sau truyền tụng.

Lã Khôn có lời bàn: Người quân tử trong thế gian khi đến ruộng dưa không dám chĩnh sửa giày, ở dưới cây mận không dám sửa mũ, không phải không được làm thế mà chính mình không dám làm. Bản thân còn không tin chính mình thì không thể khiến người khác tin tưởng. Giống như con người nàng Mộc Lan, người đời sao tránh khỏi hiềm nghi việc nàng có bị thất thân hay không. Người trong chốn ba quân đông như thế, trải qua mười hai năm trường nhưng họ vẫn không biết nàng là phụ nữ, thì lấy có gì mà nghi ngờ nàng chứ?

HẠ VƯƠNG TÀO KHANG

Thời nhà Minh, vợ của Hạ Thành Minh là Vương Thị là con gái của một người nông dân ở Vô Tích. Gia đình rất nghèo, gặp năm mất mùa nên người chồng phải thường xuyên ra ngoài làm ăn. Vương Thị ngày đêm gắng công may vá, dệt vải, dụng tâm làm những món ăn ngon dâng lên cha mẹ chồng, còn mình thì ăn cám gạo và rau dại lót dạ. Có một lần, mẹ chồng của nàng bước vào bếp nhìn thấy con dâu đang ăn cám gạo và rau dại mà bất giác rơi lệ. Về sau, Vương Thị hưởng thọ đến hơn tám mươi tuổi, lúc lìa đời cũng không sanh bệnh. Những người trong nhà trong giấc mộng nhìn thấy phảng phất có người cầm cờ và tấu nhạc đến rước người con dâu hiếu ấy ra đi. Trong vùng, có người đồ Cống Sinh mỗi lần đi ngang qua cửa nhà Vương Thị đều nhất định đứng ở ngoài cửa vái ba vái biểu thị sự cung kính.

Lời bàn: Cần lao may vá kiếm tiền, dâng cơm nước cúng dường cha mẹ chồng còn bản thân chỉ ăn cám gạo và rau dại. Dùng một tấm thân để làm trọn bổn phận của cả hai người, nàng quả xứng đáng được trường thọ và thành Tiên. Còn người đồ Cống Sinh kia mỗi lần đi qua nhà Vương Thị xá ba xá nhằm để người đời thấy rằng người mà tận hiếu sẽ được người tôn trọng. Vậy thì kẻ bất hiếu hãy nên hổ thẹn mà sửa đổi!

TÚ TRINH KHUYÊN MẸ

Thời nhà Minh mẹ của Dương Tú Trinh liên tiếp sanh ra ba người con gái, không có con trai. Đến lần sanh thứ tư lại là con gái, bà tức giận muốn dìm nước đứa trẻ gái đó đi. Lúc đó, Dương Tú Trinh mới mười ba tuổi lập tức ôm lấy đứa trẻ, quỳ trước mặt mẹ mà nói rằng: “*Mẹ muốn sanh con trai mà lại giết con gái thì sẽ càng không thể sanh con trai được ạ. Nếu như mẹ lo lắng tiền của hồi môn sau này thì mẹ hãy dùng số tiền tương lai gả chồng cho con mà dành cho em ạ*”. Mẹ của nàng nghe xong liền mắng nàng không hiểu thời thế. Dương Tú Trinh lại quỳ mà thưa với bà nội rằng: “*Bà nội mỗi ngày đều niệm A Di Đà Phật, nay thấy chết mà không cứu. Vậy niệm Phật có ích gì chứ?*”. Bà nội của nàng cũng bị nàng làm cho cảm động mà tỉnh ngộ, vì vậy giữ lại đứa bé gái thứ tư để nuôi. Hai năm sau, quả nhiên mẹ của Dương Tú Trinh sanh ra một đứa bé trai. Khi mẹ của Tú Trinh sanh được con trai, cha của nàng nằm mộng thấy Tổ tiên hiện về bảo rằng nếu như không giữ đứa con gái thứ tư lại nuôi thì không thể nào sanh ra đứa con trai này được.

Lời bàn: Lời mà Dương Tú Trinh quỳ xuống khuyên mẹ xuất phát từ tấm lòng chân thành, thiên tánh tự nhiên lưu lộ, nên mới có thể khiến cho huyết thống của nhà họ Dương được tiếp nối. Sự cảm ứng của tâm hiếu thật lớn biết bao!

PHÙNG THỊ

Thời nhà Minh, vợ của Ngô Tử Quế là Phùng Thị. Gia đình rất nghèo, nàng hết sức cần kiệm để phụng dưỡng cha mẹ chồng. Mẹ kế của chồng là Trương Thị thường xuyên mắng nhiếc nàng, nhưng Phùng Thị lúc nào cũng giữ hòa khí mà tiếp nhận lời chửi mắng, không hề có chút oán giận. Những phụ nữ láng giềng muốn đến nhà khuyên giải mẹ chồng nàng, Phùng Thị đều ngăn họ lại mà nói rằng: *“Mẹ chồng sở dĩ mắng em là do em không thể chiều theo ý của bà. Nếu các chị đến khuyên bà thì chẳng khác nào nêu lỗi của mẹ chồng, vậy đã phạm đại tội bất hiếu rồi”*. Ngô Tử Quế có hai người em trai đều đã lập gia đình. Mẹ chồng cũng ngược đãi hai người con dâu đó. Cả hai nàng dâu luôn có ý nghĩ muốn treo cổ tự tử. Phùng Thị phải khéo léo uyển chuyển khuyên giải mới khiến họ từ bỏ ý định quyên sinh. Nhờ sự cảm hóa của Phùng Thị mà hai nàng ấy càng cẩn thận giữ đạo làm vợ hơn trước. Mẹ chồng cũng nhân đó mà dần hồi hận hiểu ra vấn đề. Hai người em dâu cảm ơn ân đức tái sanh của Phùng Thị, xem nàng như mẹ vậy.

Lời bàn: Tự trách bản thân, nhận phần lỗi về mình là việc mà bậc nam tử còn khó làm được, huống chi là nữ nhân. Phùng Thị lấy thân làm gương cảm hóa hai người em dâu, đồng thời còn cảm hóa mẹ kế của chồng mình. Không ngờ hạnh hiếu của Vua Thuấn ba ngàn năm sau đã có người như Phùng Thị làm được. Nếu như mở Kinh điển ra, nghe lời dạy của Thánh Hiền mà muốn được bằng như Thánh Hiền thì nào khó khăn gì chứ!

MÓM SỮA CHO MẸ CHỒNG

Thời nhà Đường có vị Sơn Nam Tây Đạo Tiết Độ Sứ tên là Thôi Quán. Bà cố của ông là Trương Tôn phu nhân tuổi tác đã cao, răng trong miệng đều rụng hết cả. Bà nội của ông là Đường phu nhân mỗi ngày trước tiên chải đầu, rửa tay sạch sẽ đến phòng vấn an mẹ chồng, rồi lấy sữa của mình cho mẹ chồng dùng. Vì vậy, tuy Trương Tôn phu nhân răng không còn không thể ăn cơm nhưng nhờ đó mà mấy năm qua bà vẫn khỏe mạnh. Có một hôm bà bị bệnh, tất cả con cháu lớn nhỏ trong nhà đều đến phòng của bà. Bà nói với mọi người rằng: *“Ta không có thứ gì để báo đáp tấm lòng của con dâu, chỉ mong sao những nàng dâu của con cháu nhiều đời sau đều hiếu kính giống như con dâu của ta. Vậy là được rồi!”*. Về sau, con cháu nhà họ Thôi có đến mười mấy người làm đến chức Thượng Thư, Trưởng Quan của Châu quận. Nhắc đến những gia đình làm quan trong thiên hạ thì mọi người đều suy tôn nhà họ Thôi lên đầu tiên.

Lữ Khôn bàn rằng: Nàng dâu phụng sự mẹ chồng cho dù gian khổ đến đâu chỉ cần cơm nước đầy đủ là đã không mất đạo hiếu rồi, đã được xem là người hiếu thuận. Mỗi ngày tận tâm tận lực cung cấp thức ăn ngon cho cha mẹ, nhưng mẹ chồng lại không ăn uống được gì, dù thức ăn ngon cũng không ăn được. Lấy sữa nuôi con của mình để phụng dưỡng mẹ chồng, sao lại có thể nghĩ đến biện pháp này được vậy? Đã có tấm lòng chân thành hiếu kính cha mẹ thì lo gì không có phương pháp phụng dưỡng song thân.

CÚC HOA KHÔNG OÁN

Trương Cúc Hoa thời nhà Tống năm lên bảy tuổi bị kẻ mẩu lén đem bán vào nhà của Phạm Thượng thư. Mẹ kế còn gạt cha của nàng rằng con gái của ông đã đi lạc. Cha của nàng hay tin mất con khóc đến nổi mù cả hai mắt. Trải qua mấy năm sau, Trương Cúc Hoa và cha may mắn gặp được nhau tại gia đình họ Kim. Hai cha con ôm lấy nhau khóc nức nở. Cúc Hoa xin phép từ biệt chủ nhân theo cha trở về nhà. Về đến nhà, cha nàng toan đuổi mẹ kế đi, nhưng Trương Cúc Hoa nói: *“Nếu không nhờ mẹ làm như vậy sao con có cơ hội được bước chân vào gia đình giàu có. Đây là nhờ vào ân đức của mẹ đối với con. Sao có thể oán giận mẹ được chứ? Huống chi bây giờ con đã trở về mà mẹ lại bị đuổi đi. Con sao có thể an tâm cho được!”*. Vì vậy, cha của nàng không đuổi bà đi nữa.

Sau này phụ thân tuổi tác cao và qua đời, không có con trai, gia cảnh nghèo khổ, Cúc Hoa phụng dưỡng kẻ mẩu hết sức hiếu thuận. Về sau, mẹ kế không đi lại được nữa, nàng đã công bà đi. Đến khi kẻ mẩu qua đời, Cúc Hoa trở về làm công cho nhà giàu đó. Nàng trung hiếu, cần mẫn, hòa nhã, kiệm ước, đức hạnh vẹn toàn.

Khi Cúc Hoa làm công cho nhà người ta, nàng thường trò chuyện với những nữ tì khác, thành khẩn khuyên họ phải trung thực, cần lao. Có người không tiếp nhận lời khuyên còn mắng chửi nàng. Nàng đều xin lỗi họ, tuyệt đối không chút tính toán. Mỗi khi gặp việc gian khổ, nàng đều tự mình đi làm trước. Người khác cho tiền hoặc quần áo nàng đều từ chối, nếu bị ép thì bất đắc dĩ phải nhận lấy. Cho dù là một miếng vải hay một que củi nàng đều không dám tùy tiện vứt đi. Trong nhóm tì nữ có các em gái tuổi còn nhỏ nàng đều chải đầu, tắm rửa, vá quần, vá áo cho chúng, xem chúng như con gái của chính mình. Đức hạnh của nàng Cúc Hoa thật không kể xiết!

LƯU NỮ CÀY RUỘNG

Thời nhà Minh gia đình họ Lưu ở vùng Nhữ Dương có hai người con gái hiếu thảo. Người cha tên là Lưu Ngọc sinh được 7 người con gái nhưng không có con trai. Gia cảnh hết sức nghèo khổ, mỗi ngày ông đều phải ra đồng làm ruộng. Có một lần ông đứng ở gò đất cao trên đồng mà than thở rằng: *“Ta chỉ sinh toàn con gái, không có con trai, tuổi đã già mà còn phải cày ruộng, không có thời gian được nghỉ ngơi”*. Lời nói này của ông bị hai người con gái thứ tư và thứ sáu nghe được. Hai nàng rất thương xót cha của mình nên cả hai cùng lập lời thề cả đời không xuất giá. Từ đó về sau, hai nàng đổi sang mặc áo ngắn, mỗi ngày ra đồng giúp cha làm việc, khiến cha già được vui lòng. Đến khi cha mẹ lần lượt qua đời, gia đình không có khả năng an táng. Hai nàng đã sửa nhà lại thành phần mộ, mỗi ngày sớm tối vẫn an cha mẹ như lúc sinh tiền.

Năm thứ tư niên hiệu Long Khánh thời Minh Mục Tông, có ông đốc học phó sứ Dương Tuấn Dân và tri phủ sứ Quế Phương đích thân đến nhà họ thăm viếng, lúc đó hai người con hiếu này đã hơn sáu mươi tuổi rồi.

Lời bàn: Năm xưa có tấm gương nàng Đê Oanh cứu cha thì ngày nay ông Lưu Ngọc có hai nàng con gái giúp ông cày ruộng. Ai bảo sinh con gái vô dụng chứ? Chỉ xét xem đức hạnh của chính mình như thế nào mà thôi. Ngoài việc mỗi ngày hầu hạ cha mẹ không gián đoạn được xem là hiếu rồi. Hai nàng còn đem nhà ở sửa thành phần mộ, hơn sáu mươi năm sớm thăm tối viếng chưa hề gián đoạn. Hạnh hiếu đó dùng lời nào để diễn tả đây!



LÔ THỊ

Phu nhân của ông Liễu Trần thời nhà Đường là Lô Thị năm lên bảy tuổi đã hiểu nghĩa của Kinh Thi. Về sau được gả vào nhà họ Liễu, bà phụng dưỡng cha mẹ chồng rất mực hiếu thuận, cư xử hòa thuận với bà con thân thích trong họ. Vì vậy, bà nổi tiếng là người **nhân, nghĩa, hiếu, thuận**. Liễu Trần ở triều đình làm quan đến chức Ngự Sử. Mỗi lần có người thân từ phương xa đến thăm, bất kể là cô dì chú bác cho đến các cháu, ông đều chuẩn bị mọi thứ để nghênh tiếp mọi người. Lô Thị đối với họ hết lòng cẩn thận, tôn kính. Đối với trưởng bối, bà hết sức cung kính, khiêm tốn hạ mình. Đối với người nhỏ tuổi, bà vô cùng từ ái, đối với người cùng vai vế bà rất hữu ái. Bà đều vui vẻ mà chăm lo cho họ. Con trai của bà là Liễu Tông Nguyên và hai người con gái ruột cũng đều rất hiếu thuận, hiền đức. Mọi người đều bảo rằng đó là nhờ thấm nhuần lời dạy bảo của Lô phu nhân mà nên.

Đến năm thời tiết khắc nghiệt, lương thực không đủ dùng nhưng bà vẫn thu xếp để những đứa trẻ ở bên cạnh bà được ăn no bữa. Khi họ hàng thân thích chuẩn bị trở về nhà thì bà quên ăn bỏ ngủ giúp họ thu xếp hành trang. Con trai của bà là Liễu Tông Nguyên năm lên bốn tuổi trong nhà không có sách đọc, bà đã đích thân dạy cho con mười bốn chương thơ cổ, dùng phương pháp đọc thuộc lòng thơ của mình mà giảng cho con nghe. Bà còn dạy các con gái của mình Kinh Thi, Kinh Lễ, lịch sử và nữ công. Sau này, các cô ấy đều trở thành những bậc hiền phụ. Bà Lô Thị chân thực đã làm viên mãn hiếu và để vậy!

CHỊ EM TƯƠNG TRỢ

Vào thời Tam Quốc, ở nước Ngô có người tên Lạc Thống, tự là Công Tự là con trai của Lạc Tuấn. Chàng là con của người thiếp nhưng phụng dưỡng mẹ cả tức vợ chính của cha thập phần cung kính. Một năm mất mùa, người trong vùng lẫn ngoài vùng đều không có thứ gì để ăn, cuộc sống vô cùng khốn khổ. Lạc Thống đã đem lương thực của mình phân phát hết, còn bản thân chàng chịu đói. Chàng có một người chị phẩm hạnh rất tốt, rất lương thiện, góa chồng nhưng không con, nhìn thấy em trai ngày một hao gầy vô cùng thương xót, nhiều lần hỏi han duyên cớ. Lạc Thống nói: *“Hiện nay, trăm họ không có cơm ăn. Em làm sao có thể ăn no bụng cho được?”*. Chị của chàng liền nói: *“Nếu đã như vậy sao em không nói cho chị biết mà tự mình chịu khổ đến mức này”*. Nói rồi, nàng đem lương thực trong nhà của mình đưa cho Lạc Thống. Trong vòng một ngày, Lạc Thống đều mang đi phân phát tặng hết. Sau này người chị đem việc này kể lại cho mẹ nghe, người mẹ cảm thấy đây là việc làm tích đức hành thiện bèn dặn dò các con tiếp tục thí tặng lương thực cho người nghèo khổ.

Lời bàn: Chị của Lạc Thống đem lương thực giao cho em trai vì nhìn thấy em giảm ăn mà thân thể hao gầy, trong lòng không chịu nổi. Đây chính là tâm thương yêu em trai của chị gái. Mẹ của Lạc Thống khuyên các con của mình tiếp tục bố thí là do bị tấm lòng từ bi và đại nghĩa cứu giúp người của chị em Lạc Thống làm cảm động. Đó là điều nhân ái cũng là đạo nghĩa. Mặc dầu chị em đã là người của hai gia đình khác nhau nhưng vẫn cùng chung nguồn gốc. Ai bảo người nữ sau khi kết hôn rồi không còn quan tâm đến em trai nữa chứ!

TRỊNH THỊ NUÔI EM CHỒNG

Đời nhà Đường, vợ của Hàn Hội là Trịnh Thị, là chị dâu của tiên sinh Hàn Dũ. Sau khi Hàn Dũ được sinh ra một năm thì cha mẹ qua đời, chàng được một tay Trịnh Thị nuôi dưỡng. Mỗi ngày, Trịnh Thị đều vất vả chăm lo cuộc sống ăn ở của Hàn Dũ, hễ trời trở lạnh nàng mau chóng mặc thêm áo khoác cho em, em đói bụng thì làm món ngon cho em ăn. Lúc Hàn Dũ còn trẻ theo anh trai của mình đến Thái Châu nhậm chức, về sau anh của Hàn Dũ bị người phỉ báng, biếm chức đến Thiệu Châu, đau buồn quá đổi mà qua đời. Thiệu Châu cách quê nhà rất xa, tuy con vẫn còn rất nhỏ lại trong hoàn cảnh gian khổ khó khăn như thế, Trịnh Thị vẫn đưa con cùng linh cữu của chồng về an táng tại Hà Dương. Có một lần nàng âu yếm con trai, đồng thời chỉ tay vào Hàn Dũ mà rơi lệ thảm thiết nói rằng: *“Hai đời nhà họ Hàn giờ chỉ còn lại hai chú cháu cô út bơ vơ này mà thôi”*, nói đoạn không cầm lòng được, nước mắt lẫn chã như mưa. Trịnh Thị dạy bảo Hàn Dũ rất nghiêm khắc, còn động viên chàng không ngừng cầu tiến. Về sau, Hàn Dũ trở thành một vị đại Nho đương thời, đây đều nhờ vào công lao khổ cực của chị dâu. Khi chị dâu qua đời, Hàn Dũ đau lòng đến đổi ngất đi tỉnh lại mấy lần.

Lời bàn: Làm tang lễ cho chị dâu, lễ tiết này từ thời Hàn Dũ mà bắt đầu có. Hàn Dũ mặc dầu lên một tuổi cha mẹ đều qua đời nhưng nhờ có chị dâu nên được nuôi dưỡng thành người. Tuy là chị dâu nhưng ơn ấy so với mẹ ruột không khác. Trịnh Thị không quản ngại đường xa mang linh cữu chồng trở về quê hương, ngậm đắng nuốt cay, cơ hàn bức bách để nuôi em trai của chồng thành người. Em trai trở thành vị đại Nho thì công lao ấy chính là của nàng vậy.

VƯƠNG THỊ

Thời nhà Tống, vợ của Trần An Tiết là Vương Thị vô cùng hiếu thuận. Bà vừa phụng dưỡng cha mẹ chồng, lại còn có thể nuôi dạy cô nhi và cứu giúp những người thân trong gia tộc. Người trong thôn ai cũng kính trọng bà. Khi Vương Thị mới được gả vào nhà họ Trần thì em gái của chồng còn rất nhỏ. Bà đã nuôi dạy em gái chồng như mẹ ruột. Đến khi cô em đến tuổi kết hôn, bà lại chuẩn bị nữ trang hết lòng chu đáo. Sau khi cha mẹ chồng qua đời, em gái chồng quay về nhà đòi chia di sản của cha mẹ. Vương Thị đã đem hết của cải trong nhà đưa cho em gái chồng. Nào ngờ số tài sản đó đã bị người chồng của em gái nung sặc. Sau khi Vương Thị biết được việc này đã bán ruộng để mua nhà cho vợ chồng em gái có chỗ nương thân, đồng thời còn nuôi dạy con trai của họ. Đến khi con trai của họ chết đi, nàng còn nuôi dưỡng con trai của đứa con trai ấy. Bà con thân thích nghèo đến nỗi chẳng có cơm ăn, Vương Thị đem tiền đến chu cấp cho họ, giáo dục họ, còn giúp họ thành gia lập nghiệp. Những người nhận ân huệ của Vương Thị có đến ba bốn mươi người. Về sau, con cái của bà cũng vâng theo lời bà dạy dỗ, năm thế hệ cùng chung sống với nhau mà mỗi người đều hiếu thuận với cha mẹ, hữu ái với anh em. Năm Càn Đạo, triều đình đã biểu dương cả nhà Vương Thị.

Lời bàn: Vương Thị chỉ là một người đàn bà mà có thể trị lý gia tộc chỉnh tề, lại còn khiến gia tộc ngày một phát đạt. Bà không chỉ phụng dưỡng cha mẹ chồng mà còn dùng hậu đức (*đức dày*) đối đãi với em gái chồng, con của em gái chồng và cả đứa cháu của em gái chồng. Người thân thuộc khác nhận ân huệ của bà cũng chẳng ít. Chỉ có gia đình giàu có mới làm được những điều này, nhưng bà vẫn thân cận thương yêu giúp đỡ mọi người, ưa thích làm việc thiện không biết mỏi. Vậy thì có gia đình giàu có nào có thể sánh được với bà đây?

NHƯỜNG CON CHO EM

Đời nhà Tống ở vùng Xương Hóa có gia đình họ Chương gồm hai anh em, cả hai người đều không con. Người anh bèn nhận một đứa trẻ trong gia tộc về nuôi dưỡng, đặt tên là Chương Hủ (糊). Nào ngờ không lâu sau đó, vợ của anh sinh được một đứa con trai, lại đặt tên là Chương Hủ (誦). Người em trai nói rằng: *“Anh đã sinh được con trai rồi vậy còn cần đứa con nuôi làm gì nữa, hay là để nó cho em nuôi đi”*. Người anh bèn bàn với vợ. Lúc ấy vợ của anh vẫn còn ở cũ đã nói rằng: *“Chúng mình không có con nên mới nhận nó về nuôi, sanh được con rồi thì bỏ nó đi. Người khác sẽ nhìn thiếp thế nào đây?”*. Người em trai nài nỉ thêm ba lần nữa, sau cùng người chị dâu trả lời rằng: *“Chúng tôi thật không còn cách nào khác, sẽ đưa con ruột của chúng tôi cho chú vậy”*. Người em không dám nhận, nhưng chị dâu mười phần thành ý, sau cùng vẫn giao con ruột của mình cho em trai chồng nuôi. Về sau, hai anh em Chương Hủ trưởng thành. Con trai của Chương Hủ (糊) (con nuôi) đặt tên là Chương Tiều, Chương Dữu và con trai của Chương Hủ (誦) (con ruột) tên là Chương Chú, Chương Giám, trước sau đều thi đỗ Tiến sĩ. Từ đó, ở quê hương gia đình họ Chương đã trở thành một gia đình danh vọng.

Lời bàn: Anh em trong thế tục thực khiến người đời nực cười, nếu cho mượn ngựa thì phải dặn dò phải cho ngựa ăn no uống đủ, sợ đối phương ngược đãi ngựa của mình. Cho đối phương mượn áo thì dặn dò không được để dơ, để nhàu, sợ áo bị hỏng. Huống hồ đứa con trai khó khăn lắm mới sinh ra được lại đem cho em trai của chồng nuôi, chẳng chút đặc ý và cũng chẳng chút keo kiệt. Như thế không khó sao được? Cốt nhục phân ly, cho dù có bị cha mẹ chồng ép buộc thì người thế gian thông thường sẽ chẳng thuận theo, đằng này chồng của mình cũng không hề có ý đó. Sự hiền đức của Chương Tẩu thật là đáng quý vậy!

THÔI THIẾU ĐỆ

Vào thời nhà Tống, có một cô gái tên là Thôi Thiếu Đệ được gả làm dâu của gia đình họ Tô. Gia đình chồng có tổng cộng năm người anh em trai đều đã thành gia thất. Thôi Thị là dâu út nên được gọi là Thiếu Đệ. Gia đình chồng không được hòa mục lắm, mỗi ngày đều có việc tranh chấp phát sinh. Khi Thôi Thị mới được gả vào nhà họ Tô thì mọi người đều lo lắng cho nàng. Thế nhưng Thôi Thiếu Đệ đối xử với bốn chị dâu rất lễ mạo, cung kính. Khi các chị dâu có nhu cầu sử dụng đồ vật gì nàng đều mang cái của mình ra tặng cho họ. Khi mẹ chồng giao cho các chị dâu lo liệu trong nhà, Thiếu Đệ đều tranh làm, còn nói rằng: *“Con là dâu mới nên làm việc nhà nhiều hơn”*. Các chị dâu còn chưa ăn cơm thì nàng cũng không ăn trước. Có những lúc chị dâu oán trách nàng nhưng Thiếu Đệ chỉ cười thôi mà không nói câu nào cả. Thế nhân nếu như có kẻ hầu người hạ đến chỗ của nàng bàn chuyện thì phi nói rằng chị dâu nói xấu nàng thì nàng lập tức dùng gia pháp nghiêm trị kẻ ấy. Lúc nàng chăm sóc cho đứa cháu nhỏ, đứa cháu vô ý tè dầm vào quần áo của nàng nàng điềm nhiên như không. Cứ như vậy mà hơn một năm đã trôi qua, bốn người chị dâu đều rất cảm động mà nói rằng: *“Em dâu thứ năm quả thật là người hiền đức. So sánh với em ấy chúng ta thật chẳng giống người”*. Từ đó trở đi mọi người đều chung sống hòa thuận với nhau.

Lữ Khôn có lời bàn rằng: Việc trong thiên hạ thì dễ làm nhưng việc nhà thì khó xử. Trị gia thì dễ nhưng xử lý những việc giữa chị em bạn dâu thì rất khó. Trong gia đình có nhiều người nữ thì hiện tượng bất hòa thường xảy ra bởi vì nữ nhân đa phần thích cầu tư lợi, sợ khó nhọc, thích nghe lời dèm pha, thích tạo sự náo nhiệt. Nếu như có người có thể làm được không tranh không tham, tương kính nhường nhịn lẫn nhau, dùng lời nói và hành vi của mình để cảm hóa người khác thì gia đình đó làm sao có thể tranh chấp được.

NGUY VƯƠNG THỊ

Thời nhà Minh, Ngụy Chung Ngẫu đắc tội với anh trai. Vợ của ông là Vương Thị biết được điều này đã làm cơm rượu ngon mời anh trai đến, thay chồng tạ tội, đồng thời bảo hai đứa con trai của mình hầu bác trai ăn cơm. Anh trai của Ngụy Chung là Ngụy Dong vốn là người hiểu chuyện, tính tình thẳng thắn, nhìn thấy em dâu làm như thế cảm thán mà nói rằng: *“Hết thấy những sự bất hòa giữa các anh em đa phần là do người nữ ở giữa khiêu khích. Từ xưa đến giờ ta chưa từng nghe thấy có người phụ nữ nào có thể thành toàn cho tình cảm giữa anh em với nhau. Em dâu của ta quả thật là người hiền đức!”*. Một lần nọ, Ngụy Chung bắt măn với đứa con trai của người anh họ mình mà nói rằng: *“Tên tiểu bối đó hết lần này đến lần khác xúc phạm ta. Vương Thị nghe xong liền nói với chồng rằng: “Gia đình của nhà mẹ chàng chỉ còn lại một đứa nhỏ đáng thương như vậy. Vì sao chàng không thể tha thứ cho nó chứ?”*. Ngụy Chung nghe xong rất kinh ngạc, nhìn vợ với một ánh mắt khác. Về sau, đứa cháu nội trai của gia đình đã thi đỗ Tiến sĩ, đó chính là tiên sinh Trang Cừ nổi tiếng của chúng ta. Mọi người đều nói rằng đây là nhờ sự tích đức của Vương Thị mà nên.

Quách Tiếp Hi có lời bàn rằng: Tình cảm giữa anh em với nhau đa phần đều do người phụ nữ ở giữa đâm thọc gây nên sự phá hoại ly tán. Ấy vậy mà Vương Thị có thể thay cho chồng tạ lỗi với anh trai. Người anh khen nàng là hiền đức. Nàng còn khuyên chồng tha thứ cho con trai của anh họ, chồng nàng khen nàng là thiện lương. Đức hạnh của người phụ nữ như vậy giới quần hoa mấy người làm được điều này!

VỢ ĐÔN GÁNH VÀNG

Thời Tam Quốc, Nhữ Đôn nước Ngụy là người đất Quảng Hán. Nhà Nhữ Đôn rất giàu có, cha mẹ mất sớm. Chị dâu của Nhữ Đôn rất tham lam lại keo kiệt. Nhữ Đôn đem ruộng đất chia cho mình nhường lại hết cho anh trai. Còn bản thân chỉ để lại một mảnh đất để trồng trọt. Một hôm Nhữ Đôn đào được một hũ vàng trong mảnh đất của mình. Nhữ Đôn đưa cho vợ xem, vợ Nhữ Đôn nói: *“Số vàng này là Tổ tiên của chúng ta để lại. Chúng ta đã không cần ruộng đất thì số vàng này cũng không nên để lại chỗ chúng ta”*, thế rồi cùng với Nhữ Đôn gánh vàng đi trả cho anh chị. Người chị dâu thấy hai người đến, đầu tiên còn nghi ngờ họ đến để vay tiền nên rất không vui. Sau thấy có vàng thì mới vui vẻ. Anh của Nhữ Đôn thấy tình cảnh này trong lòng rất cảm động, bèn nói: *“Chẳng nhẽ mình là kẻ tiểu nhân như vậy, để cho em trai mình một mình làm quân tử hay sao?”*, thế là đuổi vợ đi rồi trả vàng lại cho em trai. Hai anh em lại sống với nhau thân thiết như xưa.

Bởi vì chị dâu tham lam tiền của mà nhường lại tài sản của mình, đem ruộng vườn tài sản tổng cộng hơn ba trăm vạn đều nhường hết cho người anh. Sự kính nhường đối với người anh của Nhữ Đôn đã rất tốt rồi. Đến khi đào được vàng, vợ của Nhữ Đôn còn cho rằng vàng là của Tổ tiên để lại, cùng với chồng gánh vàng đến trả cho anh trai. Người có lương tâm thì đều sẽ cảm động. Chị dâu của Nhữ Đôn vẫn rất tham lam, anh trai của Nhữ Đôn đương nhiên là phải đuổi đi.

TÚ CÔ CUNG KÍNH

Thời nhà Tấn, Lưu Kỳ có người con gái tên là Tú Cô. Cha mẹ của Tú Cô mất sớm, cho nên Tú Cô đã hơn hai mươi tuổi mà chưa lấy chồng. Trong nhà Tú Cô hầu hạ anh trai và chị dâu rất cung kính. Tú Cô còn có hai người em trai còn nhỏ, không có người nương tựa. Tú Cô nuôi dưỡng hai người em đến khi trưởng thành, Tú Cô rất yêu thương hai người em. Sau này, Tú Cô lấy Vương Quế Lâm. Chồng của Tú Cô làm quan đến chức Lễ Bộ Thị Lang, sinh được ba người con trai, người nào cũng làm quan, rất vinh hiển. Lưu Tú Cô sống đến 80 tuổi mà vẫn rất khỏe mạnh, không bị bệnh tật. Người đương thời đều nói đây là do bà kính trọng anh trai và chị dâu, yêu thương em trai.

Phụ nữ từ xưa tới nay, người nuôi dưỡng các em thì rất nhiều, nhưng chưa từng nghe nói có người đồng thời lại kính yêu anh trai và chị dâu. Chu tử nói: ***“Hầu hạ tốt huynh trưởng là đạo của người làm em, chỉ nuôi dưỡng các em mà không kính yêu anh trai và chị dâu là sự khiếm khuyết trong đạo làm em”***. Nay thấy Tú Cô tận tâm nuôi dưỡng hai em trai đến khi thành người, mà lại có thể hầu hạ anh trai và chị dâu rất cung kính. Hèn chi chồng của bà hiển vinh, con của bà quý hiển, sống lâu mạnh khỏe hưởng phú quý!

DU' TRẦN NHƯỜNG TÀI SẢN

Thời nhà Tống, có một người tên là Du Sở. Vợ kế của ông họ Trần, sinh được một người con trai tên là Du Dực. Khi Du Dực được 3 tuổi thì Du Sở qua đời. Người vợ họ Trần đem toàn bộ tài sản nhường hết lại cho hai người con trai của người vợ trước, còn nói với con trai của mình rằng: *“Các anh đã không còn mẹ nữa, con đừng vì những tài sản này mà tranh chấp với các anh”*. Đến khi Du Dực 15 tuổi bà bèn bảo Du Dực đi ngao du để học hỏi. Lúc này, bà nghèo khổ vô cùng, ăn mặc thiếu thốn. Sau này, Du Dực ở bên ngoài hơn 15 năm mới đỗ Tiến sĩ trở về rồi đón mẹ đi. Bà nghe nói hai người con của người vợ trước vẫn rất nghèo khổ chật vật thì đã đón họ đến ở cùng, hơn nữa còn luôn luôn chăm sóc họ.

Lữ Khôn có lời bàn rằng: Vợ kế thường chiều chuộng con ruột của mình, có thể chia đều tài sản thì đã rất lương thiện rồi. Huống hồ lại đem toàn bộ tài sản của chồng nhường hết cho con của người vợ trước, đến khi thấy họ nghèo khổ lại cứu tế họ. Cho dù là mẹ đẻ cũng không thể tốt hơn. Chia đều tài sản là cách của người bình thường hay làm. Nhường hết tài sản là cách của người hiền lương thường làm. Trong thiên hạ không có người mẹ kế nào nhân từ hơn bà. Ta rất khâm phục hành động của bà!

TUỆ NỮ NUÔI EM

Con gái của Trần Tuệ sống vào thời nhà Minh, năm nàng 18 tuổi thì cha mẹ qua đời. Dưới nàng còn hai người em trai, em lớn 6 tuổi, em nhỏ 5 tuổi. Người trong dòng họ nhòm ngó tài sản nhà nàng, hàng ngày đều đợi chia gia sản của nhà nàng. Thế là con gái của Trần Tuệ thề rằng phải nuôi dưỡng hai em trai nên người. Nàng chuẩn bị mấy chục bó thuốc, lại âm thầm chuẩn bị rượu và thức ăn đợi người trong họ đến. Vào một đêm trời lạnh giá, có rất nhiều anh em trong dòng họ đến gõ cửa. Con gái của Trần Tuệ châm đuốc rồi mở cửa để cho họ vào nhà. Đem rượu và thức ăn đã chuẩn bị sẵn mời họ ăn. Những người trong dòng họ cảm thấy ngượng ngùng bèn nói dối rằng khi đi đường đèn bị tắt cho nên mới đến nhờ châm lại nến. Từ đó họ bỏ ý định ham muốn tài sản của nhà nàng.

Con gái của Trần Tuệ đợi đến khi hai em trai đều đã lấy vợ, bản thân mình đã 45 tuổi mới lấy chồng. Sau này nàng không có con, hai người em trai đón nàng về phụng dưỡng hết đời.

Cảnh ngộ của con gái Trần Tuệ cô độc lẻ loi, vô cùng nguy hiểm, không cẩn thận một chút thì tai họa đến liền. Vì vậy, nàng lập chí nuôi dưỡng hai em, chuẩn bị chu toàn. Đối mặt với sự nhòm ngó của người trong dòng tộc, không những không biểu lộ sự hiềm khích, mà lại làm cho họ cảm thấy xấu hổ bỏ đi, chuyển nguy hiểm thành bình an, bảo toàn cho cả nhà. Có thể nói là đại trượng phu trong phái nữ.

ÂU PHÙNG CHIA ĐỀU TÀI SẢN

Thời nhà Minh có người tên là Âu Công Trì, vợ họ Phùng, là người đất Thuận Đức. Âu Công Trì có hai người anh trai, đều là con người vợ bé của cha Âu Công Trì. Sau này khi cha của Âu Công Trì phân chia tài sản, muốn chia cho Âu Công Trì nhiều hơn, vợ của Âu Công Trì bèn hỏi cha của Âu Công Trì rằng: *“Khi cha mẹ mất, thời gian chịu tang con của vợ cả và con của vợ bé có khác nhau không ạ?”*. Cha Âu Công Trì đáp: *“Không khác nhau, đều là ba năm”*. Vợ của Âu Công Trì nói: *“Ba người con đều do cha sinh ra. Khi chịu tang không khác nhau, chẳng nhẽ khi chia tài sản lại khác nhau ạ? Giả sử chia như vậy, không những con không bằng lòng, e là cũng không phải là cái phúc của con cháu sau này”*. Cha của Âu Công Trì nghe xong vô cùng khen ngợi vợ của Âu Công Trì, thế rồi chia gia sản theo ý kiến của nàng.

Cha mẹ yêu thương con út là thường tình của con người. Huống hồ Âu Công Trì là con của vợ cả. Cha muốn chia cho con của vợ cả nhiều tài sản hơn, nhưng vợ của Âu Công Trì lại lấy việc con vợ cả và con vợ bé chịu tang không khác nhau, chứng minh cho việc chia tài sản cũng không nên có sự phân biệt. Những lời nói của vợ Âu Công Trì thật thông tình đạt lý, hiếu thảo đối với cha chồng, thân ái với anh em nhà chồng. Thật đáng làm gương cho đời sau!



PHÀN CƠ GIỚI THIẾU NGƯỜI HIỀN

Thời nhà Chu, Sở Trang Vương rất thích săn bắn. Phu nhân là Phan Cơ khuyên ngăn mãi không nghe nên Phan Cơ không ăn thịt nữa. Vì thế, Sở Trang Vương mới cảm ngộ, hối cải để làm lại con người mới, chăm chỉ với việc quốc gia đại sự hơn. Sở Trang Vương luôn luôn khen ngợi Ngu Khâu Tử là người hiền đức. Phan Cơ nói: *“Người này không phải là tôi trung. Thiếp hầu hạ Quân Vương, tính ra cũng mười một năm rồi, từng tìm kiếm tiến cử mỹ nữ cho Quân Vương, người hiền đức hơn thiếp có hai người, ngang với thiếp có bảy người. Nay Ngu Khâu Tử làm Tế tướng nước Sở cũng đã hơn 10 năm, trừ những người là đệ tử và người thân trong dòng họ ra, hiếm khi tiến cử những người khác. Chẳng nhẽ người hiền đức là như vậy sao?”*. Ngu Khâu Tử nghe được lời này, cảm thấy rất hổ thẹn, thế là tiến cử Tôn Thúc Ngao, do vậy nước Sở được xưng bá.

Lữ Khôn có lời bàn rằng: Đất nước không được cai trị tốt là do đổ kỵ người hiền tài mà ra. Phan Cơ ở hậu cung không đổ kỵ, do đó phát triển mở rộng để đất nước lập lại an ninh và trật tự, chỉ là bởi vì không có lòng ích kỷ. Cho nên người có lòng ích kỷ thì không thể tiếp nhận người khác. Cuối cùng tự mình trở thành không có nơi dung thân. Nhưng người có lòng đổ kỵ đến cuối cùng cũng không tỉnh ngộ, làm cho người ta phải cảm thán. Phan Cơ thật sự là tấm gương cho nữ giới, có thể lấy làm chuẩn tắc.

NGỤY PHỤ KHUYÊN VUA

Thời nhà Chu, ở đất Khúc Ốc có một bà lão, bà là mẹ của quan đại phu nước Ngụy Như Nhĩ. Lúc đó, Ai Vương nước Ngụy lấy vợ cho con trai, nghe người ta nói cô dâu mới rất xinh đẹp, Ngụy Ai Vương bèn muốn thu nhận làm vợ của mình. Bà lão Khúc Ốc bèn dặn dò con trai của mình là Như Nhĩ rằng: *“Hiện nay Vua rối loạn đến cực điểm, thật sự là không còn luân thường đạo nghĩa nữa. Tại sao con không khuyên can Vua? Phải hiểu được là phải đưa ý kiến khuyên can thì mới tận hết lòng trung thành của mình, tận hết lòng trung thành thì mới loại trừ được tai họa. Điều này tuyệt đối không được bỏ lỡ”*. Như Nhĩ nghe lời của mẹ, nhưng khổ nỗi không có cơ hội vì không ngờ lúc đó ông được cử đi sứ nước Tề. Bà lão Khúc Ốc bèn tự mình đi gặp Ngụy Ai Vương để khuyên can. Ai Vương cảm thấy lời của bà rất đúng bèn đem cô dâu trả lại cho con trai, lại thưởng cho bà lão Khúc Ốc hai trăm thạch gạo. Đợi đến khi Như Nhĩ trở về lại thăng chức cho ông.

Bà lão Khúc Ốc dạy bảo con trai của mình phải tận trung, con trai không kịp khuyên can thì bà đứng ra để khuyên can Vua. Bà trình bày sự quan trọng của kỷ cương pháp luật. Chấn chỉnh sự việc liên quan đến vợ chồng ban đầu trong đạo làm người, giữ trọn phẩm hạnh, trình tiết của người phụ nữ, uốn nắn lỗi lầm của Vua, để cho Vua không dám phá vỡ pháp luật của đất nước, để cho nước láng giềng lớn mạnh không dám dấy binh xâm phạm. Bậc quân tử cho rằng bà là người hiểu lẽ nghĩa, đâu chỉ có tận trung mà thôi.

MẸ PHẠM BÀNG KHÔNG HỎI HẠN

Thời nhà Hán có một người tên là Phạm Bàng, biệt hiệu là Mạnh Bác, là người Nhữ Nam, lúc đầu làm quan chuyên việc bắt trộm cướp. Lúc đó, quan Thái giám thường viện có kết bè kết phái để hãm hại người ngay thẳng. Phạm Bàng cũng do kết bè phái mà bị liên lụy, bị bắt nhốt vào ngục. Khi được thả không lâu, triều đình lại muốn xử lý nghiêm người kết bè kết phái. Quan đốc bưu huyện Nhữ Nam tên là Ngô Đạo, biết Phạm Bàng là người có phẩm chất tốt, không nhẫn tâm bắt giam nên ôm chiếu thư của Hoàng Thượng mà khóc. Phạm Bàng biết chuyện bèn tự mình đến huyện nha đầu thú. Huyện trưởng Quách Ấp tình nguyện chạy trốn cùng Phạm Bàng. Phạm Bàng sợ liên lụy đến huyện trưởng và mẹ già nên nhất định không chịu nghe theo. Mẹ Phạm Bàng vội đến chia tay con trai và nói rằng: “*Nay con có tiếng tăm giống như Lý Cốc, Đỗ Mật. Chết thì có gì hối hận đâu? Đã có tiếng tăm rồi, lại muốn sống lâu, điều này đâu có thể đều có được?*”. Phạm Bàng quỳ xuống nghe lời mẹ dạy bảo, vái vài vái từ biệt mẹ.

Lữ Khôn có lời bàn rằng: Phạm Bàng sống trong thời loạn nhưng vẫn kiên quyết dâng tấu những lời chính nghĩa, cho nên mới dẫn tới tai họa. Sống ở thời kẻ tiểu nhân lộng quyền mà vẫn có thể gan đực khơi trong, không sợ chết. Thật là kẻ sĩ thanh cao! Cái chết của ông làm người ta thương tiếc. Chỉ là danh tiếng và tuổi thọ không thể cùng có được, khéo hợp với ý nghĩa biết cho là đủ. Sục sôi nghĩa khí bỏ đi điều mình yêu thích, không có tình riêng đối với con cái, người mẹ cũng rất hiền đức!

LÝ TÚ TRUNG LIỆT

Thời nhà Tấn có người tên là Lý Nghị, làm quan Hiệu úy Thứ sử ở Ninh Châu Nam Man, có người con gái tên là Lý Tú, tính cách giống cha của nàng. Khi đó “*Ngũ Di*” ở phương Nam vây đánh Ninh Châu. Lý Nghị do ưu sầu quá độ mà qua đời, cứu binh vẫn chưa tới. Nhân dân đều bầu chọn Lý Tú quản lý Ninh Châu. Lý Tú liền chỉnh đốn quân đội, giữ chắc thành trì. Tuy lương thực đã ăn hết, nhưng chí khí ngược lại càng ngày càng sục sôi. Đợi đến lúc quân giặc buông lỏng bèn tiến công trên quy mô lớn công phá doanh trại của quân giặc, phá vỡ vòng vây. Lý Tú giữ chức vụ thay cha, thống lĩnh bộ hạ 37 bộ, trải qua hơn 30 năm. Người Nam Man đều nể sợ. Lý Tú qua đời khi còn tại chức, nhân dân giống như mất cha mẹ của mình nên xây miếu thờ, hàng năm cúng tế bà. Sau này đến thời nhà Đường, bà được phong làm Minh Huệ phu nhân. Trên tấm biển trong miếu thờ bà có đề hai chữ “*Trung Liệt*”.

Lý Tú lấy thân phận nữ nhi đảm nhiệm chức vụ thay cha, thống lĩnh quân đội 37 bộ, trải qua hơn 30 năm khiến người Nam Man đều nể phục. Bá tánh trăm họ được sống cuộc sống yên bình. Bà mất khi đang đảm nhiệm chức vụ, nhân dân khóc than giống như cha mẹ của mình qua đời. Nhân dân cùng xây miếu thờ bà, hàng năm cúng tế, được tôn sùng kính trọng. Thật là anh hào trong giới nữ, làm tấm gương cho vùng đất Tây Nam. Miếu thờ tên gọi “*Trung Liệt*” thật là có lý!

NGU TÔN DẠY VỀ LÒNG TRUNG THÀNH

Thời nhà Tần có người tên là Ngu Đàm, mẹ của ông họ Tôn thủ tiết nuôi con thành người. Ngu Đàm làm quan địa phương ở Nam Khang. Khi ông dẫn quân đi thảo phạt Đỗ Thao, mẹ ông động viên ông phải tận trung tận nghĩa, đồng thời còn đem toàn bộ gia tài quyền góp làm chi phí thăm hỏi chiến sĩ. Sau này, Ngu Đàm lại dẫn quân đi thảo phạt Tô Tuấn, mẹ ông lại khuyên nhủ rằng: *“Mẹ nghe được một câu nói của người xưa để lại rằng trung thần xuất thân phải là người con hiếu thảo. Sau khi con ra trận phải dũng cảm vì chính nghĩa mà hy sinh tính mạng, không được vì mẹ già mà liên lụy đến việc con tận trung báo quốc”*, rồi gọi toàn bộ người hầu nam đi trợ chiến, bán hết quần áo trang sức làm kinh phí cho quân đội. Đồng thời, bà còn sai cháu nội của bà là Ngu Sở theo đi tham gia chiến đấu, phải tận trung tận hiếu. Sau này do Ngu Đàm có công lao to lớn được phong làm hầu tước. Mẹ ông sống đến 95 tuổi mới mất, triều đình ban thụy hiệu cho bà là *“Định phu nhân”*.

Lúc đầu, mẹ của Ngu Đàm đem hết gia sản để thăm hỏi động viên tướng sĩ. Đến khi gia sản dùng hết, bà lại đem bán quần áo, trang sức để làm kinh phí cho quân đội, lại phát động toàn bộ người hầu nam đến trợ chiến. Không những dạy bảo con trai phải tận trung, bà còn dạy bảo cháu nội chuyển hiền thành trung. Dạy con tận trung thì chúng ta nghe đã nhiều. Giống như mẹ của Ngu Đàm dạy cháu nội tận trung như vậy thì có được mấy người?

THÀNH MỚI CỦA HÀN PHU NHÂN

Thời nhà Tần có người tên Chu Tự là Thứ sử Lương Châu. Khi ông trấn giữ thành Tương Dương thì Phù Kiên nước Tiên Tần dẫn quân đến tấn công. Mẹ của Chu Tự là Hàn phu nhân đích thân lên đầu tường thành quan sát. Thấy công sự phòng ngự ở góc phía Tây Bắc không được chắc chắn bèn dẫn đầu hơn 100 a hoàn và phụ nữ trong thành Tương Dương xây một bức tường thành mới hai mươi mấy trượng ở bên trong. Sau khi quân Tiên Tần bao vây thành Tương Dương, Chu Tự cố thủ trấn giữ, đến khi lương thực của quân Tiên Tần sắp hết bèn khăn trương dùng hết sức lực để công phá thành. Bức tường cũ ở góc Tây Bắc quả nhiên bị đổ, Quân của Chu Tự bèn chuyển sang trấn thủ ở bức tường thành mới. Vì vậy, quân Tiên Tần bắt buộc phải rút lui. Người dân ở thành Tương Dương do việc này mà từ đó gọi bức tường thành mới này là Phu Nhân Thành.

Lên trên tường thành quan sát, bà thấy góc Tây Bắc không được kiên cố nên đã dẫn đầu các hầu gái và dân nữ xây hơn hai mươi trượng tường thành. Sau này toàn bộ nhân dân trong thành phải chịu ân huệ của những người phụ nữ này. Những người trấn thủ thành trì đời sau, khi nghe báo có kẻ địch đến tấn công mà không chuẩn bị. Sau khi kẻ địch đến thì không có cách nào trấn giữ, ngồi nhìn thành trì thất thủ. Những người không quan tâm đến sự sống chết của nhân dân, thấy hành động của mẹ Chu Tự cũng nên thấy xấu hổ mà cảm thấy trong thiên hạ không có chốn dung thân.

TRƯỞNG TÔN CAN GIÁN

Hoàng Hậu Trương Tôn của Đường Thái Tông, phàm là những chuyện cải cách của triều đình, không chuyện nào là không khuyên can Thái Tông. Có lúc Thái Tông tức giận, lấy tội danh không thích đáng để trách phạt người trong cung, Trương Tôn Hoàng Hậu cũng giả vờ tức giận, thỉnh cầu Thái Tông giao cho bà xử lý. Nhưng đợi đến khi Thái Tông nguôi giận thì từ từ thay người bị oan tìm cách biện minh là vô tội. Có một lần Trương Tôn Hoàng Hậu mặc triều phục đứng trước Thái Tông khen ngợi Ngụy Trưng là vị quan quang minh chính trực, bảo vệ giang sơn xã tắc. Chúc mừng Thái Tông có thể tiếp nhận lời can gián thẳng thắn, thực sự là Vua anh minh mới có bấy tôi thẳng thắn như vậy. Sau này, Trương Tôn Hoàng Hậu bệnh tình nguy cấp, lúc sắp phải nói lời vĩnh biệt thì vẫn thành khẩn vì việc nước mà khuyên can Thái Tông. Sau khi bà mất, Thái Tông khóc rất thương tâm, hơn nữa còn nói: *“Từ nay về sau khi vào trong cung, không còn được nghe lời can gián nữa. Trẫm đã mất đi một trợ thủ đắc lực rồi”*.

Trương Tôn Hoàng Hậu không phải là nữ quan chuyên việc can gián. Người đời thường nói rằng lời nói của phụ nữ không nên nghe, nhưng xét kỹ lời nói, đức hạnh của Trương Tôn Hoàng Hậu khác với người bình thường. Hoàng Hậu giống như vậy, ngày đêm ở bên cạnh Hoàng Thượng để can gián bất cứ lúc nào. Cho dù đến lúc hấp hối vẫn lấy việc thân cận người quân tử, xa lánh kẻ tiểu nhân, tiếp thu lời can gián trung chính, tránh xa lời gièm pha, tiết kiệm việc lao dịch, dừng việc ra ngoài săn bắn để làm lòng trời. Đường Thái Tông xem Trương Tôn Hoàng Hậu như người phụ tá xã tắc của mình, ai nói trong hậu cung không có người chánh nhân quân tử!

TỪ HUỆ KHUYÊN VUA

Đường Thái Tông có người Phi tần rất hiền đức tên là Huệ, là người Hồ Châu. Khi sinh ra mới năm tháng tuổi đã biết nói, lúc bốn tuổi thì biết đọc Luận Ngữ và Kinh Thi. Năm lên tám có thể sáng tác văn chương, hễ là sách kinh sử thì hầu như đều đã xem, hơn nữa lại rất chăm chỉ, tay hầu như không có lúc buông sách xuống. Năm Trinh Quan, Thái Tông tuyển nàng vào cung làm Thống Dung. Mỗi lần Hoàng Thượng ra lệnh cho nàng làm thơ viết chiếu chỉ thì nàng thường cầm bút lên viết một loáng là xong, hơn nữa thơ văn, câu từ đẹp dễ mỹ miều. Khi Đường Thái Tông về già rất thích khởi công xây dựng cung điện, huy động quân đội đi mở rộng đất đai nên nhân dân trong nước bị rối loạn không yên. Từ Huệ bèn dâng một bức tấu sớ đến chỗ Hoàng Thượng để can gián. Ngôn từ trong tấu sớ rất uyển chuyển, chỗ nào cũng biểu hiện lòng trung thành của nàng đối với Hoàng Thượng. Thái Tông cũng làm theo lời của nàng, dừng lại việc xây dựng và động can qua.

Sau này, khi Thái Tông qua đời, trong lòng Từ Huệ vừa đau buồn vừa tưởng nhớ nên đã bị bệnh nặng. Người trong cung đem thuốc đến nàng không chịu uống, đau lòng mà rằng: *“Hoàng Thượng đối đãi với ta tốt vô cùng, ta nguyện sớm được đến lăng mộ của Hoàng Thượng làm trâu làm ngựa, vĩnh viễn ở trong lăng mộ hầu hạ Hoàng Thượng. Như vậy lòng ta đã rất thỏa mãn rồi”*. Khi nàng mất mới 24 tuổi.

Trong lịch sử có Trương Tôn Hoàng Hậu, do giỏi việc can gián, phò tá Thái Tông mà lừng danh khắp cung đình. Khi bà mất, Thái Tông cho rằng không còn được nghe những lời chính trực mà vô cùng đau lòng, không ngờ nói tiếp Hoàng Hậu lại xuất hiện một từ hiền Phi. Trong tấu sớ của hiền Phi có viết rằng: *“Giữ được cơ nghiệp lại có thể bảo vệ duy trì lâu dài đến cùng thì bậc Thánh nhân cũng rất khó làm được. Khi sự nghiệp huy hoàng, con người rất dễ sinh ra kiêu ngạo, tự mãn. Thiếp mong Hoàng Thượng có thể giữ được sự khiêm tốn. Một số người khi bắt tay vào làm một việc thì lúc đầu làm rất tốt, nhưng rất khó duy trì được đến cuối cùng. Thiếp rất mong Hoàng Thượng có thể làm được*

điều này”. Những lời nói này phát ra từ tận đáy lòng. Câu nào cũng rất chân thành tha thiết, thật là danh ngôn ngàn đời bất hủ!

ĐỒNG DƯƠNG DẠY CON

Thời nhà Đường, mẹ của Đồng Xương Linh là Dương Thị, là người Thái Châu (*nay thuộc Nhữ Nam, Hà Nam*). Lúc đó, Ngô Nguyên Tế tạo phản chiếm cứ Thái Châu. Lúc này Đồng Xương Linh làm huyện lệnh ở Phòng huyện, là thuộc hạ của Ngô Nguyên Tế. Mẹ của ông bèn âm thầm dặn dò ông rằng: “*Nói chung, một sự việc nếu thuận theo lẽ trời thì có thể thành công, còn nghịch với lẽ trời thì sẽ thất bại. Vấn đề này con phải cẩn thận cân nhắc thật kỹ mới được*”. Trong lòng Đồng Xương Linh còn chưa quyết định, Ngô Nguyên Tế lại điều ông đến làm quan ở Yên Thành, mẹ ông lại nói với ông rằng: “*Tên phản nghịch Ngô Nguyên Tế này lừa dối Hoàng Thượng, thần linh sẽ không phù hộ cho hắn. Con phải lập tức quy hàng triều đình, đừng vì lo lắng cho mẹ mà không đi quy hàng. Nếu như con làm trung thần thì mẹ sẽ là mẹ của trung thần. Như vậy, mẹ có chết cũng không oán hận*”.

Đúng lúc đó quân lính nhà Đường đến công đánh Yên Thành, Đồng Xương Linh bèn ra hàng. Khi Hiến Tông Hoàng Đế biết được thì rất vui mừng, bèn cho Đồng Xương Linh làm huyện lệnh Yên Thành, còn kiêm chức giám sát ngục sử. Đồng Xương Linh từ tạ rằng: “*Điều này đều do mẹ của thần dạy bảo, chứ thần đâu có công lao gì*”. Hiến Tông nghe xong bèn khen ngợi và cho là kỳ lạ, sau phong cho mẹ của Đồng Xương Linh là “*Bắc Bình Quận Quân*”.

Thời Tây Hán có mẹ của Vương Lăng, thời Đông Hán có mẹ của Triệu Bao, trước sau nối tiếp nhau xả thân để tác thành sự trung nghĩa của con trai mình. Mẹ của Đồng Xương Linh đã đọc thuộc Hán Thư hay sao? Mà Xương Linh cũng không quên lời dạy của mẹ, sau này ra hàng nhà Đường. Sau khi Hoàng Thượng phong cho ông làm giám sát ngục sử, ông còn nói: “*Đây là sự dạy bảo của mẹ, chứ thần đâu có công lao gì*”. Đây là vừa trung thành lại vừa hiếu thảo. Cho nên trung thần nhất định là xuất thân từ người con hiếu thảo.

TRẦN PHÙNG ĐÁNH CON

Vào thời Bắc Tống, có một vị Tàn Quốc Công họ Trần tên Tĩnh Hoa. Vợ ông Phùng phu nhân là mẹ của Tiết độ sứ Trần Nghiêu Tư. Phùng phu nhân trị gia vô cùng nghiêm cẩn, ba người con trai của bà, ai cũng đều thi đỗ Tiến sĩ. Có một lần, Trần Nghiêu Tư làm Thái thú ở Kinh Nam mãn nhiệm trở về nhà, Phùng phu nhân bèn hỏi: *“Con làm quan ở một nơi nổi tiếng. Vậy con có chính tích nổi bật nào không?”*. Trần Nghiêu Tư hồ thẹn đáp rằng: *“Không có ạ!”*. Phùng phu nhân nghe xong trong lòng không được vui.

Có một lần, người trong nhà nói chuyện phiếm, nói đến Kinh Nam chính là con đường giao thông quan trọng để qua lại, khách qua đường so tài bắn tên với Trần Nghiêu Tư, không có ai là không nhường Trần Nghiêu Tư. Phùng phu nhân nghe xong nổi giận nói rằng: *“Cha của con dạy dỗ con, bảo con phải tận trung, tận hiếu giúp đỡ đất nước. Nay con làm quan, không biết phải thi hành chính sách nhân từ để giáo hóa nhân dân, ngược lại, lại chuyên đi học loại tài lẻ để khoe khoang bản thân. Đây đâu phải là nguyện vọng ban đầu cha con dạy bảo con?”*. Nói xong bèn cầm gậy đánh Trần Nghiêu Tư, làm cho túi Kim ngư đeo trên mình của Trần Nghiêu Tư cũng rơi xuống đất vỡ vụn.

Lữ Khôn bàn rằng: Mẹ của Trần Nghiêu Tư thật là nghiêm minh, biết việc giỏi bắn tên không phải là chức trách của Thái thú. Đây đúng là hiểu rõ lý lẽ. Con trai giữ chức vụ quan trọng mà còn cầm gậy đánh phạt để dạy bảo. Đây quả thật là yêu cầu nghiêm khắc. Hiền minh mà lại nghiêm khắc, chẳng trách ba người con trai của bà đều giữ chức vụ quan trọng. Người bảo thủ sẽ lấy lễ nghĩa của con trai để trách cứ mẹ của ông, đây là điều không đúng. Con trai làm đúng thì người mẹ nghe theo. Mẹ làm đúng thì con trai nghe theo.

THI THỊ LÀM NGƯỜI HẦU

Thời nhà Tống, nhà họ Thắm có một người hầu họ Thi, là người trấn Điều Đôn, Hồ Châu. Bà vốn là hàng xóm, khi Thi thị 20 tuổi thì đến nhà họ Thắm làm người hầu. Có một năm, dịch bệnh hoành hành vô cùng kịch liệt. Vợ chồng nhà họ Thắm theo nhau qua đời, bỏ lại hai người con gái chỉ mới hơn 10 tuổi, không có người thân để nương tựa. Thi thị bèn giã gạo thuê cho nhà bên cạnh, hoặc đan giày cỏ, may vá để kiếm tiền nuôi dưỡng hai người con gái của chủ nhân. Đến khi hai người con gái của chủ nhân trưởng thành bèn tìm người có địa vị để gả chồng, lại còn thường xuyên chăm sóc con cái của họ, tận hết sức làm những việc người hầu phải làm. Mỗi lần chủ nhân đi vắng thì trông nom hộ đồ đạc trong nhà, chưa bao giờ tự ý dùng bất cứ đồ gì của chủ. Mọi người đều kính trọng bà, ngưỡng mộ bà. Bà tuổi đã hơn 60 rồi mà trên đầu vẫn chải hai búi tóc biểu hiện rằng bà chưa lấy chồng.

Người hầu trung thành lần đầu tiên xuất hiện trong nhà của đại phu thời nhà Chu, một người nữa xuất hiện ở trong nhà của người phụ nữ tiết liệt Dịch Tố. Nhưng hai người kể trên đều không giống Thi thị, bà 20 tuổi mới đến nhà họ Thắm làm người hầu, tuổi này đều có thể lấy chồng rồi. Nhà họ Thắm không có ân dưỡng dục đối với bà, nhưng bà lại có thể giã gạo thuê, đan giày cỏ, may vá để kiếm tiền nuôi dưỡng con gái của chủ nhân, cố gắng làm phận sự của một người hầu, cả đời không lấy chồng, có thể không làm cho người ta kính trọng, ngưỡng mộ sao?

CHỊ LAM BẮT CƯỚP

Thời nhà Tống có người hầu nhà họ Vương tên là chị Lam. Chị cùng nhà chủ nhân sống nhờ ở chùa Thanh Nê. Có một hôm, nhà chủ nhân mời khách đến uống rượu, đến nửa đêm mới tan tiệc, hai vợ chồng người chủ đều uống say. Đột nhiên, có rất nhiều tên cướp xông vào đem mấy người con trai của chủ nhân và đám người hầu trói lại. Đám người hầu nói: *“Việc này không liên quan đến chúng tôi. Người quản lý chùa khóa trong nhà là chị Lam”*. Chị Lam cũng đáp rằng: *“Không sai! Thực sự là tôi quản lý chùa khóa của chủ, nhưng các người không được làm cho chủ nhân của tôi kinh sợ thì tôi mới đem chìa khóa giao cho các người”*. Bọn cướp đồng ý, chị Lam bèn đem toàn bộ chìa khóa giao cho bọn cướp, lại còn lấy đèn cầy dùng trong bữa tiệc chiếu sáng cho bọn cướp. Thế là bọn cướp lấy hết toàn bộ vàng bạc và trang sức rồi bỏ đi.

Đợi đến khi chủ nhân tỉnh lại, biết là gặp phải cướp và sáng ngày hôm sau bèn đến huyện báo án. Chị Lam bèn âm thầm nói với những sai nha đi bắt cướp rằng: *“Bọn cướp đó đều mặc áo trắng. Khi tôi lấy đèn cầy chiếu sáng cho chúng thì có nhỏ sáp đèn cầy lên lưng của chúng để làm ký hiệu. Các ông chỉ cần thấy người mặc áo trắng, trên lưng có sáp đèn cầy là bọn cướp”*. Sai nha làm theo lời của chị, quả nhiên bắt được hết bọn cướp.

Chị Lam trung thành lại thông minh. Nếu như lúc đó không nhận là người quản lý chùa khóa, không những sẽ nguy hiểm đến chủ nhân, mà lại còn nguy hiểm đến con trai của chủ nhân, nguy hiểm đến các người hầu, hoặc có lẽ còn nguy hiểm đến bản thân mình. Chị yêu cầu không được làm chủ nhân của mình kinh sợ, châm nến chiếu sáng chỉ dẫn cho bọn cướp lấy đi toàn bộ vàng bạc, trang sức. Bọn cướp cho rằng nàng giúp đỡ chúng, mà không biết là chị Lam đã âm thầm đánh dấu trên người chúng nhằm bắt chúng. Nếu không thế thì sáng hôm sau đâu có thể bắt được chúng ngay.



MẪU SƯ ĐỨNG CHỜ NGOÀI CỬA

Thời nhà Chu, nước Lỗ có người đàn bà góa chồng. Bà có chín người con trai đều đã lấy vợ. Vào một ngày tháng chạp sau khi thờ cúng xong xuôi, người đàn bà góa ở nước Lỗ cùng với người con trai út về nhà mẹ đẻ. Khi bà sắp ra khỏi nhà có nói với các con dâu rằng: “*Các con phải trông nom nhà cửa cẩn thận, gần tối thì mẹ sẽ về*”, sau đó do trời u ám nên đã về trước dự định. Nhưng bà không lập tức về nhà mà đứng ở ngoài cửa, đợi đến lúc trời tối mới vào nhà. Lúc này, đúng lúc quan đại phu nước Lỗ đứng trên đài cao nhìn thấy, cảm thấy rất kỳ lạ bèn sai người đến nhà bà dò la, khi trở về báo cáo rằng toàn bộ đồ dùng trong nhà bà đều rất gọn gàng, xử lý việc nào cũng đâu vào đấy, rất có trật tự. Quan đại phu càng cảm thấy kỳ lạ bèn gọi bà đến hỏi bà làm sao lại làm được như vậy, bà cứ đúng sự thật mà trả lời. Thế là quan đại phu tiến cử bà cho Lỗ Mục Công. Lỗ Mục Công mời bà vào trong cung để dạy bảo các Phi tần trong cung. Sau này, mọi người đều gọi bà là Mẫu Sư.

Người đàn bà góa chồng ở nước Lỗ khi già cả mà khi về nhà mẹ đẻ cũng phải báo cho các con của mình. Khi trở về sớm hơn thời gian đã giao hẹn thì đứng ở ngoài cửa chờ. Đây là cân nhắc đến việc người nhà chưa có sự chuẩn bị nên đứng ở ngoài cổng đợi đến hoàng hôn mới vào nhà. Lã Khôn khen ngợi Mẫu Sư có thể lấy mình làm gương. Lã Khôn nói Mẫu Sư làm việc cẩn thận lại giữ chữ tín, thực sự là không sai!

NGHĨA MẪU LÀM THEO LỜI HỨA

Vào thời Tề Tuyên Vương nhà Chu, có hai anh em đánh chết người trên đường. Hai anh em này còn đứng bên cạnh để xem. Người của quan phủ bèn bắt hai anh em lại rồi thẩm vấn ai là người giết người. Người anh nói: *“Người là do tôi giết”*. Người em nói: *“Là do tôi giết”*. Cứ như vậy trải qua một năm vụ án này vẫn không xét xử được. Tề Tuyên Vương bèn sai người đi hỏi mẹ của họ. Mẹ của họ nói: *“Để cho người em đền tội!”*. Tể tướng bèn hỏi như vậy có ý gì. Người mẹ đó bèn đáp: *“Đứa bé là do tôi sinh ra. Đứa lớn là con của người vợ trước. Khi cha của chúng sắp qua đời có dặn dò tôi phải chăm sóc nó thật tốt. Lúc đó tôi cũng đồng ý. Nay nếu để người anh đền tội thì chẳng phải tôi không giữ chữ tín sao? Như vậy là lừa gạt chồng tôi”*. Nói xong bèn khóc lớn, làm cho quần áo cũng ướt hết. Tể tướng thấy tình hình như vậy bèn về bẩm báo lại với Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương bèn miễn tội cho cả hai anh em, đồng thời khen ngợi người mẹ của họ là người mẹ có nghĩa.

Lữ Khôn bàn rằng: Mẹ kế đối đãi với con của người vợ trước giống như kẻ thù. Bởi vì con của người vợ trước lớn tuổi hơn, sợ sẽ bắt nạt con của mình, lại sẽ phải phân chia gia tài, cho nên thậm chí còn suy tính đến việc mưu hại con của người vợ trước. Cho dù con của người vợ trước có hiếu thảo, cung kính thì mẹ kế cũng chưa chắc thay đổi cách nhìn đối với họ. Nhưng người mẹ kế này vì để giữ lời hứa của mình với chồng mà cam tâm hy sinh con trai của mình để bảo toàn tính mạng của con người vợ trước. Người mẹ có nghĩa như vậy, người từ đời này sang đời khác sao không bị cảm động bởi sự tín nghĩa của bà ư?

MỘT LỜI HỨA CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ HỌ TRẦN

Thời nhà Hán, có một người phụ nữ hiếu thảo họ Trần, là người ở đất Hoài Dương, năm 16 tuổi đi lấy chồng. Khi chồng nàng bị gọi đi lính có dặn dò nàng phụng dưỡng mẹ của mình tới già, nàng đã đồng ý. Sau này, chồng nàng chết trận, nàng nhờ vào nghề dệt vải để phụng dưỡng mẹ chồng một chút cũng không lười biếng. Mẹ đẻ của nàng thương nàng còn trẻ nên muốn để nàng đi lấy chồng khác. Nàng bèn nói rằng: “*Vứt bỏ lời dặn của chồng là không giữ chữ tín. Phản bội người chồng đã mất là không có nghĩa. Không tín không nghĩa thì thà chết cho xong*”, nói xong bèn đòi đi tự tử. Mẹ đẻ của nàng sợ xảy ra chuyện không may nên cũng không dám ép nàng lấy chồng khác nữa, Nàng ở vậy cả đời phụng dưỡng mẹ chồng. Khi mẹ chồng mất ở tuổi 84 thì nàng bán nhà cửa ruộng đất để làm đám tang cho mẹ chồng. Hán Văn Đế nghe được chuyện này, rất khen ngợi sự hiếu thảo của nàng bèn hạ Thánh chỉ thưởng cho nàng 40 cân vàng.

Lữ Khôn bàn rằng: Người phụ nữ hiếu thảo khi 16 tuổi được chồng phó thác việc phụng dưỡng mẹ chồng. Một câu dặn dò lúc chia tay mà nàng dùng cả đời để giữ gìn. Đã không thất tín lại còn tận tâm, tận sức chăm sóc mẹ chồng. Tuy trải qua rất nhiều gian khổ nhưng trước sau cũng không hai lòng. Nếu như không có người con dâu hiếu thảo thì người mẹ chồng đó có lẽ sẽ sống trong sự lẻ loi, hiu quạnh và mất trong đau khổ.

VỢ NGƯỜI HỌ TRÌNH GIỮ GIÀY

Thời nhà Nguyên, có người tên là Trình Bàng Cử và vợ bị Trương Vạn Hộ bắt về, sau đó ép họ lấy nhau. Người vợ bảo Trình Bàng Cử bỏ trốn, Trình Bàng Cử hoài nghi vợ thử lòng mình nên báo cho Trương Vạn Hộ biết. Trương Vạn Hộ đánh vợ Trình Bàng Cử một trận. Mấy hôm sau, người vợ lại bảo Trình Bàng Cử bỏ trốn, Trình Bàng Cử càng hoài nghi, lại đi báo cho Trương Vạn Hộ biết, Trương Vạn Hộ rất tức giận bèn bán vợ Trình Bàng Cử cho người khác. Lúc chia tay, vợ của Trình Bàng Cử dùng chiếc giày thêu của mình đổi lấy một chiếc giày của chồng rồi nói với chồng rằng: *“Sau này chúng ta cầm chiếc giày này để gặp lại nhau”*. Trình Bàng Cử lúc này mới biết ý tốt của người vợ. Ông thật sự rất cảm động bèn theo lời nói trước đây của người vợ âm thầm bỏ trốn.

Vợ của Trình Bàng Cử đem tiền tích góp từ việc dệt vải để chuộc thân, sau đó vào chùa làm ni cô, cứ như thế sống hơn 30 năm. Trình Bàng Cử tuy đã giàu có nhưng cũng không lấy vợ, đến khi nghe ngóng được vợ làm ni cô ở trong chùa thì dùng chiếc giày thêu đến đón vợ về. Sau này hai người lại thành vợ chồng và sống với nhau đến già.

Vợ Trình Bàng Cử rất mực yêu chồng mà lại chịu nhiều gian khổ. Khi ly biệt lại đổi giày để làm tín vật. Nàng đến nhà của người chủ mới, khi ngủ không bao giờ cởi quần áo, hàng ngày đều chăm chỉ làm việc. Sau này, nàng dùng tiền tích góp được từ việc dệt vải để chuộc thân rồi vào chùa làm ni cô. Tấm lòng trong sạch trinh tiết của nàng, ba mươi năm trời cũng không thay đổi. Ông trời thương xót nàng, cho nên cuối cùng để nàng gặp lại chồng mình.

TIỀN LÂM HỨA TRONG LÒNG

Thời nhà Minh, vợ của Tiền Chúc là con gái của Lâm Ứng Kỳ. Khi chưa xuất giá, chồng của nàng đột nhiên bị bệnh kỳ lạ, thân thể co quắp không thể duỗi thẳng ra được. Cho nên, cha của Tiền Chúc mới viết thư cho Lâm Ứng Kỳ, muốn để cho con gái của Lâm Ứng Kỳ hứa gả cho người khác. Lâm Ứng Kỳ không nhẫn tâm nên không đồng ý. Sau 10 năm, bệnh của Tiền Chúc vẫn như cũ, không chút thuyên giảm. Cho nên, cha của Tiền Chúc lại viết thư cho Lâm Ứng Kỳ, vẫn là lời nói khi xưa, muốn để con gái của Lâm Ứng Kỳ gả cho người khác. Lâm Ứng Kỳ đem thư cho con gái xem, con gái bèn nói: *“Đây là số mệnh của con. Sao có thể thay đổi được ạ?”*. Người xung quanh nói: *“Còn chưa xuất giá thì có chọn nhà khác cũng không phải là không được”*. Con gái Lâm Ứng Kỳ đáp: *“Con người quan trọng là ở tấm lòng. Lòng con đã hứa gả cho chàng rồi”*. Lâm Ứng Kỳ nghe được câu nói này thì vô cùng khen ngợi chí hướng của con gái, thế là chuẩn bị đồ cưới rồi đem con gái gả cho nhà họ Tiền. Không lâu sau, bệnh tình của Tiền Chúc khỏi hoàn toàn như có kỳ tích.

Chồng bị bệnh mà muốn gả cho người khác, điều này dĩ nhiên là không được. Nhưng nhà chồng nhiều lần viết thư bảo nàng lấy chồng khác, hơn nữa lại trải qua 10 năm, cha nàng cũng có ý dao động. Nếu như lúc này thuận theo ý của cha và nhà chồng mà lấy chồng khác, dường như là cũng có thể được. Nhưng con gái Lâm Ứng Kỳ lại nói: *“Con người quan trọng là ở tấm lòng, lòng con đã hứa gả cho chàng rồi”*. Chỉ đơn giản hai câu mà chí tín trung trinh, thật là đại trượng phu của phái nữ!

PHAN KIM TỪ CHỐI BAN THƯỜNG

Thời nhà Minh, vợ của Phan Thiệu Tông là Kim thị, là người đất Côn Sơn. Khi Kim thị 30 tuổi thì chồng qua đời, Kim thị bèn lập chí thủ tiết thờ chồng, quyết định không tái giá. Khi về già, người trong làng muốn đem việc bà thủ tiết thờ chồng tâu lên Hoàng Thượng để xin được biểu dương. Sau khi Kim thị nghe xong bèn ngăn họ lại và nói rằng: *“Theo quy định của triều đình, 29 tuổi trở xuống mà thủ tiết thờ chồng thì mới được, 30 tuổi thì không được báo lên trên”*. Người trong làng nói với bà rằng: *“Báo bớt một tuổi thì có sao đâu!”*. Kim thị nói: *“Như vậy là dối gạt Hoàng Thượng. Tôi sẽ cảm thấy không yên lòng”*. Cuối cùng thì không dâng tâu lên Hoàng Thượng. Sau này Kim thị sống đến hơn 80 tuổi mới qua đời.

Những chuyện bởi vì lệch một tuổi mà khai báo gian dối tâu lên triều đình thì có rất nhiều. Huống hồ Kim thị lúc đó tuy 30 tuổi, nhưng tính kỷ có lẽ chưa tới 29 tuổi. Người trong làng muốn thay bà dâng tâu lên Hoàng Thượng xin được biểu dương. Sau khi Kim thị nghe xong cảm thấy đây là lừa gạt, trong lòng cảm thấy bất an. Từ việc này có thể thấy Kim thị bình thường chắc chắn là một người giữ chữ tín.

ĐỊNH KHƯƠNG CẢNH GIỚI VỚI SỰ VU KHỔNG

Thời nhà Chu, phu nhân Định Khương của Định Công nước Vệ sinh được một người con trai nhưng mất sớm. Sau này khi Vệ Định Công qua đời đã lập con trai của Kính Tự là Khản lên làm Vua, tức là Vệ Hiến Công. Tính tình Vệ Hiến Công vô cùng bạo ngược, còn thường xuyên sỉ nhục mẹ cả của mình là Định Khương, cho nên người nước Vệ trực xuất ra khỏi nước Vệ. Sau khi Vệ Hiến Công bị trục xuất, đến biên giới thì sai một vị quan Tư Chúc về nước Vệ nói rằng Hiến Công đã qua đời, hơn nữa lại muốn đến tông miếu để khấn cáo rằng Vệ Hiến Công vô tội. Định Khương bèn nói: *“Không được làm như vậy! Nếu như không có Thần linh, vậy hà tất phải khấn cáo? Còn nếu như có Thần linh thì càng không được lừa dối. Khấn có ba tội. Sao có thể nói là vô tội? Chỉ có thể khấn cáo với tông miếu việc qua đời, không thể tới tông miếu nói rằng mình vô tội”*.

Ba tội mà Định Khương nói đến là vứt bỏ đại thần chính trực mà bàn bạc quốc sự với kẻ tiểu nhân gian tà, miệt thị thượng khanh và sự bảo, sỉ nhục vợ của tiên phụ. Có những tội như vậy mà nói là không có, là không nói đến chữ tín. Thất tín với người khác còn không được, huống hồ là lừa dối Thần linh? Lưu Hưởng khen ngợi Định Khương rất thông minh, nhìn xa trông rộng. Nước Vệ không bị diệt vong là bởi vì Định Khương có thể dùng chữ tín để dạy bảo con cháu đời sau.

LỜI NÓI THẬN TRỌNG CỦA XƯƠNG BÒ

Thời Tam Quốc, mẹ của Chung Hội nước Ngụy là Trương Xương Bò, lúc bình thường khi nói với người khác, cho dù là tôi tớ cũng nhất định phải giữ chữ tín. Khi bà mang thai Chung Hội, cha của Chung Hội là Chung Dao có người tiểu thiếp là Tôn thị. Tôn thị rất đố kỵ Xương Bò, lén cho thuốc độc vào trong thức ăn rồi cho Xương Bò ăn. Xương Bò đầu tiên ăn một miếng, sau phát hiện ra bèn nhổ thức ăn đã ăn ra, nhưng vẫn bị thuốc độc ảnh hưởng nên hôn mê mấy ngày liền. Có người khuyên Xương Bò nói lại với chồng, Xương Bò nói: *“Hễ ở cùng một nhà mà vợ cả với vợ bé mưu hại lẫn nhau thì nhà tan cửa nát. Nếu như tôi nói với chồng mà chồng không tin lời tôi, thì có ai thay tôi chứng minh việc này? Huống hồ, Tôn thị cho rằng tôi nhất định sẽ mách với chồng, chắc chắn cô ta sẽ đánh đòn phủ đầu, sẽ đem việc này nói cho chồng tôi trước. Do cô ta phát động trước, vừa ăn cướp vừa la làng, xem cô ta tự bào chữa cho mình như thế nào”*. Thế là Xương Bò bảo mình bị bệnh, quả nhiên Tôn thị nói trước với Chung Dao rằng: *“Do thiếp muốn phu nhân sinh con trai, cho nên đã lén cho thuốc vào trong thức ăn, nay phu nhân lại nói là thiếp hạ độc”*. Chung Dao nghe xong trong lòng bèn suy nghĩ, đem thuốc lén bỏ vào trong thức ăn, điều này không hợp với lẽ thường, bèn gọi người hầu đến tra hỏi một hồi. Người hầu khai hết sự thật. Thế là Tôn thị bị đuổi ra khỏi nhà.

Mẹ của Chung Hội nói lời phải có chữ tín, cho dù nói với người có địa vị thấp kém cũng sẽ không làm trái với lời hứa của mình. Do bà ăn nói thận trọng nên có thể nói lời mà giữ lời. Khi bà bị hạ độc mà cũng không nói, còn sợ rằng lời nói của mình không có ai tin. Vợ cả không đố kỵ vợ bé, vợ bé lại đố kỵ vợ cả, là bởi vì ban đầu nhà của cha Chung Hội có nếp cung chiều vợ bé mà áp chế vợ cả. Mẹ của Chung Hội không nói ra thì càng có thể thấy khi bà nói thì thận trọng biết bao.

ĐẶNG MAN VỠ VỀ DÂN

Thời Xuân Thu, phu nhân của Vua nước Vệ Hùng Thông là Đặng Man rất có kiến thức. Vua Sở sai Tướng quân Mạc Ngao Khuất Hà đi đánh nước La. Sau khi đưa tiễn quân Sở lên đường, khi trở về, Đấu Bá Tỷ nói với người đánh xe rằng: *“Ta thấy Mạc Ngao Khuất Nguyên xuất quân lần này chắc chắn bại trận bởi vì dáng đi chân nhấc cao. Như vậy có thể biết là rất cao ngạo nhưng lòng không vững”*. Thế rồi, Đấu Bá Tỷ đến gặp Vua Sở và nói với Vua rằng: *“Lần này, Mạc Ngao Khuất Hà đem quân đi đánh nước La. Thần cho rằng phải cử thêm quân viện trợ mới được”*. Vua Sở nghe xong, cho rằng quân đội nước Sở hầu như đã theo Mạc Ngao Khuất Hà rồi, hơn nữa cảm thấy Mạc Ngao Khuất Hà nắm chắc phần thắng bèn nói: *“Khanh quá lo xa rồi. Điều này không cần thiết”*. Vua Sở trở về cung bèn đem việc này nói cho Đặng Man biết, Đặng Man nói: *“Thiếp cảm thấy lời nói của Đấu Bá Tỷ hàm chứa thâm ý. Thực sự không phải ông ta muốn Đại Vương cử thêm quân viện trợ cho Mạc Ngao Khuất Hà đi đánh nước La. Ý của ông ta là để cho Đại Vương dùng ân điển vỗ về nhân dân, lại phải dùng luật hình nghiêm khắc để răn đe Mạc Ngao Khuất Hà. Bởi vì trước đây Mạc Ngao Khuất Hà đánh thắng trận ở Bồ Tao nên chắc chắn rất tự đại. Giả sử không phải như vậy, vậy thì chẳng nhẽ Đấu Bá Tỷ thực sự không biết là toàn bộ quân đội nước Sở đã theo Mạc Ngao Khuất Hà đi đánh nước La sao?”. Vua Sở nghe xong, đột nhiên tỉnh ngộ, bèn sai người đuổi theo gọi Mạc Ngao Khuất Hà quay về, nhưng đã đuổi không kịp, quả nhiên Mạc Ngao Khuất Hà sau đó bại trận.*

Mạc Ngao bại trận, Đấu Bá Tỷ từ dáng đi của Mạc Ngao đã thấy trước, mà Đặng Man chỉ là nghe lại sự việc mà đoán được kết quả. Lời khuyên của bà đối với Vua Sở lấy tín nghĩa an ủi, vỗ về nhân dân, càng có thể thấy kiến thức của bà hơn người. Đối với nhân dân mà không có tín nghĩa thì không có chỗ đứng, Mạc Ngao không hiểu điều này, nhưng Đấu Bá Tỷ hiểu rõ chân lý trong đó. Vua nước Sở chưa kịp hiểu rõ, Đặng Man bèn nói rõ cho Vua biết. Điều này chẳng nhẽ không phải là

có kiến thức sao? Đối diện với người phụ nữ như vậy, Vua nước Sở sẽ cảm thấy hổ thẹn chứ!

ĐÔNG MAI THỰC HIỆN LỜI HỨA

Thời nhà Minh, trong nhà của Hứa Thế Đạt có một người hầu gái tên là Đông Mai. Khi nàng 13 tuổi, chủ nhân Hứa Thế Đạt qua đời. Lúc này, con trai của ông là Hứa Thực chưa tròn một tuổi, vợ của Hứa Thế Đạt bệnh rất nặng, lúc lâm chung nói với Đông Mai rằng: *“Vợ chồng ta chỉ có mỗi một người con, nay không thể phó thác cho ai. Phải làm sao vậy đây?”*. Đông Mai nghe chủ nhân nói vậy bèn khóc mà rằng: *“Ngộ nhờ bất hạnh, chủ nhân qua đời, Đông Mai tôi tình nguyện ở lại trong nhà, chăm sóc cho tiểu chủ nhân mà không đi lấy chồng”*. Sau khi vợ Hứa Thế Đạt qua đời, Đông Mai tận tâm chăm sóc cho tiểu chủ nhân, cho thức ăn vào miệng nhai nát rồi bón cho Hứa Thực ăn. Người nhà họ Hứa nhòm ngó phần tài sản của Hứa Thế Đạt nên muốn để Đông Mai đi lấy chồng, sau đó sẽ giết chết Hứa Thực. Đông Mai yêu cầu mang theo Hứa Thực cùng đi, thế là cùng ngồi lên kiệu. Khi kiệu đi qua nhà của người họ Uông, Đông Mai lừa người khiêng kiệu rằng: *“Trước đây ở nhà này tôi có gửi mấy món đồ trang sức, nay muốn đòi lại”*, thế rồi bèn xuống kiệu vào trong nhà họ Uông nói rõ sự tình, người họ Uông bèn giữ nàng ở lại trong nhà rồi quở trách những người ép Đông Mai đi lấy chồng. Sau này đợi đến khi tiểu chủ nhân Hứa Thực trưởng thành, Đông Mai lại lấy vợ cho Hứa Thực. Đông Mai sống đến 82 tuổi, đến già vẫn là trinh nữ chưa lấy chồng.

Hoàn cảnh của Hứa Thực thời nhỏ nguy nan như Lý Tục thời nhà Minh, mà Đông Mai là cô gái 13 tuổi lại có thể gánh vác trọng trách nuôi nấng trẻ mồ côi, so với Lý Thiện thì càng khó khăn hơn nhiều. Danh sĩ quân tử thấy nàng đều phải quý vái từ xa. Ai dám nói trong đám người hầu gái không có nhân vật vĩ đại? Người trong dòng tộc thấy nàng là người đức hạnh cao thượng nên đã dùng lễ đối với chủ nhân để đổi đãi nàng, nhưng nàng kiên quyết từ chối. Điều này càng có thể thấy sự hiền đức của nàng.

CÔ GÁI HỌ LƯ AN ỦI CHA

Thời nhà Minh, khi con gái của Lư Văn Liệt còn nhỏ, Lư Văn Liệt thường kể những câu chuyện người xưa thủ tiết hiếu thuận cho con gái nghe. Con gái cũng tiếp thu được đại ý. Khi con gái lên 16 tuổi, Lư Văn Liệt bị bệnh nặng, bèn nói với con gái rằng: *“Mẹ của con tuổi cũng chưa nhiều, hai em trai con còn nhỏ. Sau này nếu như con lấy chồng thì mẹ con và hai em con dựa vào ai được?”*. Cô gái họ Lư nói: *“Con nguyện sống với mẹ và hai em cả đời”*. Sau khi cha mất, mẹ của cô nói rằng: *“Năng lực của mẹ còn không đảm bảo cho hai em trai của con, đâu còn dư sức để lo cho con được?”*. Cô gái họ Lư nói với mẹ rằng: *“Con có thể dùng sức lao động của mình để đổi lấy cơm ăn”*, thế là làm khăn lưới buộc tóc đem bán lấy tiền làm tiền phụ cấp sinh hoạt gia đình. Đợi đến khi com áo có thể miễn cưỡng cầm cự được bèn tiết kiệm ăn mặc để cúng tế Tổ tiên nhà họ Lư. Sau này khi hai người em trai trưởng thành, nàng lấy vợ cho hai em. Thỉnh thoảng con dâu bất hiếu với mẹ chồng, nàng đều không ăn uống, còn tự trách phạt mình, lâu dần vợ của hai em trai cũng bị sự chí thành của nàng cảm hóa, đều rất hiếu thuận với mẹ chồng.

Cô gái họ Lư khi cha bị bệnh đã an ủi cha một câu mà dùng cả đời để thực hiện. Đối với mẹ và Tổ tiên nhà họ Lư đã tận hiếu. Đối với hai em trai và hai em dâu mà nói, nàng đã tận hết **đễ** đạo. Đối với người cha đã mất, nàng đã có sự trung **tín**. Nàng có thể làm được như vậy, có lẽ là do những câu chuyện cổ nói về lòng hiếu thảo ngày xưa cha kể cho nàng đã đặt nền móng cho nàng. Cho nên mới nói cô gái nhỏ cũng không được xem thường!

VƯƠNG TRẦN ÔM CON

Thời nhà Minh, ở huyện Kinh Dương, Thiểm Tây có người thư sinh họ Vương, vợ họ Trần sinh được một người con trai. Vừa sinh được một tuần thì người thư sinh họ Vương bị bệnh nặng, khi lâm chung đem con trai ủy thác cho Trần thị. Trần thị nói: *“Đó là điều đương nhiên. Thiếp sẽ dùng cả tính mạng của mình để bảo vệ con”*. Lúc đó là thời cuối nhà Minh, bọn cướp xông vào nhà. Trần thị bế con trốn trên gác. Bọn cướp đốt nhà, Trần thị từ trên mái hiên nhảy xuống, may mà không ngã chết. Bọn cướp thấy nàng có nhan sắc bèn bắt nàng kẹp lên lưng ngựa. Trần thị dùng sức nhảy xuống đất, cứ như vậy lặp đi lặp lại mấy lần. Giặc cướp dùng dây thừng trói nàng lại, đi được mấy dặm đường, Trần thị dùng sức làm đứt dây thừng, người cùng với yên ngựa rơi xuống đất. Bọn cướp biết là không thể làm thay đổi ý chí của nàng, nên đã giết chết nàng. Đợi đến khi bọn cướp rút khỏi huyện Kinh Dương, người nhà của nàng đi tìm để tẩm niệm thi thể của nàng, con trai của nàng vẫn nằm trong lòng của nàng khóc oe oe. Hai tay của Trần thị vẫn ôm chặt đứa con.

Đàm Triệu thị ôm con mà chết là bởi vì **nghĩa**. Còn Vương Trần thị ôm con mà chết là bởi vì chữ **tín**. Đàm Triệu thị là tình nguyện chịu chết, còn Vương Trần thị ba lần tự sát đều không thành. Đây là ông trời đang thử thách ý chí của nàng. Vợ đối với chồng mà nói, không phải chỉ chết rồi là có thể hết trách nhiệm, mà bởi vì không có cách nào khác mà không thể không chết. Đây là nói tuy đã chết nhưng vẫn như còn sống vậy.



THÁI NHÂM DẠY CON TỪ KHI MANG THAI

Thời Ân Thương, Chu Vương Quý Lịch có một người Vương Phi tên là Thái Nhâm, là mẹ của Chu Văn Vương, cũng là con gái thứ hai của dòng họ Chí Nhâm. Bà là người phẩm hạnh đoan trang, thành thật, tất cả mọi việc đều nghiêm khắc làm theo đạo đức. Khi bà mang thai Văn Vương, mắt bà không nhìn những cảnh xấu xa, tai không nghe những âm thanh không lành mạnh, miệng không nói lời ngạo mạn. Khi ngủ không nằm nghiêng, khi ngồi không nghiêng lệch, lúc đứng hai chân ngay ngắn không xiêu vẹo, không ăn những thức ăn có vị lạ, miếng thịt thái không vuông vắn cũng không ăn, chiếu chải không ngay thẳng cũng không ngồi. Cho nên sau này khi Văn Vương sinh ra thì rất thông minh. Thánh hiền, người quân tử cho rằng đây là kết quả của việc Thái Nhâm giỏi việc thai giáo.

Tấm gương thai giáo của Thái Nhâm lưu truyền xưa nay. Sau này Thái Tự cũng noi theo và sinh được Vũ Vương và Chu Công. Ấp Khương noi theo và sinh được Thành Vương. Mẹ của Khổng Tử, Mạnh Tử cũng đều giỏi việc thai giáo. Thời cận đại du nhập nếp sống phương Tây, đối với lễ giáo thường công kích phê phán, duy đối với việc ngôn luận về thai giáo của người xưa lại rất xem trọng, mong rằng các nữ đồng bào đều có thể cân nhắc xem xét kỹ, tuân theo lời dạy của người xưa, để sinh được Thánh nhân quân tử giống như Văn Vương.

KHƯƠNG HẬU THẢO TRÂM

Hoàng Hậu Khương thị của Tuyên Vương nhà Chu, là con gái của Tề hầu. Bà tính tình hiền đức. Những lời không hợp với lễ nghĩa thì không nói, những việc không hợp với lễ nghĩa thì không làm. Có một lần, Chu Tuyên Vương ngủ dậy muộn, Khương Hậu bèn tháo trâm cài trên đầu và khuyên tai xuống, đứng ở cung Vĩnh Hạng đợi Chu Tuyên Vương định tội. Bà sai Phó mẫu đến nói với Chu Tuyên Vương rằng: *“Bởi thân thiếp không tốt để Hoàng Thượng mất hết lễ tiết mà thượng triều muộn, mạo muội xin Hoàng Thượng trị tội”*. Chu Tuyên Vương nói: *“Điều này là do Trâm thất đức, chứ không phải lỗi của Hoàng Hậu”*. Từ đó về sau, Chu Tuyên Vương chăm lo việc triều chính, thượng triều sớm, bãi triều muộn, trùng tu lại cơ nghiệp của Chu Văn Vương, Vũ Vương để lại, cuối cùng giành được thành tựu là Vua trung hưng.

Khương Hậu lo Chu Tuyên Vương do háo sắc, cứ thế tiếp tục thỏa sức hưởng thụ mà gây nên đại loạn. Do vậy, bà đã đem lỗi lầm ôm vào mình để uyển chuyển khuyên can, dùng lễ đối đãi với Vua. Lưu Hưởng cho rằng bà giỏi việc dùng uy danh và lễ nghĩa mà lại có đức hạnh, hơn nữa còn trích dẫn câu thơ trong bài Gia Lạc-Đại Nhã-Kinh Thi: *“Uy nghi ức ức, Đức âm trật trật”* (*Uy nghi thận trọng kín thẳm, đều đều hằng có tiếng tăm tốt lành*) và bài thơ Thập Tang để khen ngợi bà. Khương hậu thật sự là người hiền đức, không ai có thể vượt qua bà.

VỢ KHUYẾT MANG CƠM RA ĐỒNG CHO CHỒNG

Thời nhà Chu, nước Tấn có đôi vợ chồng Khích Khuyết kính trọng lẫn nhau giống như tiếp đãi khách. Có một hôm, Khích Khuyết cày ruộng ngoài đồng ở Ký Ấp, vợ của Khích Khuyết mang cơm ra ruộng, dùng hai tay bưng cơm rau đưa cho chồng vô cùng cung kính. Khích Khuyết cũng vui vẻ, hòa nhã đón nhận. Vừa vặn lúc đó, quan đại phu nước Tấn là Cữu Quý đi ngang qua nơi này, nhìn thấy tình cảnh như vậy, khi trở về bèn nói với Tấn Văn Công rằng: *“Cung kính là biểu hiện của việc ngung tu đức tính. Một người có thể cung kính thì chắc chắn có đạo đức, đã có đạo đức thì chắc chắn có thể cai trị tốt nhân dân, cho nên xin Đại Vương hãy bổ nhiệm Khích Khuyết”*. Tấn Văn Công bèn cho Khích Khuyết làm Hạ quân đại phu trong quân đội. Sau này đánh trận ở đất Ki, Khích Khuyết bắt được Vua của nước Bạch Địch. Tấn Tương Công bèn bổ nhiệm Khích Khuyết là công khanh, đem đất Ký Ấp ban tặng cho Khích Khuyết.

Lữ Khôn bàn rằng: Vợ chồng không phải là quan hệ không thân thiết của người ngoài, lúc ở nơi hoang vắng cũng không phải là trường hợp chính thức, cơm rau nơi đồng ruộng cũng không phải là yến tiệc thịnh soạn mà vợ chồng Khích Khuyết lại kính trọng lẫn nhau, để cho người ngoài nhìn thấy cũng hâm mộ không thôi. Vậy có thể thấy việc gì họ cũng rất cung kính, không có một chút tùy tiện. Người xưa nói: ***“Trong khuê môn không thể thoát khỏi một chữ lễ”***. Rất nhiều cặp vợ chồng trở mặt thành thù đều bởi vì không tuân theo lễ nghĩa, không biết tiết chế mà dẫn đến.

CÔ GÁI BƯỞU CỔ HÁI DÂU

Thời nhà Chu ở Đông Thành nước Tề, có một người con gái hái dâu. Do trên cổ của cô có một cục bướu cho nên mọi người gọi cô là cô gái bướu cổ. Có một hôm, Mẫn Vương của nước Tề ra ngoài du ngoạn. Người hầu đi theo rất nhiều, gây ra náo động một vùng. Người dân ai ai cũng đều ra xem Tề Mẫn Vương. Chỉ có cô gái bướu cổ vẫn hái dâu như thường mà không nhìn một chút nào. Tề Mẫn Vương cảm thấy rất kỳ lạ bèn gọi nàng lại hỏi. Cô gái bướu cổ ứng đáp rất lễ phép, Tề Mẫn Vương thấy nàng hiền lành đức độ, trong lòng rất thích bèn bảo xe phía sau chở nàng về cung. Cô gái bướu cổ nói: *“Không có lệnh của cha mẹ mà theo Đại Vương đi. Đó chẳng phải là bỏ nhà theo trai sao?”*. Tề Mẫn Vương nghe xong vô cùng hồ thẹn, khen nàng là Thánh nữ. Sau đó dùng hai ngàn lạng vàng làm sính lễ đến đón cô gái bướu cổ về cung làm Hoàng Hậu.

Sau này Tề Mẫn Vương áp dụng ý kiến của cô gái bướu cổ để trị vì đất nước. Kết quả, mấy tháng sau, tiếng tăm của nước Tề làm chấn động các nước láng giềng. Các nước chư hầu đều đến triều kiến Tề Vương.

Lữ Khôn nhận thấy rằng: Chẳng nhẽ phụ nữ chỉ có sắc đẹp thôi sao? Một cô gái bướu cổ thận trọng tuân theo lời của cha mẹ, mắt không hề nhìn đi chỗ khác, kiến thức cao rộng, ứng phó lễ phép, trợ giúp Mẫn Vương để đất nước được ổn định. Những người phụ nữ có dung mạo xinh đẹp, trờ ngoài hình xinh đẹp ra, còn có thể làm được gì? Còn có thể làm được gì?

DƯƠNG LƯU TRÁCH CON

Thời nhà Hán, mẹ của Dương Nguyên Tông họ Lưu tên Thái Anh, là người Ích Đô. Bà là người trung trinh hòa nhã, hơn nữa lại thông đạt lễ nghĩa. Chồng mất sớm để lại bốn người con trai. Dương Nguyên Tông là con trai cả. Nhưng ông thường xuyên ra ngoài uống rượu. Hơn nữa, sau khi uống rượu xong vội tự mình đánh xe trở về. Lưu thị mười ngày không cho con trai đến gặp bà. Dương Nguyên Tông bèn dắt theo ba người em trai đến trước mặt mẹ để nhận lỗi. Lưu thị bèn quở trách Dương Nguyên Tông rằng: *“Con phải hiểu được uống rượu phải có chừng mực, không đến mức đắm chìm trong rượu. Như vậy mới phù hợp với lễ pháp. Nay con uống rượu uống say như vậy. Thực sự là bừa bãi vô cùng, không còn thể thống gì. Bản thân con là người đầu tiên làm hỏng lễ nghĩa. Sau này, sao có thể dẫn dắt những người em trai được đây?”*.

Vua Vũ chán ghét rượu ngon mà thích lời nói thiện. Rượu có thể tác thành lễ tiết mà cũng có thể làm hỏng lễ tiết. Trong những nghi thức quan trọng như đám hiếu, đám hỉ thì có thể uống chút rượu, nhưng phải có chừng mực, không thể uống đến mức làm cho con người ta mê loạn. Thường xuyên ra ngoài uống rượu đã là việc vô cùng thiếu lễ độ rồi. Dương Nguyên Tông uống rượu không chừng mực, vô cùng thiếu lễ độ, cho nên mẹ ông mười ngày không gặp ông cũng là hợp tình hợp lý.

GIA QUY CỦA THÂN QUỐC

Thời Bắc Tống, Lữ Hi Triết làm quan được phong đến chức Vinh Quốc Công. Mẹ của ông là Thân Quốc phu nhân, dạy con việc gì cũng phải theo nề nếp cũ. Khi Lữ Hi Triết mới lên mười tuổi, bất luận là trời nóng hay trời lạnh, cả ngày đứng bên cạnh mẹ. Mẹ không bảo ngồi thì ông không dám ngồi. Hàng ngày nhất định quần áo phải chỉnh tề mới được gặp bậc bề trên. Thường ngày ở trong nhà, cho dù trời nóng nực như thế nào đi nữa, ở bên cạnh bậc bề trên thì không được phép cởi bỏ khăn quần đầu và giày tất, quần áo cũng phải chỉnh tề, càng không được phép đến quán trà, tiệm rượu. Cho nên, những lời nói không đứng đắn, những âm thanh không đứng đắn ngoài chợ thì tai của Lữ Hi Triết cũng chưa từng được nghe. Những sách vở không đứng đắn thì mắt của Lữ Hi Triết cũng chưa từng được xem. Do đó, sau này, Lữ Hi Triết trở thành nhân vật lớn có đạo đức khác người thường.

Lữ Khôn có lời bàn rằng: Giỏi việc dạy bảo con cái, trừ việc nghiêm khắc ra không còn cách nào khác. Giỏi việc sử dụng oai phong, trừ việc phải cẩn thận ra không còn cách nào khác. Người thời nay dạy bảo con cái, đại đa số là lơ là qua quýt, dung túng nuông chiều, không xem xét kỹ lưỡng. Đợi đến khi đức tính của con cái hỏng rồi thì chỉ biết cho đòn roi, ngoài việc làm hại đến tình cảm của cha mẹ với con cái chứ không giúp gì cho việc cứu vãn tính nết của con cái. Hãy xem phương pháp dạy con của Thân Quốc phu nhân, có thể ngộ ra rất nhiều đạo lý trong đó.

Ý TÂN LỄ PHÁP

Tiêu Ý Tân là vợ của Gia Luật Nô nước Liêu, là con gái của Phò mã Đào Tô Can. Có một hôm, mấy chị em dâu bàn tán dùng tà pháp để lấy được sự sủng ái của chồng. Tiêu Ý Tân nói: *“Dùng tà pháp không hay bằng dùng lễ pháp”*. Mọi người bèn hỏi Tiêu Ý Tân như thế nào là dùng lễ pháp. Tiêu Ý Tân đáp: *“Hành vi của mình phải cẩn thận, hầu hạ người trên phải cung kính, đối với chồng phải dịu dàng, nhẹ nhàng, đối với người dưới phải khoan dung độ lượng. Như vậy được gọi là lễ pháp. Bốn điều nói trên đều làm được hết thì chồng tự nhiên sẽ không dám khinh thường”*. Mọi người nghe Tiêu Ý Tân nói xong đều cảm thấy vừa hổ thẹn, vừa bội phục. Sau này, chồng của bà bị vu cáo hãm hại, theo pháp luật bị lưu đày, Tiêu Ý Tân bèn dâng tấu lên Hoàng Thượng xin đi cùng chồng. Ở nơi lưu đày, bà làm những việc lao dịch, hầu hạ chồng càng thêm lễ phép, cung kính.

Phụ nữ gia đình giàu có không biết đạo lý hầu hạ chồng lại mưu tính, dùng thủ đoạn để giành sự sủng ái, thông cảm của chồng. Bởi vậy nếp sống của xã hội càng ngày càng xấu đi. Còn như dùng tà thuật yêu ma thì càng không thể lường trước được. Lễ pháp của Tiêu Ý Tân thực là liều thuốc hay để cứu thế. Hơn nữa, điều này đều là do bản thân bà trải nghiệm mà có được. Bà theo chồng sống cuộc sống lưu đày, làm những việc lao dịch mà chưa bao giờ quên lễ phép. Cuối cùng chồng bà được gọi về. Chẳng nhẽ không phải là sự hiệu nghiệm của việc bà làm theo lễ pháp sao?

CÔNG THỪA QUỖ TRÁCH EM TRAI

Thời Xuân Thu, Công Thừa Tử Bì có người chị gái. Có một lần, người trong họ mất, người chị khóc rất thương tâm. Công Thừa Tử Bì bèn khuyên chị gái rằng: *“Chị đừng khóc như vậy nữa! Em biết là nguyên nhân gì rồi. Em sẽ sớm gả chồng cho chị là được”*.

Rất lâu sau đó, Công Thừa Tử Bì nói với chị gái rằng: *“Vua nước Lỗ muốn em làm Tể tướng. Chị nói có được không?”*. Người chị nói: *“Em không làm thì tốt hơn”*. Công Thừa Tử Bì bèn hỏi nguyên có làm sao. Người chị nói: *“Lần trước, khi nhà người ta có tang sự em ở trước mặt mọi người lại nói đến chuyện cưới hỏi. Đây là biểu hiện của sự không hiểu lễ nghĩa. Người không hiểu lễ thì đâu có thể làm quan?”*. Công Thừa Tử Bì nói: *“Bản thân chị muốn lấy chồng sao lại không sớm nói cho em biết?”*. Người chị nói: *“Chị đâu có thể vì nguyên có muốn lấy chồng mới nói cho em biết? Bản thân em không hiểu lễ lại còn ra làm quan thì nếu như không có thiên tai thì nhất định sẽ có tai họa từ con người gây ra. Theo ý của chị thì em không nên ra làm quan thì tốt hơn”*. Công Thừa Tử Bì không chịu nghe theo lời khuyên của chị gái, cuối cùng ra làm Tể tướng nước Lỗ, không đến một năm quả nhiên do gây ra tội mà bị xử tử.

Lưu Hưởng bàn rằng: Chị gái của Công Thừa Tử Bì có thể suy đoán được em trai sẽ gặp tai họa thực sự là có trí tuệ. Trước tiên phải có lễ sau mới hành động, không tùy tiện làm việc thiên tư, có thể nói là chính trực. Hơn nữa, việc lấy chồng của người phụ nữ phải có người xướng rồi mới phụ họa theo. Như vậy, bà hiểu rất rõ chuẩn mực và quy tắc trong gia đình mà người phụ nữ cần tuân thủ. Chỉ có biết rõ sự quan trọng của lễ nghĩa mới có thể biết được người không lễ nghĩa mà làm Tể tướng thì thực sự là sẽ rước họa vào mình.

LỄ KHUÊ TÔN TRỌNG SỰ THỜ CÚNG

Thời nhà Hán, vợ của Trần Tĩnh họ Dương, tên là Lễ Khuê. Bà có hai người con trai. Người con trai cả lấy con gái của Trương Độ Liêu là Huệ Anh làm vợ. Con trai út lấy con gái của nhà họ Tuân. Nhà mẹ đẻ hai người con dâu của Lễ Khuê đều vô cùng giàu có. Khi đi lấy chồng, người hầu nữ đi theo có bảy, tám người, của hồi môn cũng rất nhiều. Mặc dù vậy, Lễ Khuê không để ý nhà mẹ đẻ của hai người con dâu giàu như thế nào mà vẫn dùng phép tắc trong nhà mà mẹ chồng ngày xưa truyền lại để dạy bảo hai người con dâu, đích thân bà làm việc nhà. Hai người con dâu thấy đức hạnh của mẹ chồng như vậy cũng phải chấp nhận gia huấn của nhà chồng.

Dương Lễ Khuê có người cháu họ, hầu hạ người trên có chút sơ suất. Dương Lễ Khuê cảm thấy hành vi của người cháu không hợp với lễ nghĩa bèn cắt đứt quan hệ với người cháu này. Do vậy, người cháu này cảm thấy hổ thẹn và ăn năn hối cải. Sau này thời cuộc hỗn loạn, cả nhà của Dương Lễ Khuê cũng thường xuyên phải chạy trốn, thường xuyên di chuyển nơi ở. Nếu có người trong dòng tộc hoặc họ hàng muốn gặp bà thì bà nhất định rất nghiêm túc chỉnh trang lại, đằng sau có con trai, các cháu và người hầu gái thì mới chịu gặp mặt. Bà nói: *“Đây là gia quy của mẹ chồng đã qua đời của tôi!”*. Mỗi khi thờ cúng Tổ tiên nhất định rất thành kính dùng đồ cúng ngon nhất trong nhà. Bà lại nói: *“Chúng ta phải hiểu được thờ cúng là việc cao quý nhất trong lễ pháp”*. Năm 89 tuổi bà qua đời.

Lễ giáo của Dương Lễ Khuê rất nhiều:

- Thứ nhất: Mở lời đều nói là gia quy của mẹ chồng truyền lại;
- Thứ hai: Mẹ chồng là người thầy, làm theo sự chỉ bảo của mẹ chồng;
- Thứ ba: Hai người con dâu xuất thân từ nhà quyền thế, khuyên răn họ phải tự mình lao động;
- Thứ tư: Người cháu họ sơ suất trong việc hầu hạ người trên liền cắt đứt quan hệ;

- Thứ năm: Trong thời kỳ hỗn loạn có người trong dòng họ hoặc họ hàng đến báo kiến thì nhất định phải trang điểm chỉnh tề, dẫn con cháu và người hầu ra gặp mặt;
- Thứ sáu: Mỗi khi thờ cúng Tổ tiên đích thân cung phụng đồ thờ.

Người phụ nữ này cũng có đức hạnh của bậc làm thầy vậy.

TRỊNH THÔI BAN ĐÊM DỆT VẢI

Thời nhà Tùy, mẹ của Trịnh Thiện Quả họ Thôi, con trai bà làm quan to, kế thừa tước vị của cha ông, nhưng bà vẫn tự mình xe chỉ dệt vải. Hàng ngày dệt suốt đến nửa đêm mới đi ngủ. Trịnh Thiện Quả thấy mẹ vất vả như vậy bèn nói với mẹ rằng: *“Con đã làm quan, được phong hầu, những bổng lộc nhận được cũng rất nhiều. Sao mẹ phải tự mình vất vả đến vậy?”*. Người mẹ nghe xong bèn nói: *“Trước đây mẹ tưởng con đã hiểu được đạo lý lớn trong thiên hạ, nay nghe con nói vậy là vẫn chưa hiểu được lý lẽ. Sao có thể xử lý việc công của đất nước được? Con phải hiểu được là những bổng lộc này Hoàng Thượng báo đáp những công lao mà thế hệ trước của con đã dùng sinh mạng để đổi lấy. Theo lý mà nói, những bổng lộc này con phải chia cho mọi người trong dòng họ để biểu hiện là ân huệ của Tổ tiên. Còn như những việc như xe chỉ dệt vải đều là việc mà bốn phận của người phụ nữ phải làm, trên từ Hoàng Hậu, dưới đến vợ của các quan lại và vợ của kẻ sĩ đều phải tận hết trách nhiệm của mình. Nếu như có người lười biếng thì đây là hành vi kiêu căng phóng túng. Mẹ tuy không hiểu lẽ pháp, nhưng sao có thể tự mình hủy hoại danh dự của mình được?”*.

Quách Nhiếp Hi bàn rằng: Mẹ của Trịnh Thiện Quả khuyên răn con trai, cách làm của bà giống với Kính Khương. Việc Kính Khương nói cho trẻ con ra làm quan để cho đủ quân số thì chưa từng nghe nói. Mẹ của Trịnh Thiện Quả nói làm như vậy thì có ích gì đối với thiên hạ. Kính Khương nói từ Thiên tử cho đến dân thường, không ai dám xa hoa phóng túng mà không lao động. Mẹ của Trịnh Thiện Quả nói từ Hoàng Hậu đến vợ của các quan lại, kẻ sĩ không ai là không lao động mà xa hoa phóng túng. Kính Khương có ăn học, hiểu lẽ nghĩa. Mẹ Trịnh Thiện Quả rất giỏi việc học theo Kính Khương.

SỞ VIÊN KHÔNG LÀM TRÁI

Thời nhà Đường, con gái của Kỷ Vương Lý Thận tên là Sở Viên được phong làm Đông Quang Huyện Chúa. Khi Sở Viên lên tám tuổi, Kỷ Vương bị bệnh, trong lòng Sở Viên ưu sầu đến nỗi không ăn cơm. Cha của cô bé thấy cô bé còn nhỏ tuổi nên rất xót thương cô bé bèn nói dối cô bé rằng: *“Bệnh của cha đã khỏi rồi”*. Sở Viên nhìn kỹ mặt cha thì thấy vẫn mang sắc mặt của người bị bệnh. Cô bé tuy nhỏ nhưng thông minh biết được đó là ý tốt của cha mà trong lòng vẫn cứ ưu sầu. Sau này khi lớn lên, Sở Viên được gả cho Bùi Trọng Tương. Sở Viên hầu hạ mẹ chồng giống như khi còn ở nhà hầu hạ mẹ của mình, đối xử với chồng tôn kính giống như đối với khách, rất hòa thuận với các chị em dâu. Thái độ đối xử với người bề dưới và người hầu rất triu mến.

Khi đó, cuộc sống của Hoàng thân quốc thích đều vô cùng xa xỉ. Mọi người ganh đua sự giàu có xa hoa. Họ thấy Đông Quang Huyện Chúa rất giản dị bèn nói với nàng rằng: *“Một người sống ở trên đời, miễn là thoải mái là được. Sao một mình nàng lại cần kiệm, vất vả như vậy?”*. Sở Viên trả lời họ rằng: *“Từ nhỏ tôi đã thích nói lễ pháp. Nay tôi làm theo mà không trái với lễ pháp là chí nguyện của tôi đã đạt được rồi. Há chẳng phải càng thoải mái sao! Phụ nữ có hành vi cung kính, khiêm tốn thì có thể tác thành đức hạnh, có hành vi kiêu xa, phóng túng thì có thể làm bại hoại danh dự. Huống hồ, phú quý và ân sủng được dễ thì mất cũng dễ. Dâu có thể dựa vào đó để ức hiếp người khác!”*.

Theo yêu cầu của Lễ, nàng thà sống cuộc sống cần kiệm cũng không muốn xa hoa. Sở Viên không những thích Lễ mà làm theo tiêu chuẩn của Lễ. Hiếu đức của nàng càng đáng được ngợi khen. Đến khi Võ thị chuyên chính, Kỷ Vương vì tội danh không có căn cứ mà bị xử tử. Nàng khóc lóc thảm thiết, đau thương tột cùng đến nỗi nhiều lần ói ra máu. Sau khi mãn hạn chịu tang, hai mươi năm cũng không trang điểm.

Khi Trung Tông khôi phục ngai vàng, Sở Viên dâng sớ giải oan cho cha mới gột sạch oan khuất, khôi phục lại quan tước cho cha nàng, được tuần táng ở Chiêu Lăng.

ĐỖ HẬU LỄ PHÁP

Mẹ của Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã là Đỗ thị trị gia rất nghiêm, hơn nữa lại tuân thủ lễ pháp. Tống Thái Tổ là người con thứ hai trong năm người con của bà. Sau này, Tống Thái Tổ lên làm Hoàng Đế, tôn Đỗ thị làm Hoàng Thái Hậu. Thái Tổ bái kiến mẫu hậu ở trong cung, các quan đi theo chúc mừng, nhưng vị Đỗ Thái hậu này liền biến sắc mặt, trong lòng không cảm thấy vui mừng. Người xung quanh bèn hỏi bà rằng: *“Chúng tôi nghe nói người làm mẹ do con mình vinh hiển mà vinh hiển. Nay con bà làm Hoàng Đế, thật sự là vô cùng phú quý. Tại sao trong lòng của bà vẫn cảm thấy không vui?”*. Đỗ Thái hậu nói: *“Ta nghe người xưa có nói làm Hoàng Đế là một việc không dễ dàng, bởi vì vị trí của Hoàng Đế ở trên muôn dân. Nếu như Hoàng Đế trị vì đất nước không tề thì cái vị trí này đương nhiên là rất tôn quý. Nếu như không làm tốt, mất phương pháp điều khiển thì có muốn làm dân thường cũng không làm được. Đây là nguyên nhân mà ta ưu sầu”*. Tống Thái Tổ cung kính tiếp thu lời giáo huấn của mẹ.

Trong lịch sử sự hỗn loạn thời ngũ đại, lễ pháp đạo đức sạch trơn không còn gì. Tống Thái Tổ đăng cơ vào cuối thời ngũ đại, nếu không phải là mẹ của ông trị gia có lễ, biết cách dạy con thì ai có thể đảm bảo chính quyền của Tống Thái Tổ vững như núi Thái Sơn. Từ cảnh bái kiến Thái Hậu ở trong cung mà xem, khi đăng ra phải nhận sự chúc mừng thì bà vẫn cứ dạy bảo con trai phù hợp với hoàn cảnh, chẳng trách Tống Thái Tổ hiếu để đều có đủ.

Vishã

NGƯỜI BẢO MẪU NHÂN NGHĨA HỌ TANG

Thời nhà Chu, có một người hầu nữ rất có nghĩa khí. Bà là bảo mẫu của Công tử Xúng nước Lỗ. Lúc đó, có người tên là Bá Ngự tạo phản, giết chết Ý Công Vua nước Lỗ để cướp ngôi Vua, rồi sai người tìm Công tử Xúng khắp nơi để giết Công tử Xúng. Bà bảo con trai của mình mặc quần áo của Công tử Xúng, ngủ ở phòng của Công tử Xúng. Thế là Bá Ngự giết nhầm con của người bảo mẫu họ Tang. Người bảo mẫu họ Tang bế Công tử Xúng chạy trốn. Quan đại phu nước Lỗ biết Công tử Xúng ở chỗ của người bảo mẫu họ Tang bèn xin với Thiên tử nhà Chu giết chết Bá Ngự, rồi lập Công tử Xúng lên làm Vua, tức là Lỗ Hiếu Công sau này. Người nước Lỗ rất kính trọng nghĩa khí của người bảo mẫu họ Tang nên gọi bà là “*Nghĩa Bảo*”.

Theo sử sách ghi chép, khi người bảo mẫu họ Tang bế Xúng chạy trốn, trên đường gặp quốc cữu, quốc cữu hỏi bà: “*Xúng chết chưa?*”. Bà đáp: “*Chưa chết*”. Quốc cữu hỏi: “*Sao lại chưa chết?*”. Bà đáp: “*Dùng con của tôi thay thế*”. Thế là quan đại phu nước Lỗ biết Công tử Xúng ở chỗ của bà.

Lã Khôn nói: Người bảo mẫu họ Tang thật là người phụ nữ có đức hạnh. Nước Lỗ không bị diệt quốc, không bị tuyệt hậu đều là công lao của người bảo mẫu họ Tang! Các quan đại phu nước Lỗ đều đáng hổ thẹn!

BÀ QUẢ PHỤ QUYÊN GÓP TÀI SẢN

Thời nhà Tần ở Ba Quận (*nay là thành phố Trùng Khánh*) có một người phụ nữ ở góa tên là Thanh. Tổ tiên để lại cho một khu mỏ sản xuất Chu Sa, khai thác đã mấy đời, tích lũy được rất nhiều gia tài. Thanh tuy ở góa nhưng vẫn có thể giữ vững tổ nghiệp, dùng tiền để bảo vệ mình, không ai dám bắt nạt bà. Sau này, Tần Thủy Hoàng xây dựng Vạn Lý Trường Thành. Đất Ba Thục đi làm công có mười ngàn người. Thanh dâng tâu lên Tần Thủy Hoàng nói rằng không dùng tiền của triều đình, tình nguyện đem hết toàn bộ tài sản để xây mấy trăm dặm biên thành. Như vậy, nhân dân không phải dòi khỏi quê hương mà cũng được tiền công. Cho nên, mọi người ai ai cũng tranh nhau dốc sức. Không đến mấy tháng, biên thành đã xây dựng rất kiên cố. Tần Thủy Hoàng để khen ngợi bà đã cho xây một tòa “*Hoài Thanh Đài*” để biểu dương nghĩa khí của bà.

Thời nhà Hán, có người tên là Bốc Thức quyên tiền giúp đỡ chiến sự nơi biên cương, nhưng hoàn toàn là vì mua danh cầu lợi, thứ mà người quân tử không đếm xỉa đến. Tuy nhiên, bà Thanh quyên tiền xây thành lợi ích rất lớn mà không tiêu tiền của triều đình. Nhân dân tại địa phương cũng không phải ra ngoài lao dịch, hơn nữa rất nhanh đã hoàn thành công trình. Do vậy, bà rất được nhà nước và nhân dân khen ngợi.

MẸ TRIỆU BAO ĐỘNG VIÊN CON

Thời Đông Hán, Triệu Bao làm Thái thú ở Liêu Tây (*Nay là phía Tây tỉnh Liêu Ninh và phía Đông tỉnh Hà Bắc*). Sau khi đến nhận chức xong bèn đi đón mẹ đến để phụng dưỡng. Trên đường đi qua Liễu Thành (*nay là Triều Dương tỉnh Liêu Ninh*) vừa vặn gặp người của tộc Tiên Ti vào xâm lấn cướp bóc, bắt mẹ của Triệu Bao làm con tin. Triệu Bao hướng về mẹ khóc lớn mà rằng: “*Phận làm con, vốn muốn dùng chút bổng lộc ít ỏi của mình phụng dưỡng mẹ, nào ngờ lại gây tai họa cho mẹ*”. Mẹ của Triệu Bao đứng đằng xa nói với ông rằng: “*Mỗi người đều có số mệnh riêng của mình, đâu có thể vì vẹn toàn tình riêng mà hại đến trung nghĩa được? Chẳng nhẽ con chưa nghe chuyện mẹ của Vương Lăng đối với quan nhà Hán đã dùng kiếm tự sát để củng cố chí khí cho con trai mình sao?*”. Triệu Bao lập tức tiến quân giao chiến với người Tiên Ti. Người Tiên Ti đại bại, mẹ của Triệu Bao cũng bị người Tiên Ti giết chết. Triệu Bao đau khổ khóc mẹ, cũng thổ huyết mà chết.

Theo ghi chép, sau khi mẹ của Triệu Bao bị người Tiên Ti bắt đi. Người Tiên Ti dẫn mẹ của Triệu Bao đến công đánh Liêu Tây. Triệu Bao dẫn theo hai vạn kỵ sĩ giao chiến với người Tiên Ti. Người Tiên Ti dùng mẹ của Triệu Bao làm con tin để uy hiếp Triệu Bao. Triệu Bao khóc lóc không thôi. Mẹ của Triệu Bao ở đằng xa động viên con phải trung nghĩa, không được vì tình riêng. Cuối cùng bà bị giết. Bà thật là hiền đức. Mẹ của Triệu Bao xả thân vì nghĩa, có thể sánh với mẹ của Vương Lăng!

CHƯƠNG LUYỆN BẢO TOÀN CẢ THÀNH

Nam Đường có một vị Đại tướng tên là Vương Kiến Phong. Ban đầu, Vương Kiến Phong là quan dưới trướng của Nguyên soái Chương Tử Quân nước Mẫn. Có một lần, do kéo dài thời gian làm lỡ việc, chiếu theo quân pháp phải bị chém đầu. Vợ của Chương Tử Quân là Luyện phu nhân rất quý trọng tài hoa của Vương Kiến Phong nên đã cho Vương Kiến Phong lộ phí để Vương Kiến Phong trốn đi. Sau này, Nam Đường đến đánh đất Kiến Châu, chuẩn bị giết hết nhân dân trong thành. Vừa khéo lúc đó, Vương Kiến Phong là tướng thống lĩnh quân đội. Vương Kiến Phong cởi bỏ chiến bào, đích thân đi gặp Luyện phu nhân, muốn tìm cách bảo toàn gia quyến và họ hàng của Luyện phu nhân để báo đáp ơn cứu mạng.

Luyện phu nhân nói: *“Nhân dân thành Kiến Châu không có tội, xin Tướng quân hãy tha cho họ. Nếu như Tướng quân không chịu tha cho nhân dân toàn thành Kiến Châu, vậy thì ta tình nguyện chết trước nhân dân. Bất luận thế nào đi nữa, quyết không sống một mình”*. Vương Kiến Phong rất bội phục nghĩa khí của Luyện phu nhân nên quyết định không giết hại dân trong thành. Thế là nhân dân trong thành may mắn thoát khỏi cái chết.

Luyện phu nhân quý trọng tài hoa của thuộc hạ nên đã cứu mạng Vương Kiến Phong. Khi Vương Kiến Phong báo ơn thì bà khẳng khái tuyên bố, thề sẽ không bỏ mặc nhân dân mà sống một mình. Đại nghĩa hào hùng của bà làm cho người thuộc hạ cảm phục mà nghe theo. Cuối cùng nhân dân trong thành may mắn thoát chết. Đời sau của bà hưng vượng, hiển đạt cũng là lẽ đương nhiên.

NGHĨA CÔ LUI BINH

Thời nhà Chu, nước Tề đánh nước Lỗ. Khi đến ngoại thành thấy có một người phụ nữ, một tay dắt một đứa bé, một tay bế một đứa bé, cứ như vậy mà chạy. Quân lính nước Tề đuổi theo, người phụ nữ đó bèn vứt bỏ đứa bé bế trên tay xuống rồi dắt đứa bé đang dắt ở tay mà chạy. Binh sĩ đuổi kịp người phụ nữ đó và hỏi nàng rằng: *“Sao nàng lại vứt bỏ đứa bé bế trên tay mà dắt đứa bé kia mà chạy. Đây là nguyên có gì?”*. Người phụ nữ nói: *“Đứa bé mà tôi dắt là con trai của anh tôi. Đứa bé bị vứt bỏ là con trai của tôi. Tôi thấy tình thế như vậy không thể vẹn toàn cả đôi bên, cho nên đành vứt bỏ con trai mình”*. Tướng quân nước Tề nghe xong bèn hỏi: *“Con trai của anh với con trai của mình, ai thân hơn?”*. Người phụ nữ nói: *“Đối với con trai mình là sự yêu thương cá nhân, đối với con trai của anh là nghĩa chung. Vứt bỏ con trai mình, tuy trong lòng rất đau, nhưng từ nghĩa công mà nói vẫn phải làm như vậy mới đúng”*.

Tướng quân nước Tề bèn ra lệnh cho quân sĩ quay về không đi đánh nước Lỗ nữa, còn nói: *“Một người phụ nữ nước Lỗ còn biết làm việc nghĩa. Một đất nước nhân nghĩa như vậy, sao có thể công đánh họ được?”*, thế rồi đem quân quay về. Người phụ nữ vứt con trai mình cũng được bảo toàn. Lỗ Công biết được việc này bèn ban cho người phụ nữ đó rất nhiều lễ vật, còn ban cho nàng một danh hiệu là Nghĩa Cô Tử.

Lý Văn Canh bàn rằng: Nghĩa Cô có thể trong tình huống lưu lạc khôn khó, trong tình thế không thể vẹn toàn cả đôi bên, nén đau thương vứt bỏ con trai mình để bảo toàn cho con trai của anh, có thể nói là dốc lòng vì tình sâu nghĩa nặng, tận nghĩa đến cùng cực. Thực là nam nhi đại trượng phu hiểu rõ đạo nghĩa cũng rất khó mà làm được, nhưng một người phụ nữ lại làm được. Thực sự là để cho người muôn đời phải khâm phục, hướng hồ là Tướng quân nước Tề và những người trông thấy việc này. Ban cho nàng danh hiệu là Nghĩa, thực sự là xứng đáng.

NGHĨA QUÂN CỦA CÔNG CHÚA BÌNH DƯƠNG

Thời nhà Đường, công chúa Bình Dương là con gái của Cao Tổ Hoàng Đế, được gả làm vợ Sài Thiệu. Sau này Cao Tổ khởi nghĩa, lúc này Công Chúa Bình Dương sống trong thành Trường An. Sài Thiệu nói với Công chúa Bình Dương rằng: *“Cha của nàng sắp xuất quân quét sạch kinh thành. Ta muốn đến chỗ cha nàng, nhưng lại không thể đi cùng nàng. Phải làm sao đây?”*. Công Chúa Bình Dương nói: *“Chàng cứ đi đi, tự thiếp có thể nghĩ ra cách”*. Sau khi Sài Thiệu đi, Công Chúa Bình Dương liền phân tán gia sản, chiêu mộ mấy trăm binh lính để hưởng ứng với cha của mình, lại gọi tên cướp nổi tiếng thời bấy giờ là Hà Phan Nhân đến đầu hàng, hơn nữa lập ra quân pháp, thề nguyên đối với binh lính, cấm binh lính không được cướp bóc của nhân dân, nên cho dù ở xa hay gần đều đến quy thuận nàng. Uy danh của Công Chúa Bình Dương làm rung động đất Quan Trung.

Sau này, Cao Tổ dẫn quân vượt qua sông Hoàng Hà, Sài Thiệu từ Nam Sơn đi nghênh đón. Công Chúa Bình Dương dẫn một vạn tinh binh hợp nhất với cánh quân của anh trai mình là Tần Vương ở đất Vị Bắc. Hai vợ chồng Sài Thiệu và Công Chúa Bình Dương dựng hai doanh trại đối lập nhau, chia quân dẹp yên kinh thành. Người thời đó gọi quân đội của Công Chúa Bình Dương là Nương Tử Quân.

Thân là người phụ nữ mà có thể chiêu mộ số lượng lớn nghĩa quân, thống lĩnh quân đội bấy vạn binh lính, chia quân dẹp yên kinh thành. Tên đẹp *“Nương Tử Quân”* mà Công Chúa Bình Dương dẫn đầu, đến nay vẫn được ưa chuộng. Sau khi Cao Tổ lên ngôi, Công Chúa Bình Dương do có công lao này mà được phong thưởng rất nhiều. Sau khi công chúa Bình Dương qua đời đã ra chiếu chỉ căn cứ theo phương pháp đặt thụy hiệu *“Minh Đức Hữu Công”* gọi là *“Chiêu”*, đặt thụy hiệu cho Công Chúa Bình Dương là *“Chiêu”*, và phá lệ dùng nghi thức quân đội để an táng. Đằng trước và đằng sau đội ngũ đưa tang đều có đội nhạc quân đội, hai bên đường đều cắm đầy cờ, dũng sĩ cầm kiếm xếp thành

hàng hộ tống. Công chúa Bình Dương khi sống và cả khi mất đi đều rất vinh quang, cũng có thể nói là chỉ cần có đạo nghĩa là được.

TRỊNH LƯ' LIỀU MÌNH

Thời nhà Đường, người vợ của Trịnh Nghĩa Tông là Lư thị, đôi với kinh sử đều có xem qua, hầu hạ cha mẹ chồng có tiếng là người hiếu thảo. Vào một buổi tối, có mấy chục tên cướp đến nhà nàng cướp bóc. Người trong nhà đều chạy trốn hết, chỉ có mẹ chồng tuổi đã già nên không thể chạy trốn. Nàng liễu mình trước lưỡi dao sắc, đứng bên cạnh mẹ chồng, bị bọn cướp đánh gần chết. Sau này khi bọn cướp bỏ đi, người trong nhà bèn hỏi nàng rằng: *“Tại sao lại không sợ?”*. Lư thị đáp: *“Con người sợ dĩ khác với muông thú ở chỗ có tấm lòng nhân nghĩa. Nếu như nhà hàng xóm gặp nguy còn phải qua giúp đỡ, huống hồ nay lại là mẹ chồng của mình, đâu có thể vứt bỏ được. Giả sử ngộ nhờ không may xảy ra nguy hiểm thì đâu có thể một mình sống trên đời được?”*. Mẹ chồng nàng rất cảm kích nàng, than thở mà nói: *“Thánh nhân ngày xưa có nói, trời lạnh mới biết lá của cây rụng, cây bách rơi xuống sau cùng. Ta nay trải qua nguy nan mới hiểu được lòng hiếu thảo của con dâu”*.

Quách Nhiếp Hi bàn rằng: Bảy thiên của Mạnh Tử đại đa số nói về nhân và nghĩa. Tức là sự phân biệt giữa người và cầm thú. Cũng nhiều lần đề cập đến việc học tập học vấn chân thực của Thánh hiền, trên thực tế là ở chỗ này. Lư thị là một người phụ nữ, chẳng qua chỉ mới xem qua sách sử mà có thể thấm nhuần ý chính của Kinh điển Thánh hiền, có thể nỗ lực thực hiện đạo lý mà mình biết, thực là điều đáng quý. Mẹ chồng của nàng cũng trích dẫn câu nói: *“Trời lạnh mới biết rụng bách”*, có thể thấy cũng là người hay đọc sách *“Luận Ngữ”*.

LỜI THỀ BAO THÔI

Thời nhà Tống, vợ của Bao Ưc là Thôi thị. Tuổi trẻ đã ở góa, con trai cũng còn bé, bà lập lời thề thủ nghĩa không tái giá nữa. Sau đó, con bà cũng qua đời. Mẹ của Thôi thị biết được việc này bèn từ Kinh Châu đến bắt bà đi bước nữa. Hơn nữa, còn nói với con gái rằng: *“Chồng mất thì ở với con trai, nay con trai cũng mất rồi thì con ở với ai?”*. Thôi thị đáp: *“Con ở vậy vốn không phải là vì con, mà là vì cha mẹ chồng. Nay cha chồng đã qua đời. Mẹ chồng còn sống nhưng tuổi đã cao, chẳng nhẽ con nhẫn tâm bỏ mẹ chồng mà đi hay sao?”*. Mẹ bà nghe xong rất tức giận nói rằng: *“Mẹ đã đến thì bất luận như thế nào cũng sẽ không ra về một mình”*. Thôi thị nói: *“Mẹ từ phương xa đến, theo tình lý mà nói cũng không thể để mẹ về một mình. Nhưng sau khi con cùng mẹ đến Kinh Châu, nếu như mẹ dùng thủ đoạn bất nghĩa để ép con thì con sẽ treo cổ tự tử. Xin mẹ hãy đem thi thể của con trả lại cho nhà họ Bao”,* thế rồi theo mẹ đi. Sau này, mẹ bà thấy ý trí của bà vô cùng kiên quyết nên cũng để mặc bà trở về nhà chồng.

Thôi thị vợ của Bao Ưc thật hiểu rõ nghĩa lớn. Chồng mất mà đi bước nữa thì đây là bất nghĩa. Con trai còn nhỏ mà bỏ mặc con trai để tái giá cũng là bất nghĩa. Con trai qua đời mà bỏ mẹ chồng để đi bước nữa cũng là bất nghĩa. Mẹ ruột từ phương xa đến mà để trở về một mình cũng là bất nghĩa. Bất đắc dĩ phải treo cổ tự tử là lời thề, không nguyện làm những việc không hợp với nhân nghĩa. Vì vậy, bà đưa mẹ ruột về nhà rồi lại quay lại nhà chồng. Thôi thị cũng có thể nói là ứng biến linh hoạt lại có thể giữ được nghĩa.

NGÔ TẠ PHẠT ROI CON

Thời nhà Tống, có người tiền sĩ họ Ngô tên là Hạ. Mẹ của ông là Tạ thị, dạy dỗ con trai rất có đạo nghĩa. Mỗi lần khi con trai nói chuyện với khách, Tạ thị thường đứng sau bình phong để nghe xem họ nói chuyện gì. Có một hôm, Ngô Hạ ngẫu nhiên nói với khách chuyện không tốt của người ta. Mẹ của ông nghe được liền rất tức giận. Đợi khi khách về bèn đánh Ngô Hạ một trăm roi. Có người họ hàng đến khuyên Tạ thị rằng: *“Bàn luận sở trường sở đoản của người ta, đây cũng là cái tật thông thường của người có học thức, đâu phải là lỗi lớn mà bà đánh Ngô Hạ ra nông nổi này?”*. Tạ thị thở dài mà rằng: *“Ta nghe nói người yêu thương con gái thì nhất định sẽ chọn người tri thức ăn nói cẩn thận để làm con rể. Tôi chỉ có một người con trai, phải để nó hiểu được đạo lý to lớn của nghĩa và mệnh. Nay nó nói chuyện không cẩn thận như thế là đã quên mất người mẹ này. Như vậy đâu phải là đạo lý đối nhân xử thế lâu dài?”*, thế là Tạ thị chảy nước mắt, không chịu ăn uống. Từ đó về sau, Ngô Hạ trong lòng sợ hãi, hết sức cảnh giác với bản thân mình, cuối cùng trở thành nhân vật rất có tiếng tăm.

Lữ Khôn bàn rằng: Những tai họa gây ra cái chết của con người, nhiều nhất là lời nói. Nếu như vì đạo nghĩa mà nói lời đáng nói thì cho dù gây ra tai họa chết người cũng không đáng sợ. Nhưng trong sinh hoạt ngày thường mà bàn luận ưu khuyết điểm của người ta, chỉ trích khuyết điểm của người khác, bôi nhọ người ta để phát tiết sự căm hận trong lòng mình thì sao có thể tránh được tai họa? Mẹ của Ngô Hạ dạy dỗ con cái, có thể nói là biết được trọng điểm. Giống như mẹ của Phạm Bàng vậy. Còn có ân hận gì!

NGƯỜI VỢ NHÂN NGHĨA HỌ CAO

Thời nhà Tống, có chàng trai họ Trương, vợ của chàng họ Cao, là người đất Dur Diêu Chúc Hồ. Khi còn chưa về nhà chồng, chàng trai họ Trương bị mù mắt, thế là nhờ người làm mai đến nhà họ Cao, nói với cha mẹ của nàng rằng: *“Tôi không may bị mù nên không muốn leo cao, vậy hãy bảo lệnh ái lấy chồng khác”*. Cha mẹ của nàng sắp đồng ý thì nàng khóc lóc mà rằng: *“Phàm là hai nhà đằng trai đằng gái sau khi đã đính hôn thì bất luận là họa hay phúc thì hai bên cũng không được đổi thay. Hiện nay sau khi con được hứa gả cho người ta thì người ta mới bị mù, đây là số mệnh của con phải lấy người chồng mù. Giả sử con bỏ chàng, vậy thì còn có ai dám làm vợ của chàng nữa? Nếu như chàng vì con không lấy chàng mà bị đói rét, vậy thì con còn mặt mũi nào sống trên đời này?”*. Cha mẹ của nàng cũng cảm động với lời nói của nàng nên đồng ý cho kết hôn với chàng trai họ Trương.

Sau khi nàng đến làm dâu nhà chàng trai họ Trương thì chăm chỉ làm việc để nuôi chồng, cả đời bình an vô sự. Người trong làng đều khen nàng là người hiền đức bền đặt cho nàng biệt hiệu gọi là người vợ nhân nghĩa.

Sau khi kết hôn có thể giữ đạo nghĩa là điều dễ dàng. Chưa kết hôn mà có thể giữ vững đạo nghĩa mới là khó. Bởi vì chưa thành vợ của người ta, hướng hồ lời nói không lấy nữa lại do chồng nàng nói ra. Vả lại, làm thân con gái ở nhà phải vâng theo lời cha mẹ. Cha mẹ sắp đồng ý mà nàng kiên quyết không do dự vẫn muốn lấy chàng trai họ Trương. Mấy câu nói làm xoay chuyển cha mẹ, cuối cùng cũng kết hôn với chàng trai họ Trương, siêng năng phụng dưỡng chồng, cả đời được bình yên vô sự. Thời nhà Minh có vợ của Lý Khang Hầu là Trương Thất, có thể nói là noi theo người này vậy.

TRẦN LÂM NGHĨA MẪU

Thời nhà Tống, vợ của Trần Hoa là Lâm thị có tri thức, giỏi văn chương. Giặc cướp đến đất Thịnh Thiệu, Diên Bình để cướp bóc. Lúc này, Trần Hoa cũng đã mãn tang bèn đến đất Diên Bình làm quan Thái thú, hơn nữa còn kiêm nhiệm chức quan chuyên bắt cướp. Lâm thị theo chồng đến nhậm chức, đồng thời còn nói: “*Nếu có chết thì cùng chết*”. Người dân địa phương thấy gia đình của quan Thái thú cùng đến nên rất cảm kích mà cùng nói rằng: “*Chúng ta thấy quan Thái thú mang theo cả gia đình thì chúng tôi sẽ cố thủ thành trì. Như vậy xem ra chúng ta còn sợ gì nữa?*”.

Đất Diên Bình có một số người chồng phải đi lo việc nước. Vợ ở nhà không có người nương tựa. Lâm thị bèn mời họ đến sống cùng mình trong nhà môn, bảo con cái của họ học cùng với con của mình. Do đó, người ở nơi này ai ai cũng tận sức công hiến sức lực.

Đến khi dẹp yên giặc cướp, người địa phương tưởng nhớ ơn đức của Lâm thị nên gọi bà là Nghĩa Mẫu. Sau này, việc này truyền đến triều đình, Hoàng Thượng hạ chiếu chỉ, phong cho bà làm Thanh Nguyên phu nhân.

Thời Tề Tuyên Vương, có một người nghĩa mẫu, đối xử rất tốt với con của người vợ trước. Lâm thị thì đối xử rất tốt với con cái của những người phải lo việc nước, người mà gia quyến không chỗ nương tựa. Hơn nữa, bà còn đón từng người đến ở trong phủ, hàng ngày sống với họ, đồng thời để cho con của mình học cùng với con cái của họ. Suy xét nghĩa khí của bà, có thể nói là coi người trong thiên hạ thành người nhà của mình, đâu chỉ là nghĩa mẫu của một quận mà thôi.

NGHĨA CHUYÊN KHẨN CẦU

Thời nhà Minh, có người cô nhân nghĩa họ Vạn tên là Nghĩa Chuyên. Cha và anh đều chết trận. Trong nhà chỉ còn người mẹ kế họ Tào và hai người chị dâu ở góa, một người họ Trần, một người họ Ngô. Người chị dâu họ Ngô mang thai đã được sáu tháng. Vạn Nghĩa Chuyên rất mong chị dâu sinh con trai để có người thờ cúng Tổ tiên nên ngày đêm vái lạy trời đất, cầu khẩn rằng: *“Nhà họ Vạn sắp tuyệt hậu rồi. Xin ông trời ban cho một người con trai có thể nối dõi cho người trung thân. Nếu như thực sự sinh được con trai thì con xin nguyện sẽ không lấy chồng. Mọi người cùng chung sức nuôi dưỡng đứa bé”*. Sau này, quả nhiên người chị dâu họ Ngô sinh được một người con trai, đặt tên là Vạn Toàn. Nghĩa Chuyên cùng với hai người chị dâu nuôi dưỡng đứa bé.

Có rất nhiều người có tiếng tăm đến cầu hôn nhưng Vạn Nghĩa Chuyên đều khước từ. Đích thân dạy cháu trai là Vạn Toàn học hành. Sau này, khi người cháu trưởng thành được phong chức quan của ông nội. Vạn Nghĩa Chuyên sống đến hơn bảy mươi tuổi mới mất.

Ông nội của Vạn Nghĩa Chuyên tên là Vạn Bân cùng với cha và hai anh trai của bà đều hy sinh cho đất nước. Mẹ và hai người chị dâu đều thủ tiết. Vạn Nghĩa Chuyên cũng vì hành động nhân nghĩa mà nổi tiếng. Cho nên người trong làng đều gọi họ là gia đình tứ trung, tam tiết, nhất nghĩa.

Nuôi dưỡng con mồ côi và thủ tiết đã là việc rất khó. Huống hồ vì nuôi dưỡng cháu mà thủ tiết? Hơn nữa lại chưa có cháu để nuôi dưỡng? Trong hoàn cảnh chỉ có một người mẹ già, hai người chị dâu ở góa, cả nhà ba đời trung thân, ngồi nhìn sắp bị tuyệt hậu, bởi chị dâu có mang đứa con mồ côi cha từ trong bụng sáu tháng, thế là sáng tối khóc lóc vái lạy trời đất cầu được một người cháu trai. Do đó khước từ người làm mai mối mà nuôi dưỡng cháu trai, dạy bảo và chăm sóc cho cháu, đủ để nổi tiếng ngang với người cô nhân nghĩa của nước Lỗ.



MẸ TẮC TRÁCH MẮNG CON NHẬN HỐI LỘ

Thời nhà Chu, lúc Tuyên Vương làm Vua nước Tề, Điền Tắc làm Tể tướng. Điền Tắc lén lút nhận hai ngàn lượng vàng mà viên quan cấp dưới hối lộ rồi đem số vàng này về đưa cho mẹ. Mẹ Điền Tắc hỏi số vàng này từ đâu mà có. Điền Tắc đáp rằng: *“Đích xác là viên quan cấp dưới đưa cho”*. Mẹ của Điền Tắc liền trách mắng Điền Tắc rằng: *“Đất nước lập ra quan tước để đối đãi con, dùng rất nhiều bổng lộc để nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, con lại không thể liêm khiết, công chính để vâng theo lệnh của Vua. Đây không phải là con trai của ta”*.

Điền Tắc nghe xong vô cùng hổ thẹn bèn đi ra rồi đem vàng trả lại cho viên quan cấp dưới, tự mình đến thỉnh cầu Tề Tuyên Vương trị tội của mình. Tề Tuyên Vương vô cùng khen ngợi hành vi của mẹ Điền Tắc, rồi vẫn cho Điền Tắc làm Tể tướng như cũ.

Bậc quân tử có lời rằng mẹ của Điền Tắc bầm sinh liêm khiết, chính trực, lại có thể giáo dục cảm hóa con trai.

Lữ Khôn bàn rằng: Phụ nữ đã số là tham lam hèn mọn, thấy có tiền bạc là vui mừng, mà không hỏi từ đâu có được. Mẹ của Điền Tắc trau dồi phẩm chất, gìn giữ đức hạnh liêm khiết, không nhận tiền của bất nghĩa. Dạy dỗ cảm hóa con trai cũng trở nên liêm khiết. Cho nên, người phụ nữ trong nhà nếu như liêm khiết, cho dù chồng hoặc con cái tham lam thì tiền của bất nghĩa cũng không thể vào được trong nhà.

ĐẶNG HẬU KIỀM CHẾ BẢN THÂN

Hoàng Hậu của Hòa Đế thời nhà Hán họ Đặng tên Tuy, là cháu gái của Thái phó Đặng Vũ. Bà luôn muốn kiềm chế lòng ham muốn cá nhân của mình, tuân theo lời giáo huấn của Thánh hiền, do vậy đức hạnh đứng đầu trong cung. Lúc đầu, khi sắc lập bà làm Hoàng Hậu, bà nhiều lần từ chối. Lúc đó, các nước chư hầu bốn phương đều sưu tầm các đồ vật quý báu đẹp để cống nạp. Từ sau khi Đặng Tuy làm Hoàng Hậu đã hạ lệnh cấm hoàn toàn. Cho dù là ngày lễ tết hay cuối năm cũng chỉ cho phép cống nạp một số giấy mực mà thôi. Đến khi Đặng Tuy làm Hoàng Thái Hậu, lúc đó thiên tai nhiều, không lũ lụt thì lại hạn hán trong suốt mười năm. Mỗi lần, Đặng Tuy nghe thấy nhân dân chịu đói khổ thì cả đêm không ngủ được. Tự mình giảm bớt chi tiêu cá nhân để cứu tế nhân dân bị nạn. Sau này, thiên hạ trở lại thái bình, thu hoạch hàng năm cũng rất dồi dào.

Vua một nước hoang dân ngạo nghễ, xa xỉ buông thả, vậy thì gánh nặng của nhân dân càng ngày càng nặng thêm, trong bốn bể đều nghèo đói khôn khó, đất nước sẽ sinh bạo loạn, kẻ địch thừa cơ nổi lên, cướp bóc tài sản, vô cớ giết chóc dân lành, máu chảy thành sông, xương chất thành núi, chiến tranh liên miên, tai họa dồn dập, thế là đất nước bị diệt vong. Vậy thì Vua có thể có được lợi gì? Nếu như người địa vị ở trên cao có thể chủ trương tiết kiệm, vậy thì thiên hạ không khó để trị vì.

THUỐC VIÊN CỦA LIỄU HÀN

Thời nhà Đường, Hàn thị, vợ của tiết độ sứ Liễu Công Xước là cháu gái của Tể tướng Hàn Hưu. Bà trị gia chặt chẽ, nghiêm cẩn, tiết kiệm, giản dị, có thể coi là kiểu mẫu của gia đình quan chức. Khi bà được gả đến nhà họ Liễu ba năm, chưa từng do cười lớn tiếng mà để lộ răng. Hơn nữa, những quần áo lụa là, gấm vóc hết thảy đều không mặc đến. Mỗi lần khi về nhà thăm cha mẹ đều ngồi kiệu tre, hai con bà mặc áo xanh đi theo đằng sau. Bà từng dùng Khổ Sâm, Hoàng Liên, mật gấu bào chế thành thuốc viên chia cho các con bà, buổi tối khi học thì ngậm trong miệng để khích lệ các con siêng năng học hành. Sau này, con trai bà là Liễu Trọng Sính làm quan đến chức thượng thư, cháu trai Liễu Tần làm đến chức ngự sử đại phu.

Lữ Khôn có lời bàn rằng: Hàn thị thân là cháu gái của Tể tướng, vợ của tiết độ sứ, mặc quần áo gấm vóc, đi xe lộng lẫy vốn không coi là xa hoa, nhưng bà lại tiết kiệm giản dị, nói năng thận trọng, gia giáo của bà không cần nói cũng biết. Phụ nữ ngày nay ăn mặc lụa là, gấm vóc, trong tủ cất đầy đồ trang sức, khoe tài độ sắc, ganh đua lẫn nhau. Đức hạnh không bằng người nhưng lại chú trọng quần áo trang sức, không thể làm tốt việc nhà, nhưng ngày ngày lại soi gương đánh phấn. So với Hàn thị thật đáng xấu hổ mà chết!

ĐÌNH HƯƠNG CHÔN BẠC

Thời nhà Minh, a hoàn của Vương Toán tên gọi Đình Hương, là người huyện Châu Chí, tỉnh Thiểm Tây. Khi đó, xã hội hỗn loạn, giặc cướp nổi lên khắp nơi, không thể sống bình yên ở nhà. Vì thế, Đình Hương bèn theo Vương Toán ra ngoài tránh nạn. Đi được nửa đường thì bọn cướp sắp đến, Vương Toán bèn đưa bạc cho Đình Hương rồi bảo Đình Hương một mình trốn đi. Sau đó, Vương Toán bị bọn cướp bắt đi thiêu sống. Đình Hương nén đau thương công xác của chủ nhân về nhà, lại đem số bạc mà lúc trước Vương Toán đưa cho Đình Hương để trong quan tài của Vương Toán rồi đem Vương Toán đi chôn cất, một cắc tiền cũng không lấy.

Đình Hương theo chủ đi tránh nạn, người chủ biết được mình không trốn được bèn đưa bạc cho Đình Hương để Đình Hương mau trốn đi. Đình Hương đem xác của chủ về chôn cất, đã là tận nhân tận nghĩa, đem số bạc để lại cho mình dùng thì người khác cũng sẽ không nói gì. Nhưng Đình Hương lại đem toàn bộ số bạc đó để trong quan tài, một cắc cũng không lấy. Từ việc này có thể thấy Đình Hương thực sự liêm khiết, hơn nữa là người rất trung thành với chủ.

BÀNH TRẦN TỪ HÔN

Thời nhà Minh, vợ của Bành Hạc Trinh là Trần thị, là người đất Phiên Ngung. Rất sớm đã phải ở góa, bà thủ tiết nuôi dưỡng con trai mồ côi cha, còn dùng đạo đức nhân nghĩa dạy bảo con trai. Cho nên, con trai của bà được bà cảm hóa, cũng rất sáng suốt tài giỏi, còn chú trọng hành vi đạo đức. Lúc đó, có một thương gia lớn muốn dùng mấy nghìn lạng bạc để cho con trai bà làm con rể. Trần thị từ tạ. Có người khuyên bà rằng: *“Bà để con trai làm con rể người thương gia giàu có thì có thể sống những ngày đầy đủ sung túc, so với hoàn cảnh nghèo khổ bây giờ không phải là tốt hơn nhiều hay sao?”*. Trần thị nói: *“Bất ngờ được của cải là việc chẳng lành. Hơn nữa, lấy vợ phải xét đến đức hạnh, đâu có thể xét đến của cải?”*. Cuối cùng, bà vẫn hết sức khước từ người thương gia giàu có.

Người nghèo lấy con gái nhà giàu, hoàn toàn không phải con trai của bà có đức hạnh. Cho dù con dâu hiểu biết lễ nghĩa nhưng cũng sẽ do kiêu ngạo, xa hoa mà mạo phạm đắc tội với cha mẹ, chị em dâu nhà chồng. Trần thị biết được rằng không làm mà hưởng thì khó mà lâu dài, cho nên đã khước từ. Sự nhìn xa trông rộng, đức hạnh thanh liêm của bà đủ để người đời sau noi theo.

TRINH CƠ TỪ HÔN

Thời Xuân Thu, Trinh Cơ nước Sở là vợ của Bạch Công Thắng, rất sớm đã phải ở góa, xe chỉ dệt vải, thê không lấy chồng khác. Lúc này, Ngô Vương biết được bà là người hiền đức bèn sai quan đại phu mang hai mươi nghìn lạng vàng, một đôi bạch ngọc làm sinh lễ hỏi bà làm phu nhân nước Ngô, lại dùng ba mươi chiếc xe chuyên dùng cho phụ nữ đến đón rước bà. Trinh Cơ từ tạ rằng: *“Chồng thiếp là Bạch Công bất hạnh mất sớm. Thiếp nguyện cả đời trông nom phần mộ của chồng. Nay được Chúa Thượng ban cho vàng và bạch ngọc làm sinh lễ, dùng xe chuyên dùng cho phụ nữ đến đón rước. Đây là những thứ mà thiếp không muốn nghe thấy, không muốn nhìn thấy. **Phải biết được rằng vứt bỏ đạo nghĩa mà làm theo sự ham muốn là hành vi ô uế. Thấy lợi nhiều mà quên người đã mất là hành vi tham lam. Nếu thiếp thấy sinh lễ quý trọng như vậy của Chúa Thượng mà đồng ý lời thỉnh cầu của Chúa Thượng thì thiếp là người tham lam, ô uế rồi. Đã là người tham lam, ô uế thì thiếp cần làm gì nữa?”*** và khước từ sinh lễ của Ngô Vương mà không chịu đi. Ngô Vương cũng khâm phục đức hạnh của bà bèn dùng hai chữ *“Trinh Cơ”* để gọi bà.

Quan đại thần trung thành sẽ không dùng quyền lực để bức hại người khác, phụ nữ trinh tiết sẽ không dùng sắc đẹp mê hoặc người khác. Chẳng nhẽ như vậy chỉ để phụng sự người sống? Phụng sự người đã mất cũng phải như thế. Người trên đời không thể theo bám gót người đã khuất mà lại bỏ đi lấy chồng khác. Đây không phải là rất quá đáng hay sao? Trinh Cơ khước từ sinh lễ của Ngô Vương không làm phu nhân nước Ngô, thực sự có thể nói là giống câu nói của người xưa rằng: *“Không để phú quý cám dỗ làm rối loạn tâm chí”*. Cho nên ngay cả học giả nổi tiếng là Lưu Hưởng cũng khen ngợi bà là người liêm khiết.

MẸ ÂU DƯƠNG TU DÙNG CÀNH SẬY DẠY CON

Thời nhà Tống, mẹ của nhà văn học Âu Dương Tu là Trịnh thị. Năm Âu Dương Tu lên bốn tuổi thì góa chồng. Bà một mình vất vả làm việc mới miễn cưỡng cầm cự được chi phí cơm áo. Bà tự mình dạy con học, nhà không có giấy bút, thường viết chữ trên đồng tro bếp. Vào những đêm có tuyết thì dùng cành sậy dạy con viết chữ trên đồng tro bếp. Trịnh thị thường nói với con rằng: *“Cha của con khi làm quan rất liêm khiết, lại thích cứu tế người nghèo khổ, được bổng lộc không ít nhưng chưa bao giờ trong nhà có thừa của cải. Cha con nói: “Đừng vì của cải này làm mình mệt mỏi”. Do vậy sau khi cha con mất đi, không có của cải để lại, cũng không có ruộng đất mà để lại cho con. Trong lòng mẹ cảm thấy vẫn còn chút hy vọng, tin chắc là hành động nhân nghĩa, hiếu thảo của cha con nhất định sẽ có con cháu rất tốt!”*. Âu Dương Tu nghe xong lời mẹ nói thì cảm động mà khóc nên càng quyết tâm học hành.

Lúc Âu Dương Tu còn nghèo khổ, mẹ của ông chăm lo việc nhà rất tiết kiệm. Khi Âu Dương Tu đậu Tiến sĩ, dần dần phát đạt thịnh vượng, nhưng bà vẫn tiết kiệm như cũ, không cho phép chi tiêu vượt quá ngày xưa.

“Tiết kiệm thì có thể bình tâm xử lý vấn đề khi gặp hoạn nạn”, chẳng nhẽ tôn chỉ của câu nói này không ở đây ư? Sau này Âu Dương Tu do chính trực can gián mà bị giáng chức. Thần thái của mẹ ông vẫn bình tĩnh như xưa, chuyện trò vui vẻ. Bà nói với người nhà rằng: *“Gia đình chúng ta vốn là gia đình nghèo khổ. Nay Âu Dương Tu tuy bị giáng chức nhưng ta vẫn giống như xưa, tâm tình không bị ảnh hưởng. Các vị cũng nên như vậy mới đúng”*. Sau này Âu Dương Tu làm quan đến chức Tể tướng, bên trong và bên ngoài triều đình đều có danh tiếng rất lớn. Mẹ Âu Dương Tu dạy bảo con cái từ đầu đến cuối đều lấy sự cần kiệm để hỗ trợ liêm khiết, đáng làm gương cho người đời sau trong việc nuôi dạy con cái.

CAO HOÀNG HẬU GIẢM BÓT CHÍNH SÁCH

Thời Bắc Tống, Hoàng Hậu của vua Anh Tông là Cao thị sinh hoạt vô cùng tiết kiệm. Hoàng Đế muốn thăng chức cho em trai của Hoàng Hậu là Cao Sĩ Lâm, Cao hậu nói: *“Đừng vì thần thiếp mà làm trái với quy định của Tổ tiên”*. Khi Thần Tông lên làm Hoàng Đế đã tôn bà lên làm Hoàng Thái Hậu. Khi Triết Tông lên làm Hoàng Đế cũng tôn bà làm Thái Hoàng Thái Hậu. Khi đó, Triết Tông còn nhỏ tuổi, bà ở Diên Hòa điện phò tá Triết Tông xử lý chính sự của đất nước. Chính sách mà Cao Hoàng Hậu thi hành đều rất có ích, ví dụ như:

- Cho nhân dân bị chiêu mộ đến xây dựng kinh thành được trở về nhà, hơn nữa, giảm bớt số lượng cảnh vệ bảo vệ trong thành;
- Cho dừng hết những công việc xa hoa không ích lợi trong cung;
- Thả hơn ba mươi người trong cung về nhà;
- Lại khuyên can các quan lại trong và ngoài triều không được dùng thủ đoạn hà khắc, bạo ngược, tham lam để đối xử với nhân dân;
- Lại phế bỏ hoặc nói rộng thời gian với những chỗ không hợp lý trong chính sách mới của Vương An Thạch, ví dụ như việc sản xuất của nhân dân tính theo hộ, nuôi dưỡng chiến mã cho Hoàng gia.

Chính sách hoàn thiện như vậy đều là mệnh lệnh một mình Cao Hoàng Hậu định ra trong cung. Các quan đại thần đều không biết trước. Cho nên, nhân dân gọi bà là *“Nghieu Thuần trong giới phụ nữ”*.

Chín năm Cao Hoàng Hậu phò tá Vua Triết Tông xử lý việc triều chính, toàn lực sửa đổi những chỗ không hợp lý trong hiến pháp của Vương An Thạch như:

- Dùng phương pháp bình ổn giá gạo thay cho phép thanh miê¹;
- Dùng Gia Hựu sai dịch thay cho phép miễn dịch;
- Phế bỏ phép giao dịch thị trường;
- Nói lỏng lệnh cấm buôn bán lá trà và muối ăn;
- Hạ lệnh giảm bớt một phần tư bổng lộc họ ngoại của Vua.

Khi các quan lại xin Cao Hoàng Hậu ban sắc lệnh ở điện Văn Đức, Cao Hoàng Hậu khước từ rằng điện Văn Đức là nơi Vua xử lý việc nước, đâu phải là nơi đàn bà phụ nữ có thể ra vào. Mỹ đức chính trực của bà nhiều không đếm xuể.

¹ **Phép thanh miê:** Nghĩa là khi lúa còn xanh thì nhà nước cho dân vay tiền, đến khi lúa chín thì dân lại phải trả tiền lãi tính theo lệ nhà nước đã định mà trả tiền lãi

DƯƠNG LA PHÂN PHÁT BÔNG LỘC

Thời Nam Tống, vợ của nhà thơ Dương Vạn Lý là La thị tính cách thanh liêm, chính trực, cần kiệm. Dương Vạn Lý làm quan ở kinh thành, con trai làm nguyên soái, nhưng nhà của La thị vẫn ở nhà đất sơ sài giống như nhà của nông dân. Bà sống ở đó mà tự lấy làm vui sướng. Lúc thời tiết rất lạnh, hàng ngày trời vừa sáng, bà thức dậy vào bếp tự mình nấu cháo rồi gọi con cái và người hầu đến ăn, sau đó bảo họ đi làm. Khi hơn 80 tuổi vẫn trồng cây gai ở trong vườn của nhà môn rồi tự mình xe chỉ mà chẳng chịu làm biếng.

Sau này, con trai của bà đến Quảng Đông làm quan, đem bông lộc một tháng đưa cho bà dùng, bà nói là bị bệnh nên đem bông lộc đó phân phát hết cho người nghèo khổ và nói: *“Mẹ phúc mỏng, được những bông lộc này thì sẽ bị bệnh, cho nên mẹ đem bông lộc phân phát hết”*. Bình thường bà ở nhà thì quần áo trang sức không có cái nào lộng lẫy, đẹp đẽ. Bà sinh được bốn người con trai và ba người con gái và đều dùng sữa của mình mà nuôi lớn. Bà nói: *“Vì cho con mình bú mà để cho con người ta đói khát thì việc này ta không thể làm được”*.

La thị dùng ân huệ để đối xử với tôi tớ, xót thương người nghèo khổ, cần kiệm chăm lo việc nhà, dùng sự cần cù khuyến khích bản thân, tuổi đã 80 còn tự mình lao động xe chỉ dệt vải. Con trai được điều động đến Quảng Đông làm quan. Bà giả vờ nói có bệnh để đem bông lộc của con phân phát cho người nghèo. Điều này có lẽ bà học được từ trong sách, học theo tấm gương lời nói, hành động của Lỗ Kính Khương vậy.

Bậc quân tử khen ngợi đạo đức của cha con Dương Bí Các, không chỉ là trời sinh họ như vậy, còn có sự trợ giúp hữu ích rất lớn về đức tính của người làm vợ, người làm mẹ.

PHAN QUÁCH LÀM THƠ KHUYÊN NHỦ

Thời nhà Minh, vợ của Phan Duy Thành là Quách thị, từ nhỏ đã đọc thuộc kinh sử bách gia. Bà từng đem châm ngôn của những người nổi tiếng xưa nay viết ra rồi dán ở góc tường gần chỗ ngồi để lấy đó nhắc nhở bản thân. Sau khi lấy Phan Duy Thành, hàng đêm bà cùng với chồng học tập. Con trai bà là Phan Chu, làm quan Phiên Ti trông coi kho bạc. Có một lần, Quách thị mang cho con mấy bài thơ, bên trong đều là những lời khuyên nhủ con phải liêm khiết. Trong đó có bài thơ “*Nguyên tử vi quan liêm dĩ đức, thù thắng ban y vũ Lão Lai*”, ý nói là mong con làm quan có đức hạnh liêm khiết, như vậy sẽ hơn Lão Lai mặc quần áo sắc sỡ múa trước mặt cha mẹ để cho cha mẹ vui vẻ. Lại có một bài “*nhân sinh danh lợi đẳng thu diệp, duy hứa đan tâm chiếu thiên địa*”, ý nói là con người sống trên đời phải coi nhẹ danh và lợi, giống như lá cây vào mùa thu rất dễ rơi rụng, chỉ để lại một tấm lòng son soi rọi trời đất.

Khi Quách thị còn nhỏ thì theo cha là Quách Lập Ngạn đến sống ở kinh thành. Lúc đó, tình hình thành bại của các vị quan trong triều như Nghiêm Tung, Trương Ty Mã, Vương TrungThừa, Lục Cẩm Y bà đều biết rất rõ, hơn nữa còn ghi chép tường tận, luôn luôn kể những vụ án điển hình này để khuyên răn các con.

Quách thị ở nhà thường chăm sóc cha chồng rất kỹ lưỡng, quan hệ với em gái chồng rất hòa thuận, đối với mọi người đều thân mật, hòa nhã. Bà được coi là người có đủ hiếu, đễ, liêm khiết. Có lẽ do bà vô cùng thích “*Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*” và có sự lĩnh ngộ sâu sắc, cho nên dán những câu châm ngôn xưa và nay ở góc tường gần chỗ ngồi để nhắc nhở bản thân. Còn ghi chép lại sự thành bại, được mất của các quan trong triều để khuyên răn con cái. Bốn câu thơ liêm khiết tặng cho con trai càng đáng ghi chép lại để khuyên răn người làm quan ngàn đời sau tuân thủ.

LÝ LÂM KHÔNG NHẬN ÁO QUAN

Thời nhà Minh, có vị quan Tể tướng Lý Đình Cơ cáo lão về quê. Lúc lâm chung trong nhà chỉ có bốn mươi bốn lạng bạc, khi Lý Đình Cơ chưa qua đời có nói với vợ ông là Lâm thị rằng: *“Bạc của tôi để lại, dùng hai mươi lạng mua quan tài, hai mươi lạng làm đám ma”*. Lúc này, Lý Đình Cơ có người học trò họ Thái, vừa khéo làm Thái thú Tuyên Châu, đem đến hai chiếc quan tài, một chiếc thượng phẩm, một chiếc thứ phẩm, chuẩn bị để Lâm thị lựa chọn. Lâm thị nói: *“Việc mua quan tài, làm đám ma Thái sư đều đã dặn dò rồi. Chẳng nhẽ con không hiểu được cả đời Thái sư là người thanh liêm sao?”*. Mang áo quan đến lại đem áo quan trả lại, cứ thế mang đến lại trả lại mấy lần, cuối cùng cũng không chịu nhận.

Thái Thái thú bèn nói: *“Ngày xưa học trò của Khổng Tử an táng trọng thể Nhan Uyên. Khổng Tử cũng không thể ngăn cản họ. Chẳng nhẽ con làm quan địa phương ở đây lại dám giản tiện việc mai táng thầy của mình sao?”*. Lâm thị từ chối không được, bắt buộc đã chọn chiếc áo quan thứ phẩm để an táng.

Quách Nhiếp Hi bàn rằng: Vợ chồng văn tiết công Lý Đình Cơ cả đời sống cuộc sống bần hàn, nhưng có thể trước sau như một gìn giữ tiết tháo. Thực sự là đôi vợ chồng tài đức sáng suốt. Thực ra, những người được lưu danh trong lịch sử, không phải do giàu có mà do đức hạnh của họ. Sự thị hiện của họ chính là chứng minh thiên tước cao quý hơn nhân tước. Bên trên có nói vị Thái thú họ Thái tôn sư trọng đạo như vậy, cũng không hổ là học trò của Văn Tiết công.

THÂN TƯỢNG NHƯỜNG CỦA HỘI MÔN

Thời nhà Minh, có người tên là Thân Tại Đình, vợ là Tượng thị người đất Kỳ Dương, Hồ Nam. Cha nàng tên là Tượng Ứng Xuân, làm quan ở huyện Đãng Sơn, nhà rất giàu có. Tượng thị từ bé không biết đến sự vất vả của thế gian, nhưng sau khi lấy Thân Tại Đình thì có thể cởi bỏ đồ trang sức, cởi bỏ áo quần lộng lẫy để cùng với mẹ chồng múc nước ở giếng, xuống bếp nấu cơm. Buổi tối, Tượng thị còn đốt đèn cùng với mẹ chồng làm việc, cho dù bụng đói, người lạnh cũng không nói gì. Sau đó em gái chồng gần đến ngày lấy chồng, tài lực của Thân Tại Đình không thể sắm đồ trang sức cho em. Tượng thị bèn nói: *“Thiếp đến nhà chồng chưa đến một năm. Toàn bộ đồ dùng mà hàng ngày cần dùng đều đầy đủ, có thể cho em gái làm của hồi môn”*. Thân Tại Đình nói: *“Điều này chúng ta không dám nghĩ tới”*. Tượng thị tức giận nói: *“Phu quân phải hiểu rằng em gái của chàng là em gái của thiếp! Đâu có thể tiếc mấy cái đồ dùng và quần áo mà thêm gánh nặng cho gia đình”*. Thân Tại Đình nghe xong cảm thán, bội phục sự hiền đức của vợ.

Gia đình gả con gái khi nghe được nhà đăng trai có em trai hoặc em gái thì đều rất sợ hãi. Thậm chí, chị dâu cũng rất chán ghét đối với hai loại người này, giống như cả ngày cũng không muốn nhìn thấy họ. Tại sao vậy? Bởi vì sợ thành cái gai trong mắt của em chồng mà phải báng, công kích lẫn nhau, làm hại lẫn nhau. Có thể đối xử thân thiện với em gái chồng đã có thể được coi là người phụ nữ hiền lành rồi. Huống hồ đem của hồi môn của mình cho hết em gái chồng làm của hồi môn, còn nói em gái chồng là em gái của mình. Đức hạnh liêm khiết của Tượng thị là người đứng đầu từ xưa tới nay.



NGUYỄN THỊ TRÁCH CHỒNG

Thời Tam Quốc ở nước Ngụy có người họ Hứa tên là Doãn, người vợ họ Nguyễn là người hiền lành có tài đức, nhưng tướng mạo rất xấu xí. Khi người vợ họ Nguyễn được gả về nhà họ Hứa, Hứa Doãn nhìn thấy thì giật nảy mình. Đến khi hoàn thành hôn lễ, Hứa Doãn cảm thấy tướng mạo của vợ mình vô cùng xấu xí thì có ý không chịu vào phòng. Người vợ họ Nguyễn sai người hầu gái đi nghe ngóng động tĩnh. Người hầu gái quay lại nói với người vợ họ Nguyễn rằng: *“Có người khách đang nói chuyện với cậu chủ”*. Người vợ họ Nguyễn nói: *“Người khách này nhất định là Hằng Phạn, đang khuyên cậu chủ vào phòng đây”*.

Một lúc sau, Hứa Doãn quả nhiên vào trong phòng, nhưng vừa vào phòng không lâu thì đứng dậy chuẩn bị đi ra. Người vợ họ Nguyễn bèn giữ Hứa Doãn lại. Hứa Doãn hỏi nàng: *“Người phụ nữ phải có tứ đức, nay nàng được mấy đức?”*. Người vợ họ Nguyễn đáp: *“Trong tứ đức, thiếp chỉ thiếu mỗi Dung mà thôi. Nhưng thiếp biết được người tri thức có trăm hạnh, vậy xin hỏi chàng có bao nhiêu?”*. Hứa Doãn nói: *“Ta đều có đủ”*. Người vợ họ Nguyễn nói: *“Trong trăm hạnh thì đức hạnh đứng đầu. Nay chàng háo sắc mà không thích đức, sao có thể nói đều đủ cả?”*. Hứa Doãn nghe người vợ họ Nguyễn nói xong cảm thấy vô cùng xấu hổ, thế là ở lại phòng. Không lâu sau, hai vợ chồng họ rất tương thân tương ái, kính trọng lẫn nhau.

Người phụ nữ quý ở cái đức mà không quý ở sắc đẹp. Đây là nguyên nhân mà Chung Vô Diệm có thể làm cho Tuyên Vương cảm phục, cũng là nguyên nhân để nước Tề được ổn định. Nhưng người háo sắc mà không thích đức hạnh thì ở đâu cũng vậy cả. Nghe xong lời nói của người vợ họ Nguyễn, có thể không sinh lòng xấu hổ sao? Giả sử không vì đó mà xấu hổ, vậy thì ngay cả Hứa Doãn cũng không bằng.

Những người phụ nữ chỉ chạy theo cái dung mạo đẹp đẽ mà đức hạnh của người phụ nữ không thể sánh với người vợ họ Nguyễn thì càng phải cảm thấy xấu hổ!

BAN CHIÊU KHUYÊN NHỮ PHỤ NỮ

Thời nhà Hán, phu nhân của Tào Thế Thúc cũng là con gái của huyện lệnh Từ Châu là Ban Bru. Bà sớm phải ở góa. Bà là người rất có tiết tháo và nề nếp. Anh trai của bà là Ban Cố biên soạn “*Hán Thư*”, còn chưa biên soạn xong thì qua đời. Hán Hòa Đế bèn ra chiếu chỉ bảo Ban Chiêu tiếp tục hoàn thành, sau này lại nhiều lần gọi bà vào cung. Lúc đó, Đặng Hoàng Hậu và rất nhiều quý phi dùng lễ đối đãi với thầy để đối đãi bà, gọi bà là Tào Đại Cô. Bà từng nói: *“Ta được gả đến nhà họ Tào bốn mươi mấy năm, lúc nào cũng cẩn thận dè chừng, thường sợ xảy ra sơ suất lỗi lầm mà chịu nỗi nhục bị vứt bỏ, sẽ làm mất mặt cha mẹ, để cho gia đình bị liên lụy, lại sợ mấy người con gái đi lấy chồng mà thiếu lễ phép khiến cho họ hàng phải xấu hổ. Vì thế mà soạn ra bảy chương trong sách “Nữ Giới”.*

Tào Đại Gia học rộng tài cao, đức hạnh cao đẹp mà còn phải nơm nớp lo sợ, thường sợ sẽ bị vứt bỏ mà làm cho cha mẹ phải xấu hổ, lại sợ các con gái không lễ phép mà bị sỉ nhục. Đây đúng là hành vi của người quân tử. Bảy chương trong sách “*Nữ Giới*” nay vẫn là quyển sách nổi tiếng bất hủ, thực là tấm gương tốt để cho phụ nữ noi theo.

THÔI LƯ GIÁO HUẤN NGƯỜI LÀM QUAN

Thời nhà Đường, có người tên là Thôi Huyền Vĩ. Mẹ của ông họ Lư, là người có phẩm hạnh tài đức. Có một lần, Lư thị răn dạy con trai rằng: *“Mỗi lần mẹ nghe được có người ra ngoài làm quan, người ta nói họ nghèo khổ đến mức không thể nuôi nổi bản thân thì đây là tin vui. Nếu như tích lũy tài sản rất nhiều, mặc áo mền nhẹ, cưỡi ngựa béo tốt thì đây là tin xấu. Nếu như dùng bổng lộc do làm quan có được để phụng dưỡng cha mẹ thì được. Giả sử không phải như vậy thì có khác gì với kẻ cướp đâu? Cho dù không có lỗi lầm quá lớn, chẳng nhẽ trong lòng không cảm thấy hổ thẹn sao? Con làm quan rồi, nếu như không có lòng trung thành, liêm khiết. Sao có thể làm người giữa trời đất? Phải nhớ kỹ lời của mẹ!”*. Cho nên sau đó, Thôi Huyền Vĩ nổi tiếng thanh bạch.

Người làm quan trên đời, thường lấy rất nhiều tiền tài phụng dưỡng cha mẹ. Tuy nhiên, cha mẹ không tìm xem tiền từ đâu đến. Đây là nguyên nhân đánh mất liêm sỉ. Lư thị dạy bảo con trai rõ ràng, sâu sắc. Thôi Huyền Vĩ cũng có thể tuân thủ nghiêm ngặt lời dạy của mẹ. Cho nên, từ lúc ra làm quan cho đến khi làm đến chức Đồng Bình Chương Sự, Thôi Huyền Vĩ đều được người ta khen ngợi là liêm khiết, cẩn thận. Ghi chép lại chuyện này để giáo huấn người làm quan.

NỘI HUẤN CỦA TỪ HOÀNG HẬU

Thời nhà Minh, Từ Hoàng Hậu, vợ Vua Thành Tổ là con gái cả của Trung Sơn Vương Từ Đạt, từ nhỏ tiết tháo rất trong sạch, lại thích đọc sách. Minh Thái Tổ Hoàng Đế biết được hành vi hiền thực của bà bèn đích thân hẹn ước kết thông gia với Từ Đạt. Sau này khi được sắc phong làm Hoàng Hậu, trong lòng bà thường suy nghĩ rằng bản thân mình đã làm Hoàng Hậu trong cung, nhưng rất xấu hổ không có đạo đức, hình như không xứng làm chính cung Hoàng Hậu thống lĩnh các Phi tần. Cho nên, bà thường vì không thể làm gương cho thuộc hạ, không có đạo đức tốt để phò tá Hoàng Đế, hổ thẹn vì danh hiệu mẫu hậu. Bà từng thu thập biên tập kinh điển “*Nữ Hiên*”, “*Nữ Giới*”, viết ra hai mươi bài “*Nội Huấn*”, lại phân loại biên soạn lời nói hay, cử chỉ đẹp của người xưa thành sách khuyến thiện phát hành trong thiên hạ.

Tiết tháo trong sạch, đức hạnh hiền thực, được lập làm chính cung Hoàng Hậu còn cho rằng mình không bằng người khác, cảm thấy vô cùng hổ thẹn. Tâm trạng cảnh giác, cẩn thận có thể thấy được đức hạnh giống như Từ Hoàng Hậu còn không dám tự mãn, hướng chỉ những người không có đức hạnh bằng Từ Hoàng Hậu càng phải lấy đó để khuyến khích mình. Hai mươi bài “*Nội Huấn*” mà bà soạn ra, đặc biệt là phụ nữ thì càng không thể không đọc.

VỢ NGƯỜI PHU XE ĐÒI LY HÔN

Thời Xuân Thu, người phu xe của Tể tướng nước Tề là Yên Anh đánh xe đưa Yên Anh ra ngoài. Vợ người phu xe từ khe cửa nhìn thấy thần thái của chồng mình dương dương tự đắc. Một lúc sau, người phu xe về nhà, vợ người phu xe đòi ly hôn. Người phu xe cảm thấy rất kỳ lạ bèn hỏi vợ: *“Tại sao nàng lại đòi ly hôn với ta?”*. Người vợ đáp: *“Yên Anh thân không cao đến sáu thước, nhưng lại làm Tể tướng nước Tề, danh tiếng truyền khắp thiên hạ. Nhưng thiếp nhìn thấy khi Yên Anh ra ngoài, thái độ của ông ta khiêm hòa như thế, thường thường giống như là mình không bằng người. Chàng thân cao tám thước, chỉ là người phu xe của người ta. Nhưng khi chàng ra ngoài lại có thần thái vênh váo tự đắc. Chàng chỉ có thể làm người hèn mọn thấp kém. Do vậy, thiếp muốn ly hôn với chàng”*.

Từ đó về sau, người phu xe rất khiêm cung. Yên Anh cảm thấy hành vi của người phu xe bỗng nhiên thay đổi, trong lòng cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi người phu xe nguyên do vì sao. Người phu xe thực thà kể hết đầu đuôi câu chuyện cho Yên Anh nghe. Yên Anh rất khen ngợi người phu xe có thể sửa chữa sai lầm để làm lại con người mới bèn tiến cử người phu xe làm quan nước Tề.

Lữ Khôn có lời bàn rằng: Vợ người phu xe chỉ là vợ của một người hầu mà thôi, nhưng lại giỏi việc đoán ý qua lời nói và sắc mặt, nhìn thấu Yên Anh. Điều này thì ngay cả một số sĩ đại phu cũng không theo kịp.

Có một số người tràn đầy khí chất của kẻ làm đầy tớ, thần thái bợ đỡ nịnh hót thường xuất hiện ở nơi kín đáo, nhưng ở những nơi sáng sủa đông người thì họ lại tỏ vẻ thỏa mãn, vênh váo, trịch thượng. Những người như vậy vốn không đáng để người ta làm nhục. Chỉ tiếc là vợ của họ không thể nhìn thấy hành vi này của chồng mình, mà cho dù có nhìn thấy, người chồng cũng chưa chắc sẽ cảm thấy hổ thẹn. Tại sao vậy? Đó là vì họ không nhìn thấy khuyết điểm của mình, do đó sẽ không cảm thấy hổ thẹn.

VỢ NHẠC DƯƠNG TỬ KHÉO LÉO KHUYÊN CAN

Thời nhà Hán, vợ của Nhạc Dương Tử rất có phẩm đức. Có một hôm, Nhạc Dương Tử nhặt được bạc người ta làm rơi trên đường bèn mang về cho vợ. Người vợ nói: *“Thiếp nghe nói người thời xưa, nếu là người có chí khí thì không chịu uống nước ở suối Đạo Tuyền, bởi vì cái tên đó không hay. Người liêm khiết sẽ không chịu ăn của bố thí, bởi vì đối xử với người đến ăn không lễ độ. Nay tại sao chàng lại nhặt đồ người khác đánh rơi để tự làm nhục mình như thế?”*. Nhạc Dương Tử nghe xong lời vợ nói thì cảm thấy rất hổ thẹn, bèn đem số bạc nhặt được vứt ra ruộng.

Có một hôm, gà của hàng xóm chạy vào vườn của Nhạc Dương Tử. Mẹ chồng bèn giết chết con gà và chuẩn bị ăn thì vợ của Nhạc Dương Tử nhìn con gà chảy nước mắt mà không chịu ăn. Mẹ chồng cảm thấy rất kỳ lạ bèn hỏi nàng nguyên có làm sao. Vợ Nhạc Dương Tử đáp: *“Con buồn phiền vì nhà mình nghèo khổ, không có đủ thức ăn để phụng dưỡng mẹ chồng, để cho mẹ chồng phải ăn đồ của người ta”*. Người mẹ chồng nghe xong lấy làm xấu hổ bèn đem con gà vứt đi.

Hứa Chỉ Tinh có lời bàn rằng: Vợ Nhạc Dương Tử can ngăn chồng và mẹ chồng, lời nói có tình có lý lại uyển chuyển bùi tai, nên đã làm cho họ giác ngộ, lại giữ được lòng tự tôn của họ, cuối cùng làm cho Nhạc Dương Tử công thành danh toại, cũng làm cho mẹ chồng hối lỗi sửa sai. **Cho nên, có bạn tốt không bằng có vợ tốt, có con trai tốt không bằng có con dâu tốt.** Đối với những người trị vì quốc gia mà nói, lời chỉ bảo của vợ và mẹ là không thể xem nhẹ. Đối với những người cưới vợ cũng vậy, đức hạnh của người phụ nữ cũng vô cùng quan trọng.

THÔI THỊ LÀM CHO BIẾT XẤU HỔ

Thời Nam Bắc triều, Thôi thị vợ của Phòng Ái Đông nước Ngụy là người Thanh Hà, tỉnh Hà Bắc. Bà có hai người con trai, con trai cả tên là Phòng Cảnh Bá, con trai thứ tên là Phòng Cảnh Quang. Thôi thị đích thân dạy hai con học chín bộ kinh sách là Kinh Dịch, Thư Kinh, Thi Kinh, Lễ Ký, Xuân Thu, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Chu Lễ. Sau này, con trai cả của bà là Phòng Cảnh Bá làm Thái thú ở quận Thanh Hà. Có một người phụ nữ ở huyện Bôi Khâu đến quan phủ kiện con trai có hành vi bất hiếu. Quan phủ đang chuẩn bị trị tội người con trai, Thôi thị biết được việc này bèn bảo Phòng Cảnh Bá gọi người phụ nữ đó đến nhà môn sống cùng với mình, lại bảo con trai của người phụ nữ đó đi theo Phòng Cảnh Bá.

Mỗi lần Phòng Cảnh Bá đi thăm hỏi Thôi thị, con trai của người phụ nữ đó đứng ở dưới sảnh đường xem. Quả nhiên không quá mười ngày, con trai của người phụ nữ đó đã hối cải và đòi về nhà. Thôi thị nói: *“Lúc này, nó chỉ xấu hổ ngoài mặt, trong lòng chưa thực sự xấu hổ. Hãy mặc kệ nó!”*. Sau đó trải qua hơn hai mươi ngày, con trai người phụ nữ đó khấu đầu đến chảy máu. Người mẹ cũng khóc lóc xin được về nhà, thế là mới cho hai mẹ con họ về nhà. Sau này con trai của người phụ nữ đó nổi tiếng hiếu thảo.

Hứa Chỉ Tịnh có lời bàn rằng: Thôi thị giúp con trai quản lý chính sự, không chủ trương dùng hình phạt mà chủ trương giáo dục bằng đạo đức. Thôi thị giáo dục con dân, không ở chỗ để cho họ thay đổi diện mạo bề ngoài mà ở chỗ để cho họ sửa chữa sai lầm làm lại cuộc đời từ trong lòng. Vào thời tam đại Nghiêu, Thuấn, Vũ đức hạnh tài năng nhất cũng chẳng qua như thế. Phòng Cảnh Bá có thể cai quan tốt chính sự chủ yếu vẫn là do được mẹ là Thôi thị dạy bảo. Như vậy mà nói, trách nhiệm của người mẹ dạy bảo con cái thực sự là quan trọng.

LÝ CA CẢM THẤY XẤU HỔ VỚI NGHỀ

Thời nhà Nguyên, ở Bá Châu (nay là huyện Bá, tỉnh Hà Bắc), có người con gái tên là Lý Ca, mẹ của nàng là kỹ nữ. Năm Lý Ca 12, 13 tuổi, mẹ của nàng dạy nàng học hát và nhảy múa. Lý Ca không chịu học mà khóc nói với mẹ rằng: “*Hễ là con gái, nói chung đều phải lập gia đình. Tại sao mình con lại phải sống những ngày tháng không cần biết đến liêm sỉ?*”. Người mẹ nói với nàng rằng: “*Đây là nghề nghiệp của chúng ta. Có cách nào khác đâu?*”. Thế là Lý Ca bèn giao hẹn với mẹ rằng sẽ không đánh phấn trang điểm, miệng không ăn món ăn mặn, những bài hát mà nàng hát đều là những tiên khúc và đạo tình khuyên người ta tu hành. Huyện lệnh của huyện Mạnh Tân đưa rất nhiều vàng bạc cho mẹ của Lý Ca. Buổi tối đến nhà của họ muốn Lý Ca ngủ với huyện lệnh một đêm, Lý Ca giấu một con dao trong người rồi mắng Huyện lệnh rằng: “*Ngươi là quan địa phương. Chức trách của ngươi là cai quản nhân dân, nhưng nay phẩm hạnh của ngươi không bằng chó lợn. Nếu ngươi không đi nhanh, ta sẽ giết chết ngươi và sau đó ta sẽ tự sát*”. Huyện lệnh sợ hãi vội vàng bỏ đi. Có vị quan tri châu biết được nàng hiền đức bèn lấy nàng làm thiếp. Sau này, Lý Ca với vợ cả của quan tri châu chống cự với bọn cướp mà bị bọn cướp giết chết.

Lý Ca muốn tránh khỏi nổi nhục so với người khác thì khó hơn nhiều. Mẹ của nàng là kỹ nữ ở thanh lâu, mười mấy năm đã nghe quen tai, nhìn quen mắt mà nàng có thể miễn nhiễm. Có thể thấy nàng thực sự có nghị lực kiên cường, bất khuất, khí phách không nhụt chí, nản lòng. Hoa sen sống trong bùn mà không hôi tanh mùi bùn, còn có thể thấy được sự thanh khiết của nó. Linh chi không chọn nơi sinh trưởng, nhưng cũng không ảnh hưởng đến sự hiệu nghiệm của nó. Đức tính tốt là do mình tự vun bồi mà có, đâu có liên quan gì đến người khác.

VƯƠNG THỊ XẤU HỔ VỚI SỰ XA HOA

Thời nhà Minh, Vương thị vợ của Đường Chính Chi là con gái nhà giàu có, của hồi môn rất nhiều. Sau khi Vương thị được gả đến nhà họ Đường, thấy nhà chồng chủ trương tiết kiệm, không thích xa hoa bèn tháo trâm vàng và hoa tai vàng của mình xuống, mặc quần áo cũ lộng bên ngoài quần áo lộng lẫy của mình. Đường Chính Chi, chồng của Vương thị là con của nhà thế gia. Ông nội làm quan cấp Thị trung, cha làm Thái thú, anh trai là nhà thơ nổi tiếng Đường Thuận Chi, công danh khoa cử trong nhà mấy đời nối tiếp nhau không đứt. Người hầu trong nhà cũng rất nhiều, nhưng Vương thị đối với những việc của người phụ nữ như nấu ăn, nữ công đều dẫn dắt người hầu để làm. Vương thị lại đem trâm vàng, hoa tai vàng đổi thành bạc rồi cho vay để lấy lãi một phần mười. Vương thị cần kiệm trị gia như vậy, giống như là người xuất thân từ gia đình nghèo khổ.

Quách Nhiếp Hi có lời bàn rằng: Nhà họ Đường là gia đình trí thức, liên tiếp làm quan cao chức trọng không đứt. Trong nhà đã giàu có rồi nhưng vẫn chủ trương tiết kiệm, không hổ danh là gia đình nhà nho có truyền thống nề nếp. Vợ của Đường Chính Chi cũng là con gái nhà giàu có, chỉ bởi vì thấy nhà chồng cần kiệm bèn cảm thấy xấu hổ khi mình mặc quần áo lộng lẫy. Cần kiệm chịu khó, giỏi việc trị gia làm ra tiền tài. Những người đời sau xa hoa phóng túng có thể so với Vương thị được sao?

HOÀNG THỊ BỎ TRÂM

Thời nhà Minh, Hoàng thị vợ của Trương Đĩnh Nhiên là người huyện Hiếu Cảm, tỉnh Hồ Bắc. Vào cuối thời Sùng Trinh, nguyên soái của đám giặc cỏ là Bạch Vượng công đánh huyện thành Đức An, tỉnh Giang Tây, rồi bổ nhiệm Trương Đĩnh Nhiên là quan Chương lữ của đám giặc cỏ. Hoàng thị khóc lóc khuyên chồng đừng đến chỗ đám giặc cỏ để làm quan, nhưng người chồng không nghe. Đám giặc cỏ bảo Trương Đĩnh Nhiên đưa Hoàng thị đến chỗ đám giặc cỏ để làm con tin. Sau khi Hoàng thị biết được việc này bèn dẫn con trai mới lên mười tuổi trốn vào trong trại Thanh Sơn. Trương Đĩnh Nhiên dùng mọi cách để gọi nàng nhưng nàng không chịu ra. Trương Đĩnh Nhiên nhờ người đem cho con trai một cây trâm vàng, con trai dùng chiếc trâm này để cài đầu. Hoàng thị thấy vậy bèn lấy chiếc trâm trên đầu con trai đem vứt đi rồi nói: *“Tại sao lấy đồ của quân giặc cướp cài lên đầu làm ô uế đầu của con”*. Không bao lâu sau, đám giặc cỏ thất bại, Trương Đĩnh Nhiên trốn chạy đến Trương Dương rồi chết ở đó. Hoàng thị tự mình cày ruộng, dệt vải nuôi dưỡng con trai thành người, sau được hưởng phúc báo sống lâu.

- Khóc lóc ngăn cản chồng ra làm quan chương lữ của đám giặc cỏ, đây là **trung**;
- Dẫn con trai mới mười tuổi vào trốn trong trại Thanh Sơn là **nghĩa**;
- Vứt bỏ trâm vàng của giặc cướp, không để nó ô nhiễm đầu của con trai là có lòng **liêm sỉ**.

Kiến thức của phụ nữ trong trời đất, có lúc so với nam giới còn cao hơn. Giống như Hoàng thị là người như vậy, không phải là người tài đức sáng suốt sao có thể làm được?

NGUYỄN PHI CHỊU CỤC HÌNH

Thời Đông Tấn thập lục quốc, Vua nước tiền Yên là Mộ Dung Tuấn, chán ghét em trai mình là Mộ Dung Thùy. Lúc này, có một vị quan Trung Thường Thị vu cáo vợ của Mộ Dung Thùy là Đoàn Nguyên Phi cùng với Cao Bật dùng bùa phép nguyên rửa người khác, ý muốn dùng tội danh này làm liên lụy Mộ Dung Thùy. Mộ Dung Tuấn bắt Đoàn Nguyên Phi đi tra khảo, đánh cho thương tích đầy mình, nhưng Đoàn Nguyên Phi trước sau một câu cũng không nhận bùa. Mộ Dung Thùy biết được vợ mình bị tra tấn như vậy bèn âm thầm sai người đi nói với vợ rằng: *“Con người sống ở trên đời, cuối cùng không tránh được cái chết. Tội gì chịu cực hình như vậy? Chỉ bằng nhận bùa đi!”*. Đoàn Nguyên Phi nói: *“Thiếp đâu phải là người tham sống sợ chết, chỉ sợ sau khi mình nhận bùa tiếng xấu này, trên thì làm nhục thanh danh của Tổ tiên, dưới thì liên lụy đến chồng của thiếp!”*. Trong thời gian thẩm vấn bà, bà biện luận và trả lời càng rõ ràng, bất khuất. Do vậy, Mộ Dung Thùy mới may mắn thoát khỏi, nhưng Đoàn Nguyên Phi bị chết trong ngục. Sau này khi Mộ Dung Phục lên làm Vua nước hậu Yên đã truy phong cho Đoàn Nguyên Phi làm Hoàng Hậu, thụy hiệu là *“Thành Chiêu”*.

Thịt cá bản thân vốn thôi rửa trước, sau đó mới sinh ra dòi bọ. Bởi vì Mộ Dung Tuấn có sự căm ghét Mộ Dung Thùy nên mới có việc quan Trung Thường Thị a dua nịnh hót Mộ Dung Tuấn, vu cáo Đoàn Nguyên Phi, nhân cơ hội đó hãm hại Mộ Dung Thùy. May là Đoàn Nguyên Phi hiên ngang, lắm liệt, sợ mình làm nhục Tổ tiên, nên trước sau như một không chịu khuất phục, như vậy mới làm cho kế độc của Mộ Dung Tuấn bất thành. Sau này, Mộ Dung Thùy truy phong thụy hiệu của bà là *“Thành Chiêu”*, điều này vô cùng thích hợp.

VỢ BÔN KHÍCH LỆ CHỒNG

Thời nhà Đường, vợ của Trạm Bôn là em gái vợ của Tiến sĩ Bành Kháng. Lúc Bành Kháng đỗ Tiến sĩ, anh em cộc chèo của Bành Kháng là Trạm Bôn vẫn là một vị quan nhỏ trong huyện. Người thân và người trong họ của vợ Bành Kháng đều đến chúc mừng Bành Kháng. Trên bàn toàn những người nổi tiếng đương thời, Bành Kháng ngồi bên phải khách. Những người khách này bày tỏ thái độ rất bội phục. Nhưng Trạm Bôn thì sao? Trạm Bôn trốn ở nhà sau ăn cơm, địa vị của hai người bọn họ cũng một trời một vực. Vợ của Trạm Bôn thấy tình hình như vậy cũng cảm thấy rất hổ thẹn bèn trách chồng rằng: *“Làm đàn ông con trai, tự mình không thể khích lệ mình, đến nỗi để người ta làm nhục đến mức này, còn mặt mũi nào?”*. Trạm Bôn cảm thấy lời của vợ không sai, thế là cố gắng học hành, quả nhiên đỗ khoa cử. Lúc này, Bành Kháng đang đi du ngoạn ở ngoại thành, nghe tin Trạm Bôn thi đỗ, bất giác hét lên một tiếng, từ trên lưng ngựa ngã xuống đất. Do vậy người thời đó có câu: *“Trạm Bôn thi đỗ, Bành Kháng ngã ngựa”*.

Bậc quân tử khen ngợi vợ của Trạm Bôn, có thể khích lệ chồng, để chồng đạt được công danh.

Con người chỉ cần có thể tự mình khích lệ mình, có chí khí như vậy thì cuối cùng cũng sẽ thành công. Cũng chỉ có trải qua khó khăn, người có chí khí như vậy chắc chắn sẽ tự khích lệ mình. Giả sử để cho Trạm Bôn ngồi bên cạnh những người nổi tiếng đã cảm thấy hổ thẹn rồi, huống hồ còn trốn ở nhà sau để ăn cơm? Trạm Bôn không cảm thấy hổ thẹn mà vợ Trạm Bôn cảm thấy hổ thẹn, cuối cùng Trạm Bôn bị lời nói của vợ làm cho cảm động mà quyết chí vươn lên mà rửa sạch nỗi nhục của mình. Như vậy sao có thể nói là không thể nghe theo lời nói của phụ nữ chứ?